MỤC LỤC

LÍ LUẬN GIÁO DỤC - DẠY HỌC

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC TRONG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CHO SINH VIÊN Ở TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG 1
TS. Phạm Thị Kim Lan, *Khoa Giáo dục đại cương*
DẠY HỌC DỰA TRÊN TRUY VẤN ĐỂ TỔ CHỨC GIỜ HỌC KHÁM PHÁ KHOA HỌC TRONG GIÁO DỤC MẦM NON 9
ThS. Vũ Thị Thu Hà, *Khoa Giáo dục mầm non*
VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ TỰ HỌC VÀ HỌC TẬP SUỐT ĐỜI ĐỂ RÈN LUYỆN SINH VIÊN TỰ HỌC CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ Ở TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG 17
TS. Đỗ Thị Thanh Loan, *Khoa Giáo dục đại cương*
VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC HỢP TÁC THEO NHÓM TRONG GIẢNG DẠY MÔN NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA 28
CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN 28
TS. Lê Thị Hồng Khuyên, *Khoa Giáo dục đại cương*
Ý NGHĨA CỦA ỨNG DỤNG STEAM TRONG GIÁO DỤC MẦM NON 38
TS. Nguyễn Thị Thanh, *Phó Hiệu trưởng, Trường CĐSP Trung Ương*
CÔNG TÁC KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG CHU KỲ 2 45
ThS. Lê Thị Chúc Quỳnh, *Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục*

TÂM LÍ HỌC – SINH LÍ HỌC LỨA TUỔI

PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC CẢM TÍNH CHO TRẺ KHUYẾT TẬT TRÍ TUỆ THÔNG QUA CÁC BÀI LUYỆN TẬP GIÁC QUAN 50
ThS. Dương Thị Hoa, *Khoa Công nghệ thông tin - Giáo dục nghề nghiệp*
ĐẶC ĐIỂM VÀ NĂNG LỰC ÂM NHẠC CỦA TRẺ MẦM NON 57
ThS. Lê Thị Lan Anh, *Khoa Nghệ thuật*
ThS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, *Phòng Khoa học công nghệ - Hợp tác quốc tế*

THỰC TIỄN GIÁO DỤC

LẬP KẾ HOẠCH CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON.....63
ThS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, *Phòng Khoa học công nghệ - Hợp tác quốc tế*
ThS. Nguyễn Văn Dương, *Trung tâm Bồi dưỡng kiến thức*
SỬ DỤNG SÁCH TRUYỆN - MỘT BIỆN PHÁP HỮU ÍCH TRONG HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CÁC BIỂU TƯỢNG TOÁN CHO TRẺ NHỎ.....70
Vũ Thị Thanh Huyền - Nguyễn Thị Mai Linh, *Khoa Giáo dục Mầm non*
TRÒ CHƠI ÂM NHẠC CHO TRẺ MẪU GIÁO.....81
ThS. Trần Thị Thu, *Khoa Nghệ thuật*
VAI TRÒ CỦA VĂN HỌC TRONG VIỆC GIÁO DỤC GIÁ TRỊ SỐNG CHO TRẺ MẪU GIÁO.....89
TS. Hoàng Thị Lan, *Phòng Khoa học công nghệ - Hợp tác quốc tế* 89
PHƯƠNG PHÁP DÀN DỰNG MÚA CHO TRẺ MẪU GIÁO LỚN.....97
ThS. Đào Thu Hoà, *Khoa Nghệ thuật* 97

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG DẠY HỌC

SỬ DỤNG INTERACTION TRONG PHẦN MỀM ISPRING SUITE THIẾT KẾ CÁC NỘI DUNG HỌC TẬP TƯƠNG TÁC.....104
ThS.Nguyễn Thanh Thủy, *Khoa Công nghệ thông tin – Giáo dục nghề nghiệp*
TÍCH HỢP HỆ THỐNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ HỆ THỐNG QUẢN LÝ HỌC TẬP TRỰC TUYẾN HƯỚNG TỚI HÌNH THỨC HỌC TẬP KẾT HỢP TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG.....114
ThS.Trần Nguyên Hương, *Khoa Công nghệ thông tin-Giáo dục nghề nghiệp*
ThS. Vũ Mạnh Điệp, *Khoa Giáo dục Mầm non*
ỨNG DỤNG PHẦN MỀM SHUB CLASSROOM TRONG GIẢNG DẠY HỌC PHẦN GIÁO DỤC HỌC MẦM NON TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG.....122
ThS. Đinh Hương Ly, *Khoa Giáo dục mầm non*
HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÍ VĂN BẢN ĐẾN BẰNG PHẦN MỀM QUẢN LÝ VĂN BẢN TRONG QUÁ TRÌNH GIẢNG DẠY HỌC PHẦN NGHIỆP VỤ VĂN THƯ.....132
ThS. Vũ Thị Bích, *Khoa Công nghệ thông tin và Giáo dục nghệ nghiệp*

LÍ LUẬN GIÁO DỤC - DẠY HỌC

♦ ♦ ♦ ♦ ♦

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC TRONG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CHO SINH VIÊN Ở TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG

TS. Phạm Thị Kim Lan
Khoa Giáo dục đại cương

Tóm tắt: Tư tưởng Hồ Chí Minh (TTHCM) về đạo đức cách mạng là hệ thống những quan điểm cơ bản về giá trị, chuẩn mực đạo đức, kết hợp những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, kết tinh tinh hoa văn hóa nhân loại, là đạo đức chủ nghĩa cộng sản thuộc hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin. Ngày 15/5/2016, Bộ Chính trị ra Chỉ thị số 05-CT/TW về: "Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh". Bài viết đề xuất các giải pháp vận dụng TTHCM trong giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên khoa Giáo dục mầm non, Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương.

Từ khóa: *Đạo đức nghề nghiệp, giáo dục đạo đức nghề nghiệp, giáo viên mầm non,*

1. Đặt vấn đề

Trong toàn bộ di sản TTHCM, vấn đề đạo đức cách mạng chiếm vị trí quan trọng. Tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đã quy tụ cả dân tộc làm nên sứ mạnh tổng hợp của Cách mạng Việt Nam thế kỷ XX, tiếp tục soi sáng hành trình xây dựng đất nước hùng cường trong giai đoạn hiện nay.

Xã hội càng phát triển càng đặt ra những yêu cầu khắt khe, toàn diện với nghề giáo viên mầm non (GVMN). Bên cạnh đó, những tác động của nền kinh tế thị trường nói chung, đại dịch COVID-19 nói riêng, nghề GVMN đứng trước những thách thức to lớn về đời sống kinh tế, sự vững tin với nghề mình lựa chọn. Sự bùng nổ của công nghệ thông tin, những sinh viên (SV) đang được đào tạo theo nghề GVMN của Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương (CĐSPTƯ) luôn chịu tác động hàng ngày của dư luận truyền thông, xã hội về phẩm chất đạo đức người GVMN. Vì vậy, để SV thấm nhuần vai trò của đạo đức nghề nghiệp (ĐĐNN) với nghề tương lai, có đủ bản lĩnh, nghị lực vượt qua thách thức nghề nghiệp, kiên định với tình yêu trẻ thơ, thì giáo dục đạo đức nghề nghiệp từ khi các em còn ngồi trên ghế nhà trường đóng vai trò quyết định tới chất lượng đào tạo của Nhà trường.

2. Nội dung

2.1. Các khái niệm

2.1.1. Khái niệm đạo đức, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức nghề nghiệp giáo viên mầm non

Theo Từ điển tiếng Việt, khái niệm "đạo đức" được hiểu tổng quát là: "Những tiêu chuẩn, nguyên tắc được dư luận xã hội thừa nhận, quy định hành vi, quan hệ của con người đối với nhau và đối với xã hội"; Hay là: "Phẩm chất tốt đẹp của con người do tu dưỡng theo những tiêu chuẩn đạo đức mà có" [5, tr.290].

Theo Luật Viên chức 2019 (Sửa đổi, bổ sung Luật Viên chức 2010), ĐĐNN là các chuẩn mực về nhận thức và hành vi phù hợp với đặc thù của từng lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quy định [7].

Đạo đức nghề nghiệp cũng có mối quan hệ chặt chẽ với đạo đức cá nhân, trong đó, đạo đức cá nhân là cơ sở để tu dưỡng ĐĐNN.

Từ đó có thể hiểu ĐĐNN của GVMN là một hệ thống các nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực đạo đức mà GVMN cần có khi hoạt động trong lĩnh vực giảng dạy và chăm sóc trẻ mầm non, quy định, điều chỉnh nhận thức, hành vi ứng xử, thái độ của GVMN nhằm hình thành nhân cách tốt đẹp cho trẻ mầm non.

Giáo dục ĐĐNN chính là quá trình chuyển đổi những nguyên tắc, những lý tưởng, quan điểm, chuẩn mực của ĐĐNN thành những phẩm chất đạo đức cá nhân, thành niềm tin và trí thức, thành nhu cầu, tình cảm của đạo đức, thành trách nhiệm và nghĩa vụ, thành năng lực sáng tạo, ý chí và động cơ cá nhân mỗi người trong một lĩnh vực nghề nghiệp nhất định.

Giáo dục ĐĐNN cho SV khoa GDMN tại Trường CĐSPTƯ là hoạt động của chủ thể giáo dục bao gồm cả hệ thống chính trị Nhà trường tác động đến SV khoa GDMN để SV hình thành nhân cách nghề nghiệp của mình, hướng tới những giá trị chân, thiện, mỹ trong hoạt động nghề nghiệp.

2.1.2. Quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về vai trò, sức mạnh đạo đức

- Đạo đức là gốc của người cách mạng: Hồ Chí Minh là một trong những nhà tư tưởng, một lãnh tụ cách mạng thế giới đã bàn nhiều về vấn đề đạo đức và giáo dục đạo đức. Khi đánh giá vai trò của đạo đức trong đời sống, từ rất sớm, Hồ Chí Minh đã khẳng định đạo đức là nguồn nuôi dưỡng và phát triển con người, như gốc của cây, ngọn nguồn của sông suối. "Đạo đức cũng như sông, có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân"[1, tr. 292]. Người cho rằng, làm cách mạng để cải

tạo xã hội cũ thành xã hội mới là một sự nghiệp rất vẻ vang, nhưng nó cũng là một nhiệm vụ rất nặng nề. "Sức có mạnh mới gánh được nặng và đi được xa. Người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng, mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang" [3, tr. 601]. Người nói, cán bộ, đảng viên muốn cho dân tin, dân phục thì không phải cứ "viết lên trán chữ cộng sản mà ta được họ mến yêu. Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức" [2, tr.16].

TTHCM là đạo đức trong hành động, lấy hiệu quả thực tế làm thước đo. Chính vì vậy, Hồ Chí Minh luôn đặt đạo đức bên cạnh tài năng, gắn đức với tài, lời nói đi đôi với hành động và hiệu quả trên thực tế. Người nói: "Phải lấy kết quả thiết thực đã góp sức bao nhiêu cho sản xuất và lãnh đạo sản xuất mà đo ý chí cách mạng của mình. Hãy kiên quyết chống bệnh nói suông, thói phô trương hình thức, lối làm việc không nhằm mục đích nâng cao sản xuất" [4, tr. 68].

Như vậy, trong TTHCM, đức và tài, hồng và chuyên, phẩm chất và năng lực thống nhất làm một. Trong đó, đức là gốc của tài; hồng là gốc của chuyên; phẩm chất là gốc của năng lực; tài là thể hiện cụ thể của đức trong hiệu quả hành động.

- Đạo đức là nhân tố tạo nên sức hấp dẫn của chủ nghĩa xã hội. Tấm gương đạo đức trong sáng của một nhân cách vĩ đại, song cũng rất đời thường của Hồ Chí Minh là nguồn cổ vũ động viên tinh thần quan trọng đối với nhân dân ta và nhân loại tiến bộ đoàn kết đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

2.1.3. Chỉ thị của Bộ Chính trị về đẩy mạnh cuộc vận động học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Sau 5 năm thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XI về "Tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" đã đạt được kết quả bước đầu, ngày 15/5/2016, Bộ Chính trị ra Chỉ thị số 5-CT/TW về "Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh" nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong Đảng, hệ thống chính trị và nhân dân, đưa việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh thành công việc tự giác, thường xuyên, bằng nhiều hình thức phong phú, sinh động các nội dung chủ yếu về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân. Cuộc vận động đã trở thành đời sống tinh thần của mỗi người dân Việt Nam. Tổng Bí thư Ban chấp hành Đảng Cộng sản Việt Nam Nguyễn Phú Trọng khẳng định: "Học tập Bác là học tư tưởng, thế giới quan và nhân sinh quan cách mạng, đạo đức cách mạng và phong cách của người chiến sỹ cộng sản chân chính. Thúc đẩy việc học tập Bác trở thành

lối sống, nếp nghĩ, cách làm của từng cán bộ, đảng viên và người dân. Làm cho mỗi cán bộ, đảng viên thực sự thấm nhuần tư tưởng của Bác, thống nhất giữa tư tưởng và hành động, giữa lời nói và việc làm. Ai cũng tìm thấy ở đó những chuẩn mực đạo đức cần học tập, tu dưỡng, rèn luyện, trở thành nhu cầu, lẽ sống tự nhiên, mong muốn vươn lên, hoàn thiện chính bản thân mình: Bản lĩnh, kiên định, tuyệt đối trung thành với mục tiêu, lý tưởng cách mạng; cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; gần dân, tin dân, yêu dân, học dân, gắn bó máu thịt với nhân dân, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân" [6].

Như vậy, có thể khẳng định, với bất cứ nghề nghiệp nào, ĐĐNN giữ vai trò hàng đầu làm nên chất lượng nguồn nhân lực của nghề đó. Rèn đức, luyện nghề trở thành nhu cầu tất yếu với chất lượng lao động tại Việt Nam, trong đó có đội ngũ GVMN, mà trước hết là những SV đang được đào tạo theo nghề GVMN tại Trường CĐSPTƯ.

2.2. Biện pháp vận dụng tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh để giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên khoa Giáo dục mầm non

2.2.1. Những vấn đề đặt ra

Bên cạnh những hoạt động thường xuyên và kết quả đạt được, công tác giáo dục ĐĐNN cho SV khoa GDMN ở Trường CĐSPTƯ hiện nay đang đặt ra một số vấn đề:

Thứ nhất, những biến động, khó khăn trong công tác tuyển sinh - vấn đề sống còn với tất cả các cơ sở giáo dục, là thách thức to lớn với công tác giáo dục đào tạo của Nhà trường. Nguyên nhân là do Quốc hội ban hành Luật Giáo dục nghề nghiệp và Luật Giáo dục đại học sửa đổi đã tác động đến công tác tuyển sinh và đào tạo; Các cơ sở GDMN hình thành, phát triển nhanh chóng với bằng cấp trình độ đại học. Bên cạnh đó, điểm chuẩn tuyển sinh thấp, phản ánh trình độ nhận thức của SV không đồng đều. Vấn đề đặt ra đòi hỏi Nhà trường phải nhanh chóng thay đổi, nâng cấp Nhà trường, tìm ra hướng đầu tư chuyên sâu cho đào tạo ngành GDMN.

Thứ hai, nền kinh tế thị trường nói chung, đại dịch COVID-19 đã tác động đến mọi mặt của đời sống xã hội, trong đó giáo dục là một trong những ngành chịu tác động, ảnh hưởng nhiều nhất, đặc biệt đối với cấp học GDMN. Đời sống GVMN chịu tác động vô cùng nặng nề trong đại dịch. Lương theo ngạch bậc nhà nước của GVMN thấp nhất trong hệ thống giáo dục, nhiều giáo viên hợp đồng nghỉ không lương.

Thứ ba, vấn đề đặt ra từ phía SV. Vẫn còn một bộ phận SV mang tâm lý học để có bằng, học vì cha mẹ muốn mình học, không biết học gì thì chọn ngành GDMN. Vì vậy, khi vào trường học, SV tỏ thái độ thờ ơ, không chú ý tới rèn đức, luyện nghề, không có ý thức vươn lên trong học tập và rèn luyện, SV tranh thủ thời gian đi làm thêm, bán hàng online… gây xao nhãng việc học. Vẫn còn một bộ phận SV không có chí hướng rõ ràng, "nhạt Đảng, phai Đoàn, xa chính trị". Đồng thời, một bộ phận SV hiện đang chỉ quan tâm đến lợi ích trước mắt, lợi ích cá nhân của mình.

Với tỉ lệ 100% là nữ, công tác giáo dục đạo đức cho SV nữ đòi hỏi Nhà trường, gia đình phải quan tâm đặc biệt, gần gũi, sát sao. Từ phong cách thời trang SV nữ… đến vấn đề tình yêu nam nữ, lối "sống thử" đã trở nên quá quen thuộc với các bạn sinh viện hiện nay. Tất cả đều ảnh hưởng trực tiếp tới quá trình rèn luyện, tu dưỡng ĐĐNN của SV. Làm sao để những cô giáo mầm non tương lai hội tủ đủ các yếu tố của "SV 5 tốt" là vấn đề thực tiễn lớn với công tác đào tạo của nhà trường.

2.2.2. Biện pháp nâng cao chất lượng về công tác giáo dục ĐĐNN đối với SV khoa GDMN Trường CĐSP Trung ương

Để nâng cao chất lượng về công tác giáo dục ĐĐNN đối với SV hiện nay dưới ánh sáng TTHCM, Trường CĐSPTƯ cần phải thực hiện các biện pháp sau:

a) Nâng cao nhận thức cho giảng viên và sinh viên về vị trí của giáo dục đạo đức nghề nghiệp ở Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương

Giáo dục ĐĐNN cho SV khoa GDMN ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà Trường CĐSPTƯ là hết sức cần thiết nhằm giúp các em nhận thức rõ rệt về tầm quan trọng của ĐĐNN với nghề GVMN. Nhà trường cần thống nhất nhận thức việc giáo dục ĐĐNN phải đạt hiệu quả cuối cùng là sự là hành động và ứng xử của SV sau khi ra trường, có việc làm. Thực hiện giải pháp nâng cao nhận thức về đạo đức cho SV như sau:

- Xây dựng nội dung riêng về giáo dục, rèn luyện ĐĐNN cho SV trong Nghị quyết của Đảng ủy, Ban Giám hiệu, các tổ chức đoàn thể, các phòng, khoa chức năng, không để nội dung này lồng ghép trong các nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng, truyền thống… như những văn kiện hiện nay.

- Nâng cao chất lượng dạy và học các học phần khoa học cơ bản: Đưa môn Đạo đức học vào chương trình giảng dạy, đặc biệt các học phần Lý luận chính trị, trong đó đặc biệt môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, phải xây dựng khung thời gian, nội dung về thảo luận về vận dụng tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh trong rèn luyện

ĐĐNN, tránh hình thức, làm cho xong tiết; Học phần Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam phải kết hợp giáo dục truyền thống của trường, của khoa, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về nghề GVMN, những hiện thực xã hội tác động đến nghề nghiệp tương lai của các em, giáo dục SV về các ngày lễ lớn của dân tộc liên hệ với lịch sử địa phương của SV; Nhà trường cần phải giáo dục SV về học phần Tâm lý và Tâm lý học lứa tuổi để nâng cao nhận thức nền tảng cho SV về đối tượng giáo dục các em sẽ hướng tới.

- Nâng cao chất lượng dạy và học tập học phần Nghề GVMN. Trước hết xây dựng chương trình tăng thời lượng dành cho môn học; gắn kết nhiều với những vấn đề thời sự nóng hổi của thời đại, đất nước; đặc biệt bối cảnh đại dịch COVID-19 vừa qua được coi là "lửa thử vàng" với mỗi GVMN. Vì vậy, thông qua môn học để SV không chỉ nắm vững đặc điểm, yêu cầu của tay nghề mà phải hướng tới SV nhận thức được muốn thực hành được tay nghề trước hết phải có ĐĐNN.

- Tổ chức học tập Nghị quyết của Đảng, Đoàn, nghe báo cáo thời sự thường kỳ.

b) Nâng cao chất lượng hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội sinh viên, Phòng Công tác học sinh - sinh viên trong việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên.

Hiện nay, tổ chức Đảng, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh trong Nhà trường đã và đang phát huy được chức năng giáo dục và rèn luyện tư tưởng chính trị đạo đức cho SV. Để làm tốt hơn vai trò, nhiệm vụ của mình, các tổ chức chính trị xã hội cần phải:

- Tổ chức tham quan các di tích cách mạng theo chủ đề và nội dung cụ thể, phát động tổ chức các phong trào văn hóa, văn nghệ, các cuộc thi cán bộ lớp, cán bộ đoàn giỏi, SV tài năng, với nội dung thiết thực mang ý nghĩa giáo dục, phù hợp với bối cảnh thời đại nhằm hình thành các giá trị văn hóa mới nối tiếp các giá trị nhân đạo truyền thống.

- Nâng cao việc giáo dục ĐĐNN cho SV thông qua các hoạt động ngoại khóa như: Tọa đàm thảo luận với những giáo viên lâu năm, có nhiều thành tích đóng góp cho trường, cho khoa; sinh hoạt câu lạc bộ, đêm thơ, dạ hội, giao lưu tạo cơ hội cho SV có nhận thức đúng đắn trong việc rèn luyện ĐĐNN cho bản thân.

- Đoàn TNCS Hồ Chí Minh của trường tổ chức các lớp, chương trình huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác cho các cán bộ phụ trách Đoàn trường, các liên chi đoàn và các chi đoàn SV, nhằm trang bị cho những cán bộ Đoàn tri thức,

nghiệp vụ tổ chức, sinh hoạt Đoàn, kỹ năng vận động, lôi cuốn đoàn viên thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, nội quy, qui chế của Nhà trường, khoa.

- Đoàn trường liên kết với các BCH Đoàn tại các Trường Mầm non thực hành tạo ra sân chơi, hoạt động chung cho SV khoa GDMN. Từ thực tế hoạt động sẽ có ý nghĩa thiết thực với việc bồi dưỡng lí tưởng đạo đức, lối sống lành mạnh cho SV giúp họ tránh được những tệ nạn xã hội, đem lại niềm tin, niềm vui vào các tổ chức Đảng, Đoàn.

c) Phát huy vai trò của cố vấn học tập

Trong chương trình đào tạo theo hình thức tín chỉ, cố vấn học tập đóng vai trò quan trọng, là cầu nối trực tiếp chương trình, hình thức đào tạo, quy định của nhà trường với SV, quy chế khen thưởng, kỷ luật… Cố vấn học tập là người trực tiếp trong việc giáo dục đạo đức, tư tưởng chính trị cho SV trong phạm vi lớp học tín chỉ. Cố vấn học tập cần thực hiện tốt:

- Tìm hiểu, nắm vững đặc điểm SV lớp mình nhằm xây dựng tập thể lớp SV thành tập thể tự quản tốt, đoàn kết nhất trí. Xây dựng lớp học thành môi trường để mỗi cá nhân có cơ hội tu dưỡng các phẩm chất tốt đẹp như: Tinh thần tập thể, tinh thần đoàn kết thân ái, tình yêu thương bè bạn, tinh thần hợp tác giúp đỡ, tính trung thực…

- Cố vấn học tập phối hợp các lực lượng giáo dục trong nhà trường, ở gia đình và ngoài xã hội để thống nhất quá trình tác động giáo dục theo một chương trình hành động chung. Trước hết, cố vấn học tập cần liên kết, phối hợp với lãnh đạo trường, lãnh đạo khoa, phối hợp với các giáo viên bộ môn, phối hợp với tổ chức Đoàn Thanh niên, với ban công tác SV, Ban quản lí kí túc xá SV.

- Ngoài các mối liên hệ, sự phối hợp chủ yếu nêu trên, cố vấn học tập cần phối hợp với các đoàn thể, lực lượng khác trong trường ở những tình huống khác nhau nhằm tạo thành sức mạnh tổng hợp trong giáo dục nói chung và giáo dục ĐĐNN cho SV.

d) Phát huy vai trò tự tu dưỡng, rèn luyện của sinh viên và năng lực tự quản của tập thể sinh viên

Với vị trí địa lý thuận lợi, nằm ở khu vực phát triển, ổn định, SV Trường CĐSPTW có điều kiện tiếp thu những tiến bộ của đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội, nhưng SV cũng chịu nhiều tác động tiêu cực từ đời sống tấp nập của Thủ đô. Vì vậy, công tác giáo dục ĐĐNN cho những GVMN tương lai của Trường CĐSPTW luôn phải đưa SV vào quá trình tự tu dưỡng phẩm chất, đạo đức. Có như

vậy mới hình thành cho các em nhu cầu khách quan về tu dưỡng ĐĐNN, trở thành nếp sống ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường.

Cần đấu tranh chống tư tưởng khoán trắng, thả nổi để SV tự do hoạt động theo sở thích, hứng thú riêng của các cá nhân, vì khi đó chúng ta đánh mất vai trò của giáo dục. Tổ chức tự quản của tập thể SV, xây dựng tập thể SV như lớp học, trường học, tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội liên hiệp sinh viên thành môi trường giáo dục là một yêu cầu, một nguyên tắc giáo dục của nhà trường, có như vậy mới rèn luyện được đạo đức cho các em. Cần xây dựng tập thể đáp ứng 5 đặc điểm sau:

- Có mục tiêu hoạt động thống nhất.
- Có chương trình kế hoạch hoạt động cụ thể.
- Có đội ngũ tự quản đủ năng lực.
- Có kỉ luật tập thể chặt chẽ.
- Có dư luận tập thể lành mạnh.

Tóm lại, quá trình giáo dục ĐĐNN là trách nhiệm của nhà trường sư phạm, làm sao giúp họ đạt được những tiêu chí, những phẩm chất đạo đức đặc trưng mang tính nghề nghiệp.

3. Kết luận

Học tập làm theo tấm gương tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đã trở thành đời sống tinh thần với mỗi người dân Việt Nam, trở thành tiêu chí phấn đấu rèn luyện với mỗi người dân. SV khoa GDMN mang sứ mệnh dìu dắt những em bé thơ trước ngưỡng cửa đầu tiên của cuộc đời, lấy đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là tấm gương sáng để thực hành ĐĐNN. Những biện pháp nêu trên đã góp phần giúp GV tiếp tục vận dụng tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh trong việc nâng cao chất lượng của công tác giáo dục ĐĐNN cho SV khoa GDMN.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1.Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, H. 2011, t.5.

2. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, H. 2011, t.6.

3. Hồ Chí Minh, Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, H. 2011, t.11.

4. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, H. 2011, t.13.

5. Hoàng Phê (2005), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, ĐàNẵng.

Các trang web:

6. https://dangcongsan.vn/lanh-dao-dang-nha-nuoc/tong-bi-thu-nguyen-phu-trong-chu-tri-hoi-nghi-so-ket-5-nam-thuc-hien-chi-thi-so-05-ct-tw-582969.html

7.https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Luat-can-bo-cong-chuc-va-luat-vien-chuc-sua-doi-2019-405729.aspx

DẠY HỌC DỰA TRÊN TRUY VẤN ĐỂ TỔ CHỨC GIỜ HỌC KHÁM PHÁ KHOA HỌC TRONG GIÁO DỤC MẦM NON

ThS. Vũ Thị Thu Hà
Khoa Giáo dục mầm non

Tóm tắt: Khám phá khoa học là một trong những hoạt động quan trọng của trẻ ở trường mầm non. Hoạt động này thu hút được sự chú ý, kích thích hứng thú và niềm đam mê của trẻ. Hiện nay có nhiều phương pháp dạy học tích cực được giáo viên mầm non lựa chọn khi tổ chức hoạt động, dạy học dựa trên truy vấn là một trong số đó. Dạy học dựa trên truy vấn là một trong số những phương pháp dạy học tích cực có cơ sở lí luận là thuyết kiến tạo. Phương pháp này khuyến khích trẻ đặt câu hỏi, tìm kiếm câu trả lời và áp dụng những câu trả lời đó vào trong hoạt động hàng ngày, từ đó giúp trẻ hiểu sâu, nhớ lâu mà không mang tính chất gò ép, áp đặt, qua đó phát triển khả năng quan sát, ghi nhớ, chú ý, ngôn ngữ, phát triển tư duy và tính sáng tạo của trẻ. Như vậy, vận dụng phương pháp dạy học dựa trên truy vấn trong thiết kế hoạt động khám phá khoa học ở mầm non sẽ góp phần nâng cao hiệu quả giờ học trên cơ sở phát huy vai trò tích cực, chủ động của trẻ.

Từ khóa: *Dạy học kiến tạo, thuyết kiến tạo, phương pháp dạy học tích cực, dạy học dựa trên truy vấn, khám phá khoa học dựa trên truy vấn.*

1. Đặt vấn đề

Đổi mới phương pháp dạy học là một trong những mục tiêu lớn của giáo dục mầm non đặt ra trong giai đoạn hiện nay. Đổi mới phương pháp bắt đầu từ việc cải tiến các phương pháp dạy học truyền thống theo hướng phát huy tính tích cực của trẻ, khắc phục lối truyền thụ một chiều. Bên cạnh đó, việc nghiên cứu các phương pháp dạy học mới trên cơ sở vận dụng các lí thuyết tâm lí hiện đại cũng là một hướng được nhiều giáo viên mầm non lựa chọn.

Theo quan điểm của thuyết kiến tạo thì tri thức được tạo bởi tính tích cực của chủ thể chứ không phải là tiếp thu một cách thụ động từ bên ngoài. Do vậy, trẻ sẽ chủ động, tích cực trong việc xây dựng hệ thống tri thức cho bản thân, giáo viên chỉ đóng vai trò là người tổ chức, điều khiển. Lí thuyết này là cơ sở của nhiều quan điểm và phương pháp dạy học tích cực, trong đó có phương pháp dạy học theo truy vấn. Ở phương pháp dạy học dựa trên truy vấn người đặt ra câu hỏi không phải là giáo viên mà là trẻ, giáo viên chỉ đóng vai trò hướng dẫn, tổ chức các hoạt động để trẻ tự tìm ra câu trả lời và làm sáng tỏ nội dung bài học, từ đó phát triển nhận thức

và hình thành kinh nghiệm mới. Đây là một trong những phương pháp điển hình cho xu hướng dạy học lấy người học làm trung tâm. Như vậy thay vì giảng bài một chiều, giáo viên sẽ để trẻ tự đặt câu hỏi, hướng dẫn trẻ phát triển các câu hỏi và tổ chức hoạt động cho trẻ đi tìm đáp án cho các câu hỏi đó.

2. Nội dung

2.1. Một số quan điểm cơ bản của thuyết kiến tạo trong dạy học

Nếu thuyết hành vi xem trẻ tồn tại một cách thụ động thì thuyết kiến tạo lại nhận định đứa trẻ có thể tự kiến tạo kiến thức một cách tích cực thông qua tương tác với môi trường. Kiến thức, kỹ năng trẻ có được không phải do sự truyền đạt hay do việc thực hiện theo trình tự: bắt chước, củng cố, lặp lại mà được hình thành một cách tích cực thông qua chính hoạt động của trẻ. Lí thuyết kiến tạo có cơ sở từ quan điểm tâm lí học của J.Piaget và L.X.Vygotsky.

Theo J. Piaget – nhà tâm lý học người Thụy Sĩ thì con người tự kiến tạo kiến thức thông qua quá trình tìm hiểu, thao tác với sự vật trong thế giới xung quanh. "*Con người trong quá trình khám phá thế giới, nó tự mình tạo nên kiến thức, tự mình tạo nên thế giới của mình. Giáo dục chỉ là sự giúp đỡ để con người có thể tự học, tự khai sáng cho mình"[3].* Theo nghiên cứu của ông, sự phát triển trí tuệ được tạo thành do hai quá trình tương hỗ nhau là đồng hóa và điều ứng [2,389].

Đồng hóa là quá trình chủ thể vận dụng những kiến thức cũ để giải quyết tình huống mới và sắp xếp kiến thức mới thu nhận được vào cấu trúc hiện có.

Điều ứng là quá trình mà trong đó để thích nghi với những đòi hỏi đa dạng của môi trường thì người học phải thay đổi cấu trúc đã có, tạo ra cấu trúc mới cho phù hợp với hoàn cảnh mới [2, 390].

Còn theo L.X.Vygotsky - nhà tâm lí học người Nga, trong suốt quá trình phát triển của trẻ em thường xuyên diễn ra hai mức độ: "trình độ hiện tại" và "vùng phát triển gần nhất". Trình độ hiện tại là trình độ, mà ở đó các chức năng tâm lí đã đạt tới độ chín muồi, còn ở vùng phát triển gần nhất các chức năng tâm lí đang trưởng thành nhưng chưa chín muồi. Trình độ hiện tại biểu hiện ở chỗ trẻ độc lập giải quyết nhiệm vụ mà không cần sự giúp đỡ nào từ bên ngoài, còn vùng phát triển gần nhất được thể hiện ở chỗ trẻ chỉ hoàn thành được nhiệm vụ khi có sự hợp tác, giúp đỡ của người khác. "Vùng phát triển gần nhất" hôm nay thì ngày mai sẽ trở thành trình độ hiện tại và xuất hiện "vùng phát triển gần nhất" mới. Mỗi người đều có một "Vùng phát triển gần nhất" khác nhau, nhiệm vụ của giáo viên là cung cấp những hỗ trợ ban đầu cho trẻ nhưng nếu trẻ đã có khả năng làm việc độc lập thì ngừng hỗ trợ.

Như vậy theo thuyết kiến tạo, trẻ em là chủ thể tích cực xây dựng nên kiến thức, kỹ năng cho bản thân mình chứ không phải chỉ thu nhận một cách thụ động từ môi trường bên ngoài. Trong quá trình xây dựng kiến thức cho bản thân, trẻ cần dựa trên những kiến thức hoặc kinh nghiệm đã có từ trước. Do nền tảng kinh nghiệm của mỗi trẻ khác nhau nên những tri thức được hình thành cũng khác nhau. Hơn nữa trẻ cũng luôn phải tiến hành hợp tác, trao đổi với mọi người xung quanh (thầy cô, bạn bè, cha mẹ…) để không ngừng điều chỉnh, sửa đổi cấu trúc đã có, nhờ vậy mới có hiểu biết một cách đầy đủ về thế giới bên ngoài.

2.2. Dạy học dựa trên truy vấn ở mầm non

2.3.1. Một vài nét về dạy học dựa trên truy vấn ở mầm non

* Dạy học dựa trên truy vấn là gì?

Dạy học dựa trên truy vấn là phương pháp dạy học lấy trẻ làm trung tâm. Thay vì trình bày cho trẻ những kiến thức, kỹ năng đã định sẵn thì giáo viên yêu cầu trẻ tự đặt ra các câu hỏi kiểu "điều tra" và tiến hành "tìm kiếm tri thức" để đi đến kết luận về các sự vật, hiện tượng trong thế giới xung quanh.

Nếu phương pháp dạy học đàm thoại, giáo viên là người đặt câu hỏi thì trong dạy học theo truy vấn trẻ sẽ là người đặt câu hỏi về đối tượng mà trẻ muốn tìm hiểu. Những câu hỏi của trẻ sẽ dẫn dắt quá trình tìm kiếm tri thức của trẻ. Mặt khác, ở phương pháp dạy học đàm thoại để trả lời câu hỏi hay vấn đề mà giáo viên nêu ra. Trẻ chỉ cần thực hiện hoạt động quan sát hoặc thí nghiệm thì trong dạy học theo truy vấn trẻ có thể tìm kiếm tri thức bằng nhiều con đường khác nhau như tự trải nghiệm (quan sát, thí nghệm, thử nghiệm, hoạt động thực tiễn….), hỏi chuyên gia, hỏi cha mẹ, tra cứu internet, nghe hoặc đọc sách... Thời gian để trẻ tìm ra câu trả lời có khi là một buổi, có khi là vài buổi hoặc một tuần, một tháng.

Yêu cầu đặt ra với giáo viên khi dạy học dựa trên truy vấn là phải thay đổi thói quen từ hỏi trẻ sang khuyến khích, hướng dẫn trẻ đặt câu hỏi. Muốn trẻ tích cực đặt các câu hỏi, giáo viên phải thể hiện sự vui sướng, thích thú với các câu hỏi của trẻ; Thường xuyên khen ngợi câu hỏi của trẻ là hấp dẫn, thông minh như "Câu hỏi của con rất hay", "Đây là câu hỏi cô chờ đợi rất lâu rồi"... Còn trong trường hợp trẻ chưa biết đặt câu hỏi thì giáo viên phải làm mẫu về cách đặt câu hỏi cho trẻ như: "Không bạn nào hỏi gì à? Vậy cô thì có câu hỏi như này….".

* Biện pháp tổ chức dạy học theo truy vấn

- Tìm những vấn đề thú vị trong thực tiễn để khơi gợi trí tò mò, thích khám phá của trẻ. Chẳng hạn, trong giờ khám phá khoa học về các loại hoa quả, muốn trẻ

tò mò, hứng thú thì giáo viên phải tìm những quả/hoa lạ, vì những thứ quá quen thuộc sẽ khó để khơi gợi trí tò mò, muốn tìm hiểu của trẻ, trẻ sẽ không đặt câu hỏi về những cái trẻ đã biết.

- Khuyến khích và hướng dẫn trẻ cách đặt câu hỏi kiểu điều tra/hướng vào hoạt động khám phá đối tượng, tránh một số câu hỏi như: Tại sao quả A lại màu vàng hoặc màu xanh? Tại sao bạn B lại là con trai hay con gái?... Thay vào đó sẽ đặt các câu hỏi như tại sao con lại biết đó là con trai hay con gái…

- Khi trẻ đặt câu hỏi, giáo viên chú ý lắng nghe và ghi lại những câu hỏi của trẻ, đồng thời phân loại câu hỏi để xếp các câu hỏi vào các nhóm (nhóm câu hỏi về đặc điểm, nhóm câu hỏi về công dụng, nhóm câu hỏi về cấu tạo, nhóm câu hỏi về cách làm, nhóm câu hỏi về nguồn gốc…).

- Hướng dẫn trẻ cách khảo sát và thu thập thông tin. Chẳng hạn, khi khám phá quả chò nâu, giáo viên phải chuẩn bị sách, trong đó có hình ảnh về quá trình phát triển của cây chò nâu, sự thay đổi của cây chò nâu theo mùa, hoặc chuẩn bị đất, hạt giống để cho trẻ gieo mầm, qua đó trẻ tự trả lời được câu hỏi về quá trình phát triển của cây… Tránh trường hợp, giáo viên giao nhiệm vụ chung chung "Các con cứ tự tìm hiểu xem thế nào nhé!" khiến trẻ sẽ không biết phải làm như thế nào.

- Cung cấp môi trường để trẻ thu thập và "ghi chép", lưu giữ lại kết quả. Chẳng hạn: Để lưu giữ hình ảnh khám phá, giáo viên có thể cung cấp cho trẻ một số hình ảnh lô tô và dán hình ảnh vào sổ để lưu giữ…

- Tổ chức cho trẻ thảo luận và chia sẻ kết quả hoạt động.

* Ý nghĩa của việc học tập theo truy vấn đối với trẻ mầm non

Học tập theo truy vấn sẽ giúp trẻ mầm non phát triển kỹ năng phát hiện, giải quyết vấn đề, đặt câu hỏi và tư duy phản biện. Hơn nữa việc trẻ được tìm hiểu kiến thức thông qua nhiều con đường khác nhau như tự trải nghiệm (quan sát, thí nghiệm, thử nghiệm, hoạt động thực tiễn….), hỏi chuyên gia, hỏi cha mẹ, tra cứu Internet, nghe hoặc đọc sách... thay vì ghi nhớ máy móc các sự kiện. Kiến thức, kỹ năng không chỉ giúp trẻ hình thành tri thức, kỹ năng mới, biết áp dụng kiến thức cho nhiều tình huống khác nhau trong thực tiễn mà còn giúp trẻ đưa ra được những quyết định độc lập và là cơ hội tốt để trẻ rèn luyện và phát triển khả năng diễn đạt.

Nhận thức của trẻ mầm non chủ yếu là nhận thức cảm tính nên trẻ không thể tiếp thu được những nội dung lý thuyết hàn lâm qua những lời nói suông, giảng giải mà trẻ chỉ lĩnh hội được tri thức qua chính những trải nghiệm - thực làm, thực học của mình. Hơn nữa do nhận thức chủ yếu ở mức độ cảm tính nên kết quả nhận thức thường đứt đoạn, rời rạc, thiếu tính hệ thống, trẻ nhanh nhớ nhưng cũng

nhanh quên. Trẻ chưa đi vào bản chất bên trong của sự vật, hiện tượng; cũng chưa hướng đến việc tìm ra mối liên hệ, quan hệ mang tính quy luật của sự vật, hiện tượng. Vì vậy, những tri thức nào trẻ được trực tiếp nhìn, nghe, ngửi, nếm, sờ mó hay trực tiếp trải nghiệm trẻ sẽ lĩnh hội được một cách đầy đủ và ghi nhớ lâu hơn. Mà đặc trưng của dạy học theo truy vấn là thiên về thực hành, vận dụng và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn cuộc sống, vì vậy, phương pháp dạy học này rất phù hợp với đặc điểm nhận thức và cách học của trẻ mầm non.

2.3. Một số gợi ý về cách tổ chức giờ học khám phá phong bao lì xì theo phương pháp dạy học dựa trên truy vấn

** Bước 1. Trẻ tự đặt câu hỏi về một chủ đề với sự hỗ trợ của giáo viên*

Một số câu hỏi mà trẻ có thể đặt ra về phong bao lì xì: Đây là cái gì? Nó có hình gì? Nó dùng để làm gì? Nó đựng gì ở bên trong? Phong bao lì xì có những màu gì? Làm thế nào để bỏ được tiền vào trong phong bao lì xì? Làm thế nào để tiền không bị rơi ra ngoài? Tại sao lại có tên là lì xì? Ngoài ra thì còn tên gọi khác không? Sao ngày tết mọi người lại tặng trẻ con phong bao lì xì? Con có thể làm bao lì xì như này được không? Tại sao nó lại có màu đỏ? Nó được dùng vào thời điểm nào? Tại sao người ta lại cho tiền vào phong bao lì xì? Tại sao trên phong bao lại có hình em bé? Còn dùng lì xì vào dịp nào khác nữa không? Lì xì xuất hiện đầu tiên ở đâu? Khi tặng bao lì xì thì chúng ta cần nói gì? …

Giáo viên sẽ nhóm các câu hỏi của trẻ thành các nhóm như nhóm những câu hỏi về tên gọi, đặc điểm: màu sắc, hình dạng, cấu tạo…; nhóm những câu hỏi về ý nghĩa của phong bao lì xì; nhóm những câu hỏi về nguồn gốc ra đời; nhóm những câu hỏi về cách làm lì xì; Ngoài ra giáo viên cũng có thể bổ sung thêm câu hỏi nếu trẻ chưa đặt như "Ngoài Việt Nam thì còn những nước nào có phong tục tặng bao lì xì?" …

Giáo viên xác định các hoạt động cần tổ chức để trẻ tự tìm câu trả lời.

Điều trẻ muốn biết	**Gợi ý một số hoạt động để giúp trẻ tìm câu trả lời**
Tên gọi, đặc điểm màu sắc, hình dạng, cấu tạo của phong bao lì xì.	Tổ chức cho trẻ đi tham quan những quầy bán bao lì xì. Nếu không tổ chức cho trẻ đi tham quan được thì có thể cho trẻ mang phong bao lì xì từ nhà đến lớp và tạo ra quầy bán bao lì xì, rồi tổ chức cho trẻ khám phá bao lì xì tại lớp.

Ý nghĩa, nguồn gốc ra đời của phong bao lì xì.	Tra google để biết lì xì có nguồn gốc từ đâu? Ra đời từ bao giờ?
Những nước có phong tục tặng lì xì	Xem sách truyện hoặc video có liên quan đến lì xì.
Những loại lì xì khác nhau.	Làm bộ sưu tập các phong bao lì xì theo màu sắc (nhóm các phong bao lì xì màu đỏ, nhóm màu vàng…); theo hình dạng (nhóm hình chữ nhật, hình vuông, hình trái tim); theo chất liệu (giấy, ni lông...); theo cách trang trí (truyền thống, phá cách)…
Có tự làm được phong bao lì xì không và làm như thế nào?	Tổ chức hoạt động cho trẻ tự làm bao lì xì từ các nguyên liệu khác nhau: giấy, bìa, ni lông…
Tặng bao lì xì cho ai và khi tặng thì nói như nào?	Tổ chức hoạt động để trẻ đóng vai tập biếu hoặc tặng phong bao lì xì kèm theo các lời chúc. Cho trẻ làm phong bao lì xì và dạy trẻ mang về tặng ông bà, bố mẹ kèm theo các lời chúc.

Lưu ý: Trong quá trình thực hiện nếu trẻ có thêm câu hỏi thì giáo viên lại tiếp tục thiết kế các hoạt động để giúp trẻ tự tìm kiếm câu trả lời.

** Bước 2: Trẻ thực hành trải nghiệm để khám phá vấn đề*

- Giáo viên giao nhiệm vụ cho nhóm hoặc cá nhân trẻ tự xác định nhiệm vụ; giáo viên quan sát và chỉ hỗ trợ trẻ khi cần thiết.

- Trẻ trao đổi, phân công công việc cho nhau, tự lựa chọn đồ dùng, dụng cụ phù hợp và thực hiện các hoạt động trải nghiệm.

- Kết thúc hoạt động, giáo viên hướng dẫn trẻ thu dọn dụng cụ, tài liệu, đồ dùng, đồ chơi… cho sạch sẽ.

** Bước 3. Trẻ chia sẻ kinh nghiệm*

Trẻ sẽ chia sẻ quá trình và sản phẩm do mình hoặc nhóm mình làm ra bằng lời kết hợp với bảng ghi chép, hoặc bằng vở kịch, bài hát, bài thơ hoặc sơ đồ, mô hình… Khi trẻ chia sẻ các bạn khác và giáo viên sẽ đặt câu hỏi để trẻ giải thích hoặc nói về những cảm xúc hay ấn tượng của trẻ về đối tượng, mối quan hệ giữa trẻ với nhau trong quá trình trải nghiệm, kỹ năng hoạt động, giao tiếp mà trẻ được tham gia. Cuối cùng giáo viên sẽ kết luận.

Giáo viên có thể đặt câu hỏi cho trẻ hoặc nhóm trẻ theo trình tự: Câu hỏi về chủ đề, câu hỏi về các hoạt động trẻ đã tham gia, câu hỏi về cảm xúc, suy nghĩ, kỹ năng, thái độ có được qua trải nghiệm và câu hỏi hướng đến việc xác định nguyên nhân dẫn đến kết quả hoạt động. Đặc biệt giáo viên cần lưu ý tạo cơ hội cho mọi trẻ được chia sẻ cảm xúc, suy nghĩ của mình về điều mà trẻ thích nhất, có ấn tượng nhất. Giáo viên cũng có thể chia sẻ tư liệu giáo viên thu thập được trong quá trình trẻ tham gia hoạt động trải nghiệm (ảnh, video) để tạo thêm cảm xúc, khắc sâu trí nhớ và làm đậm thêm kí ức tốt đẹp của trẻ.

** Bước 4. Trẻ rút ra kinh nghiệm cho bản thân*

Lúc này giáo viên có thể hỏi trẻ: Con hoặc nhóm con đã học được điều gì qua hoạt động này? Hãy nói về những điều con hoặc nhóm con biết được qua hoạt động này? Trẻ tự nói lên kinh nghiệm của bản thân qua hoạt động vừa tham gia (chia sẻ với các bạn). Giáo viên có thể gợi ý những nội dung trẻ chưa đề cập đến để trẻ suy nghĩ, rút ra bài học kinh nghiệm cho bản thân và hệ thống lại các kinh nghiệm trẻ vừa chia sẻ.

Mặc dù vẫn còn một số ít hạn chế như phương pháp này đòi hỏi sự đầu tư công phu và khả năng kiểm soát vấn đề của giáo viên. Đặc biệt cách dạy học truy vấn có thể phát sinh nhiều tình huống, dễ lệch hướng trọng tâm, câu hỏi của trẻ đôi khi lan man, vụn vặt và đôi lúc gây nhàm chán. Nhưng với những ưu thế vượt trội, dạy học dựa trên truy vấn không chỉ giúp phát huy tính tích cực, chủ động của trẻ mà còn là cơ hội để trẻ kiểm chứng, điều chỉnh những kinh nghiệm đã có. Đây là phương pháp dạy học phù hợp, hiệu quả cần được áp dụng triệt để trong quá trình giáo dục trẻ ở trường mầm non.

3. Kết luận

Trước yêu cầu mới của thời đại, chương trình giáo dục của nước ta đã có những định hướng đổi mới chuyển từ "chương trình giáo dục định hướng nội dung dạy học" sang "chương trình giáo dục định hướng năng lực". Từ đó, phương pháp dạy học cũng được đổi mới nhằm chú trọng phát triển năng lực của người học. Phương pháp dạy học theo truy vấn mà chúng tôi phân tích ở trên là một phương pháp dạy học tích cực có tính khả thi, nhiều ưu điểm và đáp ứng được yêu cầu đó. Phương pháp này được áp dụng có hiệu quả đối với những nội dung mà trẻ đã ít nhiều biết đến hoặc có thể dễ dàng tự nhận thức, tự lý giải khi được đặt vấn đề. Như vậy, có thể nói phương pháp dạy học theo truy vấn dựa trên lí thuyết kiến tạo sẽ giúp trẻ mầm non tự "kiến tạo" ra chính mình, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách. Phương pháp dạy học này là một phương pháp mới, lôi cuốn, hấp

dẫn trẻ, nhưng nó đòi hỏi sự nỗ lực rất cao từ cả hai phía là người dạy và người học. Nếu vận dụng tốt phương pháp này vào dạy học ở mầm non nói chung và các giờ học khám phá khoa học nói riêng thì chắc chắn sẽ đạt hiệu quả cao.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồng Đinh (2019), *Học kiểu Mỹ tại nhà,* NXB Thế giới.

2. Phan Trọng Ngọ (2003), *Các lý thuyết phát triển tâm lý người*, NXB Đại học Sư phạm.

3.Lê Thị Lệ Hà - Lưu Thanh Tú - Nguyễn Thị Lan Anh (2016), *Tiếp cận lí thuyết kiến tạo trọng dạy học*, Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 5, tr 117-119.

4.Trần Văn Đạt (2015), *Lí thuyết học tập mang tính xã hội và lí thuyết kiến tạo - Nền tảng của phương pháp học hợp tác*, Tạp chí Giáo dục, số 355, tr 16-18.

5. Hoàng Bách Việt (2020), *Một số nghiên cứu về vấn đề dạy học theo quan điểm kiến tạo*, Tạp chí Giáo dục, Số 474 (Kì 2 - 3/2020), tr 27-29

6.https://robotsteam.vn/mo-hinh-giao-duc-stem,Nguyễn Thành Hải, Viện nghiên cứu giáo dục STEM, ĐH Missouri, Thành viên NSTA, NARST, NABT.

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ TỰ HỌC VÀ HỌC TẬP SUỐT ĐỜI ĐỂ RÈN LUYỆN SINH VIÊN TỰ HỌC CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ Ở TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG

TS. Đỗ Thị Thanh Loan
Khoa Giáo dục đại cương

Tóm tắt: Tự học và học tập suốt đời là tư tưởng lớn của Hồ Chí Minh. Những kinh nghiệm và những giáo huấn được rút ra từ tấm gương tự học bền bỉ và những thành công của Người đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Trong bối cảnh mới, thế giới đang có những bước nhảy vọt trong cuộc cách mạng khoa học - công nghệ, tiến đến nền kinh tế tri thức, đặc biệt trong công cuộc đổi mới ở nước ta, thì việc tự học, tự nghiên cứu để nâng cao kiến thức một cách toàn diện đang trở thành yêu cầu cấp thiết cho mỗi người học. Bài viết với mục đích khái quát tấm gương tự học và học tập suốt đời của Hồ Chí Minh, từ đó vận dụng vào việc rèn luyện sinh viên có phương pháp tự học các học phần Lý luận chính trị trong bối cảnh mới.

Từ khóa: *Tự học, học tập suốt đời, lý luận chính trị*

1. Đặt vấn đề

Chủ tịch Hồ Chí Minh là tấm gương sáng mẫu mực về tinh thần tự học và học tập suốt đời, lấy tự học làm cốt, làm phương thức chủ yếu để nâng cao trình độ mọi mặt của bản thân. Song tự học ở Hồ Chí Minh không phải là một sự ngẫu hứng, tùy ý mà việc tự học của Người đã trở thành một khoa học, một nghệ thuật, một triết lý nhân văn sâu sắc với một kế hoạch cụ thể, chặt chẽ, với một ý chí và quyết tâm bền bỉ, dẻo dai, tinh thần sáng tạo, tranh thủ mọi lúc, mọi nơi để học.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục, tự học và học tập suốt đời là một luận điểm quan trọng trong hệ thống tư tưởng của Người. Bác nói: "*Sự học là vô cùng", "thế giới tiến bộ không ngừng, ai không học là lùi", "học hỏi là một việc phải tiếp tục suốt đời. Suốt đời phải gắn liền lý luận với công tác thực tế. Không ai tự cho mình đã biết đủ rồi, biết hết rồi" [1].*

Vận dụng tấm gương sáng mẫu mực về tinh thần tự học và học tập suốt đời của Người cho sinh viên trong tự học các môn Lý luận chính trị (LLCT) ở Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương (CĐSPTW) là một tất yếu trong bối cảnh mới.

2. Nội dung

2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về tự học và học tập suốt đời

2.1.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về tự học

"Tự học" là gì? Hồ Chí Minh định nghĩa "tự học" bằng một câu ngắn gọn, súc tích nhưng đầy tính tư tưởng: Tự học là "tự động học tập". "Tự động học tập" có nghĩa là việc học tập do chính bản thân người học quyết định, người học tự giác, tự chủ không cần sự nhắc nhở, giao nhiệm vụ của người khác, tự mình nhận thấy nhu cầu của bản thân để rồi từ đó tiến hành việc tự học. Hồ Chí Minh giải thích: "Tự động là không phải tựa vào ai, là tự mình biết xoay xở, tự mình biết thực hành công tác theo nhiều hình thức mới mẻ, phong phú" [8].

Như vậy, theo Hồ Chí Minh, tự học là tự mình quản lý việc học tập, lĩnh hội tri thức của bản thân. Người học tự vạch ra kế hoạch học tập cho chính mình, kiên trì và nhẫn nại thực hiện kế hoạch đó một cách bài bản, sau đó người học tự kiểm tra đánh giá kết quả đã đạt được, rút kinh nghiệm cho bản thân mình.

Theo Hồ Chí Minh những nội dung cơ bản của tự học gồm:

Một là, xác định mục đích và xây dựng động cơ học tập đúng đắn, học ở mọi lúc, mọi nơi. Người xác định mục đích của học tập dưới chế độ xã hội chủ nghĩa là: "Học để phụng sự Tổ quốc, phụng sự Nhân dân, làm cho dân giàu, nước mạnh, tức là để làm tròn nhiệm vụ người chủ của nước nhà"[2]. Tự học để phục vụ sự nghiệp cách mạng.

Cách xác định mục đích học tập của Người xuất phát từ vai trò của học tập đối với con người nói riêng và đối với sự nghiệp cách mạng nói chung. Chính vì vậy mà Người đưa ra tôn chỉ: *"còn sống còn phải học".* Khi nói chuyện với lớp huấn luyện đảng viên mới ngày 14/5/1966, Hồ Chủ tịch tâm sự: "Bác thường nghe nói có đồng chí mới 40 tuổi mà đã cho mình là già cho nên ít chịu học tập. Nghĩ như vậy là không đúng, 40 tuổi chưa phải đã già. Bác đã 76 tuổi nhưng vẫn cố gắng học thêm. Chúng ta phải học và hoạt động cách mạng suốt đời. Còn sống thì còn phải học, còn phải hoạt động cách mạng"[3]. Thông qua quá trình tự học, tầm hiểu biết cũng như năng lực của mỗi cá nhân ngày càng được nâng cao.

Trong học tập, Người luôn khuyên mọi người phải "tự nguyện, tự giác, xem công tác học tập cũng là một nhiệm vụ mà người cán bộ cách mạng phải hoàn thành cho được, do đó mà tích cực, tự động hoàn thành kế hoạch học tập, nêu cao tinh thần chịu khó, cố gắng, không lùi bước trước bất kỳ khó khăn nào trong việc học tập"[4]. Thực tế, Hồ Chí Minh không có nhiều thời gian học chính quy về chính trị nhưng bản thân Người là một nhà chính trị kiệt xuất; chưa từng học ở

trường dạy viết báo nhưng người là một nhà báo thiên tài. Để đạt được trình độ như vậy, Hồ Chí Minh đều nhờ vào quá trình tự học, thông qua quá trình rèn luyện kỹ năng, năng lực của cá nhân ngày càng hoàn thiện.

Cuộc đời của Bác là tấm gương sáng về quá trình tự học trong lao động và trong đấu tranh cách mạng. Lúc còn ở Anh năm 1914, Người làm phụ bếp ở một nhà hàng sang trọng, người bếp trưởng đã đề nghị truyền nghề cho người thanh niên Việt Nam trẻ tuổi. Tuy nhiên, Người trả lời: "Với công việc này chỉ là phương tiện cho tôi đạt tới mục đích". Người đã dùng số lương phụ bếp ít ỏi của mình để mua sách báo, tài liệu, vào các thư viện để nghiên cứu. Có thể nói sự hi sinh, chịu khó và lòng quyết tâm của Người trong quá trình tự học, tự nghiên cứu xuất phát từ cách xác định động cơ học tập đúng đắn, đó là học vì dân, vì nước, vì sự nghiệp cách mạng. Bởi trong tâm trí Người chỉ có một tâm niệm: Tự do cho Tổ quốc tôi, hạnh phúc cho đồng bào tôi, đó là tất cả những điều tôi biết, đó là những điều tôi hiểu. Học ở đâu? Học ở trường, học ở sách vở, học lẫn nhau và học nhân dân, không học nhân dân là một thiếu sót rất lớn"[5].

Trong cách học, Bác luôn khuyên mọi người "Lấy tự học là cốt"[6]. Bởi thế giới luôn luôn thay đổi, nhân dân chúng ta ngày càng tiến bộ, cho nên người cán bộ phải tự học, tự nghiên cứu, học ở mọi lúc, mọi nơi thì mới bắt kịp với sự thay đổi của thời đại. Theo Người, muốn "học suốt đời" thì phải tự học.

Hai là, trong tự học phải có kế hoạch, sắp xếp thời gian học tập hợp lý, phải kiên trì bền bỉ để đạt được kế hoạch đề ra

Trong quá trình tự học, Người luôn đề ra thời khóa biểu hợp lý và phấn đấu đạt được kế hoạch mà mình đã đề ra. Trong thời gian Người ở Pháp, sau khi biết được Cách mạng tháng Mười Nga thành công, Người đã lên kế hoạch sang Nga. Tuy nhiên, muốn sang Nga thì phải qua Đức và phải đọc thông viết thạo tiếng Đức. Chỉ trong vòng ba tháng, mặc dù trong lúc bị theo dõi hết sức gắt gao của bọn mật thám Pháp, nhưng Nguyễn Ái Quốc đã tự học tiếng Đức thành công. Với năng khiếu bẩm sinh, với tư duy sắc sảo, cộng với sự khổ luyện đã giúp Người thành công trong cách học ngoại ngữ. Chính Người kể lại: Sau khi hỏi được nghĩa, Bác viết vào một mảnh giấy, dán vào chỗ hay để ý nhất, có khi viết vào cánh tay để trong khi làm việc vẫn có thể học được. Có khi lúc đi đường Bác cũng nhẩm từ mới, ban đêm, khi chưa ngủ Bác lấy tay viết mò xuống chân những chữ khó cho kỳ nhớ mới thôi.

Ba là, học phải đi đôi với hành

Nguyên tắc tự học theo Hồ Chí Minh là: Học đến đâu luyện tập và thực hành đến đó. Trong bài nói chuyện tại Đại hội Đoàn Thanh niên lao động Việt Nam lần

thứ III, ngày 25/3/1961, Người nhắc nhở: "Thanh niên ta phải cố gắng học. Do hoàn cảnh trong xã hội còn hạn chế mà số đông thanh niên công nông ta ít được học. Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì nhất định phải có học thức. Cần phải học văn hóa, chính trị, kỹ thuật. Cần phải học lý luận Mác-Lênin kết hợp với đấu tranh và công tác hàng ngày. Cần phải học kinh nghiệm tốt của các đoàn thanh niên bạn. Học đi đôi với hành"[7].

2.1.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về học suốt đời

Học suốt đời được hiểu như thế nào? Theo Hồ Chí Minh, học tập là một dòng chảy liên tục, phát triển không ngừng, người học không được để cho nó gián đoạn, không ngắt quãng, dù công việc cuộc sống có bộn bề đến đâu. Người căn dặn trong mọi hoạt động cách mạng đều có thể và đều cần phải học tập, "còn sống thì còn phải học".

Để thực hiện tự học và học tập suốt đời, Hồ Chí Minh chỉ ra *phương pháp học tập* như sau:

Thứ nhất: *Ham học hỏi, học suốt đời, học ở mọi nơi, lấy tự học làm cốt.* Tri thức nhân loại là một kho tàng khổng lồ, sự hiểu biết của con người chỉ nhỏ bé như hạt cát. Vì thế, muốn tiếp thu những tinh hoa ấy, con người chỉ còn một cách duy nhất là phải ham học hỏi và học suốt đời. Bác Hồ đã từng dạy: Học ở trường, học trong sách vở, học lẫn nhau và học ở nhân dân.

Những tấm gương ham học, "lấy tự học làm cốt" trong lịch sử dân tộc như Mạc Đĩnh Chi, vì nhà nghèo, không có tiền mua dầu thắp sáng nên ông đã bắt đom đóm bỏ vào vỏ trứng thay đèn để học bài; nhà toán học Lương Thế Vinh từ một đứa trẻ chăn trâu vẫn luôn tu chí học hành. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng vậy, Người tìm mọi cách để tiếp cận với tri thức, từ một anh Ba phụ bếp, người thợ ảnh ở ngõ nhỏ đến người thợ quét tuyết trong công viên, vừa lao động kiếm sống, Người vừa tranh thủ học bằng mọi cách để thông thạo ngoại ngữ mà không qua hình thức đào tạo chính quy nào. Năm 1935, dự Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ VII, Người đã ghi vào phiếu lý lịch của mình như sau: Trình độ học vấn: tự học; ngoại ngữ: Pháp, Anh, Nga, Đức, Ý, Trung Quốc. Người không chỉ học ngoại ngữ mà còn học viết báo, nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin, nghiên cứu và tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại, đặc biệt là văn hóa phương Đông và văn hóa phương Tây. Người học ở sách báo, bạn bè, nhân dân. Người học từ thực tiễn sinh động ở các nước đế quốc, nước thuộc địa, ở phong trào cách mạng trên thế giới.

Cuộc đời của Hồ Chí Minh là cả một quá trình phấn đấu học tập không ngừng, học tập để hoạt động cách mạng, học để hoàn thiện tri thức và nhân cách của bản thân. Người là nơi hội tụ những tinh hoa văn hóa nhân loại, xứng đáng với sự tôn vinh của tổ chức UNESCO: *Hồ Chí Minh, anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất.* Người đã để lại là tấm gương cao đẹp về tinh thần tự học và học tập suốt đời cho chúng ta noi theo.

Thứ hai: Ai cũng phải học

Các nhà báo nước ngoài rất quan tâm đến tiểu sử của Người, họ hỏi Bác rất nhiều điều, cả về ước muốn của bản thân. Bác trả lời một cách chân thành và giản dị *"Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành"[9].* Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, với chính sách ngu dân của thực dân Pháp, hơn 90% đồng bào bị mù chữ. Người đã kêu gọi mở chiến dịch để chống nạn mù chữ, chống nạn thất học. Người cho rằng ai cũng phải đi học, dù là đàn ông đàn bà, người già người trẻ, thanh niên, thiếu niên, nhi đồng, dù là người tá điền, người làm công cho gia đình, công nhân trong hầm mỏ, nhà máy, là cán bộ, đảng viên, quân nhân, hội viên các đoàn thể, giáo viên, người làm công tác huấn luyện. Những ai biết chữ thì dạy cho người chưa biết chữ, người biết nhiều dạy cho người biết ít,... làm được như vậy mới xóa nạn mù chữ và thực hiện ước muốn của Người là ai cũng được học hành.

Thứ ba: Học cái gì? Học để làm gì?

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: học những điều cơ bản, thiết thực đối với mỗi người tùy theo hoàn cảnh, nhu cầu công việc, học gắn với hành, với xây dựng đất nước. Năm 1955, Người xác định nội dung của học sinh tiểu học là học yêu tổ quốc, yêu nhân dân, yêu lao động, yêu khoa học, trọng của công; học sinh trung học thì học những tri thức phổ thông *"chắc chắn, thiết thực, thích hợp với nhu cầu và tiền đồ xây dựng nước nhà", bỏ những phần nào không cần thiết cho đời sống thực tế, với sinh viên thì "kết hợp lý luận với thực hành, ra sức học tập lý luận và khoa học tiên tiến của các nước bạn kết hợp với thực tiễn nước nhà* "[10]. Người đã chỉ rõ mục đích của việc học tập và những biện pháp cơ bản để đạt mục đích đó. "Học để làm việc, làm người, làm cán bộ. Học để phụng sự đoàn thể, *"giai cấp và nhân dân, Tổ quốc và nhân loại".* Muốn đạt mục đích thì phải cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư". Người từng nói: *"Dưới chế độ thực dân, phong kiến, mục đích đi học là cốt được mảnh bằng để làm ông thông, ông phán, lĩnh lương nhiều, ăn ngon, mặc đẹp. Thế thôi. Số phận dân tộc thế nào, tình hình*

thế giới biến đổi thế nào, không hay không biết gì hết. Mục đích giáo dục nô lệ hầu hạ chúng. Ngày nay ta được độc lập, tự do, thanh niên mới thật là người chủ tương lai của nước nhà. Muốn xứng đáng vai trò là người chủ thì phải học tập. Học bây giờ với học dưới chế độ thực dân, phong kiến khác nhau", " học tập nâng cao trình độ chính trị, văn hóa, khoa học kỷ thuật và quân sự,"... dốt, lười biếng học tập, tự cao, tự đại, cho mình là giỏi nhất thiên hạ, Người nói: *"Cái gì biết thì nói biết, không biết thì nói không biết, kiêu ngạo, tự phụ, tự mãn là kẻ thù số một của học tập"* [11].

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng cộng sản Việt Nam cũng khẳng định: *"Phấn đấu xây dựng nền giáo dục hiện đại, của dân, do dân và vì dân, đảm bảo công bằng về cơ hội học tập cho mọi người, tạo điều kiện để cho xã hội học tập và học tập suốt đời, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước"* theo đúng lời dạy của Bác Hồ. Tiếp theo, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng cộng sản Việt Nam tiếp tục khẳng định: *"Đào tạo con người theo hướng có đạo đức, kỷ luật, kỷ cương, ý thức trách nhiệm công dân, xã hội; có kỹ năng sống, kỹ năng làm việc, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, công nghệ số, tư duy sáng tạo và hội nhập quốc tế"* [12].

2.2. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về tự học và học tập suốt đời để rèn luyện sinh viên tự học các môn Lý luận chính trị

2.2.1. Sự cần thiết vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh

Tự học và học tập suốt đời là tư tưởng lớn của Hồ Chí Minh. Những kinh nghiệm và những giáo huấn được rút ra từ tấm gương tự học bền bỉ và những thành công của Người đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Trong bối cảnh mới, thế giới đang có những bước nhảy vọt trong cuộc cách mạng khoa học - công nghệ, tiến đến nền kinh tế tri thức; đặc biệt trong công cuộc đổi mới ở nước ta, thì việc tự học, tự nghiên cứu để nâng cao kiến thức một cách toàn diện đang trở thành yêu cầu cấp thiết cho mỗi người học. Đối với dạy và học các môn LLCT ở Trường CĐSPTƯ cũng không nằm ngoài phương châm dạy cho sinh viên cách tự học. Điều này xuất phát từ một số lý do trong quá trình dạy và học các môn LLCT:

Thứ nhất, đặc thù các môn LLCT có tính trừu tượng, lại nặng về lý thuyết hàn lâm, làm cho sinh viên ngại học. Thực tiễn đã có nhiều thay đổi, nhưng trong nội dung các môn LLCT vẫn nặng tính hàn lâm, ít có sự bổ sung, phát triển, nhiều vấn đề về kinh tế thị trường, nhà nước pháp quyền, dân chủ, nhân quyền,

hội nhập quốc tế, kinh tế tri thức... còn rất mờ nhạt, làm cho sinh viên cảm thấy khô khan, khó hiểu, xa rời thực tiễn. Giáo trình và tài liệu học tập được biên soạn lại theo một chương trình khung và chuẩn quốc gia. Tính gợi mở, tính mềm hóa bị thủ tiêu, làm cho người học khó lĩnh hội kiến thức.

Hai là, thực hiện đào tạo học chế tín chỉ đã làm cho thời lượng học giảm nhiều trong khi sinh viên chưa thực sự có ý thức tự học, tự nghiên cứu. Bên cạnh việc giảm tiết, tình trạng thực hiện ghép lớp làm cho thành phần sinh viên đa dạng các chuyên ngành. Do lớp đông nên giảng viên khó kiểm soát lớp học, giảng viên không thể thực hiện các phương pháp dạy học tích cực, thuyết trình trở thành "phương pháp vạn năng", quan hệ tương tác giữa người dạy và người học không thể thực hiện được. Một số sinh viên ngồi học theo kiểu có mặt điểm danh đang là hiện tượng không xa lạ.

Ba là, xuất phát từ nhu cầu của đội ngũ giảng viên: Một bộ phận lớn giảng viên đã sử dụng tốt giáo án điện tử, sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh, phim tư liệu; seminar, thảo luận, song vẫn còn một bộ phận nhỏ giảng viên còn chậm đổi mới phương pháp. Một số giảng viên sử dụng giáo án điện tử chưa hiệu quả, theo kiểu chiếu chữ trên màn hình. Giờ học thiếu tính đối thoại làm cho các tiết giảng trở nên nhàm chán, sinh viên không hứng thú học tập.

Bốn là, xuất phát từ nhu cầu của sinh viên: sinh viên hiện nay không chỉ thiếu nền tảng kiến thức xã hội, họ còn ít trải nghiệm thực tiễn, ít hiểu biết về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội quốc tế và trong nước nên càng khó khăn hơn khi học tập LLCT. Hình thức dạy học các môn LLCT còn đơn điệu. Đa số lớp học môn các môn LLCT có số sinh viên đông nên rất khó tổ chức thảo luận nhóm và khó triển khai một số phương pháp dạy học tích cực khác. Việc tạo động lực học tập đúng đắn cho sinh viên thông qua các phương pháp tự học còn rất hạn chế, vì vậy cần trang bị cho họ các yêu cầu và phương pháp tự học để cho họ chủ động tiếp thu kiến thức hiệu quả nhất.

Rõ ràng, trong thời đại Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, vấn đề tự học và học tập suốt đời như lời Bác dạy trở thành một yêu cầu cấp bách với mỗi người, mỗi sinh viên nếu muốn thành công trong sự nghiệp và cuộc sống.

2.2.2. Liên hệ một số yêu cầu học tập và tự học các môn Lý luận chính trị

Từ tấm gương tự học của Hồ Chí Minh, ta thấy, sinh viên Trường CĐSPTW hoàn toàn có thể chủ động tự học và học tốt các môn LLCT. Để làm được diều này, sinh viên cần thực hiện một số yêu cầu cơ bản sau:

Thứ nhất: Để học tốt các môn học này, sinh viên cần lưu ý: Thu thập đầy đủ các tài liệu theo yêu cầu của giảng viên; Tự đọc từng chương trong giáo trình các môn Lý luận chính trị; Nghiên cứu, trả lời đầy đủ các nội dung theo đề cương để có thể trình bày trước lớp và đối thoại với giảng viên. Viết đề cương tóm tắt vào giấy để nộp sau khi kết thúc chương; Tham gia tích cực vào các hoạt động trao đổi trên lớp. Tiếp tục sử dụng giáo trình để đọc, hiểu sâu, đánh dấu những chỗ quan trọng cần lưu ý, bổ sung. Chuẩn bị các nội dung thảo luận qua mỗi phần học. Chủ động lựa chọn nội dung của chương để có kế hoạch viết tiểu luận;

Tự ghi chép lại những ý chính: Nếu sinh viên chỉ nghe thì rất khó cho việc ghi nhớ, cho nên việc ghi chép là một hoạt động tái hiện kiến thức. Kinh nghiệm cho thấy điều này giúp ích rất nhiều cho việc hình thành thói quen tự học và tự nghiên cứu;

Trả lời các câu hỏi ôn tập sau mỗi chương, bài: Cuối mỗi chương, sinh viên cần tự trả lời tất cả các câu hỏi. Sinh viên cố gắng vạch ra những ý trả lời chính, từng bước phát triển thành câu trả lời hoàn thiện;

Đối với các bài tập, sinh viên nên tự làm trước khi tham khảo hướng dẫn, đáp án. Đừng ngại ngần trong việc liên hệ với các bạn học và giảng viên để nhận được sự trợ giúp; Ghi, nhận đầy đủ các công việc phải chuẩn bị cho buổi học sau;

Thứ hai, sinh viên cần đặt ra mục tiêu, thời hạn cho bản thân:

Đặt ra các mục tiêu cho bản thân cố gắng thực hiện chúng hợp lý, cụ thể:

Nghiên cứu lịch học của nhà trường và đặt ra một kế hoạch học tập cho riêng mình. Kế hoạch này mô tả về các tuần học (tự học) trong một kỳ học và đánh dấu số lượng công việc cần làm. Đánh dấu các ngày sinh viên phải thi học phần, nộp các bài luận, bài kiểm tra, liên hệ với giảng viên.

Xây dựng các mục tiêu trong chương trình; Nắm bắt rõ thời gian nghiên cứu khi mới bắt đầu nghiên cứu và thử thực hiện, cố định những thời gian đó hàng tuần. Suy nghĩ về thời lượng thời gian nghiên cứu để "Tiết kiệm thời gian".

Thứ ba: Nghiên cứu và nắm những kiến thức cốt lõi

Sinh viên đọc qua sách hướng dẫn học tập trước khi nghiên cứu bài giảng môn học và các tài liệu tham khảo khác. Việc đọc tài liệu là một việc đơn giản nhất của sinh viên so với việc truy cập mạng Internet hay sử dụng các hình thức học tập khác.

Sinh viên cần sử dụng bút đánh dấu dòng (highline maker) để đánh dấu các đề mục và những nội dung, công thức quan trọng trong tài liệu.

Thứ tư: Tham gia đầy đủ các buổi hướng dẫn học tập

Thông qua các buổi hướng dẫn học tập, giảng viên sẽ giúp sinh viên nắm được những nội dung tổng thể của môn học và giải đáp thắc mắc. Sinh viên có thể trao đổi, thảo luận của những sinh viên khác cùng lớp.

Sinh viên cần lưu ý rằng, thời gian bố trí cho các buổi hướng dẫn không nhiều, do vậy không nên bỏ qua những buổi hướng dẫn đã được lên kế hoạch.

Thứ năm: Chủ động liên hệ với bạn học và giảng viên

Sinh viên cần tham dự các diễn đàn học tập trên mạng Internet. Hệ thống quản lý đào tạo cung cấp môi trường học tập trong suốt 24 giờ/ngày và 7 ngày/tuần. Nếu không có điều kiện truy nhập Internet, sinh viên cần chủ động sử dụng các phương thức truyền thông để trao đổi thông tin học tập.

2.2.3. Thực hiện quy trình tự học các môn Lý luận chính trị

a) Các bước tự học

Đối với sinh viên mầm non, các em không chỉ học kiến thức, mà còn học các kỹ năng để thực hiện các vai: Người thầy giáo, Người mẹ hiền, Người Thày thuốc, Người ca sĩ…thì việc tham khảo quy trình tự học các môn LLCT nhằm đạt hiệu quả cao trong học tập là cần thiết.

* *Tự học ở nhà:* Căn cứ vào lịch trình học tập các môn Lý luận chính trị sinh viên cần: Đọc trước giáo trình, tối thiểu phải đọc phần bài sắp nghe giảng; Tóm tắt thành đề cương các đề mục đã đọc để có thể trình bày trước lớp và đối thoại với giảng viên. Viết đề cương tóm tắt vào giấy để nộp cho giảng viên; Nêu ra những điểm chưa rõ cần hỏi giảng viên; Tập hợp các câu hỏi này vào phiếu hỏi để trình giảng viên đầu buổi học; Làm vào vở tất cả các bài tập đã in trong giáo trình và các bài tập giảng viên đã cho trong các buổi học trước đó; Tự động chuẩn bị các xêmina; Chủ động nắm và chuẩn bị các nội dung viết tiết luận. Lên kế hoạch viết tiểu luận ngay từ đầu môn học; Tích cực tìm đọc tài liệu tham khảo và hỏi ý kiến giảng viên.

* *Tự học trên lớp:* Sinh viên cần: tham gia tích cực vào các hoạt động đối thoại giảng viên - sinh viên; Tích cực nêu câu hỏi với giảng viên và tranh luận với các bạn cùng lớp; Tiếp tục sử dụng giáo trình để đọc hiểu, đọc sâu, đánh dấu những chỗ cần lưu ý, ghi bổ sung ý quan trọng; Làm các bài tập tại lớp; Ghi đầy đủ các công việc phải chuẩn bị cho buổi học sau.

b) Các thao tác đọc, hiểu giáo trình, sử dụng các tài liệu và thảo luận

Với dung lượng kiến thức lớn và thời lượng học tập ngắn, đòi hỏi sinh viên mầm non cần lưu ý:

- Đọc biết: Đọc nhanh, đọc lướt để biết được giáo trình có viết về vấn đề đó và vấn đề đó nằm ở chỗ nào trong giáo trình.

- Đọc hiểu: Cần đọc lại, chậm hơn để giải thích được các nội dung đã biết theo chiều xuôi.

- Đọc sâu: Đọc lại, đặt ngược vấn đề hoặc đi sâu vào những đoạn, những ý, những cụm từ cảm thấy có vấn đề, đặt câu hỏi tại sao và tự đi tìm câu trả lời.

- Đọc mở rộng: Đọc thêm giáo trình của các tác giả khác hoặc đọc tài liệu tham khảo, trong đó trình bày kỹ hơn vấn đề đã viết trong giáo trình.

- Đọc hiểu toàn bộ giáo trình: Qua tất cả các chương mục đã học, sinh viên nên tìm ra vấn đề trung tâm của môn học và xác định mối quan hệ nội tại giữa vấn đề trung tâm với các vấn đề còn lại; Trong hệ thống kiến thức môn học hãy tìm ra các nhóm kiến thức cơ bản nhất chi phối các nhóm kiến thức còn lại; Xác lập mối quan hệ logic giữa các chương, mục và các nhóm kiến thức; So sánh nội dung môn học này với nội dung các môn học gần gũi và các môn học rất khác biệt để phát hiện được ranh giới giữa chúng và đặc trưng của mỗi môn học [13].

3. Kết luận

Sự nghiệp của Bác Hồ kính yêu là một quá trình vừa học tập vừa hoạt động cách mạng, học tập để hoạt động cách mạng, qua hoạt động cách mạng, không ngừng học tập, học tập để hoàn thiện tri thức và nhân cách của bản thân. Tiếp thu tư tưởng Hồ Chí Minh về học tập, toàn Đảng, toàn dân ta đã và đang phấn đấu học tập theo tấm gương sáng ngời của Bác. Học thường xuyên, học suốt đời, học để biết, để làm việc, để làm người, để chung sống và phát triển ở cộng đồng là công việc cần kíp của mỗi đơn vị, mỗi cá nhân, nhằm góp phần xây dựng cả nước trở thành một "*xã hội học tập*".

Tư tưởng Hồ Chí Minh về học tập suốt đời đã thể hiện trong Chỉ thị số 50 ngày 24/8/1999 và Chỉ thị số 11 ngày 13/4/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập và các chỉ thị, nghị quyết về công tác giáo dục và đào tạo để thực hiện việc xây dựng xã hội học tập ở Việt Nam. Tinh thần, ý chí tự học của Hồ Chí Minh đến nay và cả mai sau vẫn còn nguyên giá trị, có ý nghĩa sâu sắc đối với sự nghiệp giáo dục của dân tộc ta.

Đối với sinh viên Trường CĐSPTW, để học tốt các môn LLCT, cần học tập tấm gương sáng ngời của Bác về tinh thần tự học và học tập suốt đời, đồng thời thực hiện tốt các yêu cầu, nhiệm vụ, quy trình tự học và các thao tác đọc, hiểu giáo trình, sử dụng các tài liệu và thảo luận… nhằm nâng cao hiệu quả học tập và chất lượng đào tạo của nhà trường trong thời gian tiếp theo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, H.2000, t.8, tr. 215,

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, H.2011, t.9, tr.178-189

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, H.2011, t.15, tr.133

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, H.2011, t.11, tr.98

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, H.2011, t.6, tr.360

6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, H.2011, t.5, tr.312

7. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, H.2011, t.13, tr.90

8. Sđd, Tập 6, tr. 50, NXB Chính trị Quốc gia, H.2000

9. Sđd, Toàn tập, Tập 4, tr. 161, NXB Chính trị Quốc gia, H.2000.

10. Sđd, Toàn tập, Tập 8, tr. 81, NXB Chính trị Quốc gia, H.2000

11. Sđd, Toàn tập, Tập 8, tr. 499, NXB Chính trị Quốc gia, H.2000.

12. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, H. 2021, tr 233.

13. Đỗ Thị Thanh Loan(2019), *Hướng dẫn tự học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin*, Trường CĐSPTƯ.

VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC HỢP TÁC THEO NHÓM TRONG GIẢNG DẠY MÔN NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN

TS. Lê Thị Hồng Khuyên
Khoa Giáo dục đại cương

Tóm tắt: Môn những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin nghiên cứu hệ thống quan điểm và học thuyết khoa học của C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin, trong đó bao gồm mảng kiến thức về triết học, kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học bao quát các lĩnh vực tri thức rộng lớn có giá trị khoa học và thực tiễn cao. Trong quá trình giảng dạy môn học, giảng viên sử dụng phương pháp dạy học hợp tác theo nhóm được đánh giá là một trong những phương pháp dạy học phát huy tối đa tính tích cực, chủ động, sự sáng tạo, năng lực cơ bản của sinh viên trong học tập và phản ánh thực tiễn xu thế đổi mới giáo dục hiện nay.

Từ khóa*: Phương pháp dạy học, dạy học hợp tác, nguyên lý cơ bản, Mác - Lê nin, năng lực.*

1. Đặt vấn đề

Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá …chỉ rõ nhiệm vụ, giải pháp cần thực hiện là đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của con người. Trong giảng dạy môn những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, việc đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy tính tích cực của người học trở thành yêu cầu khách quan. Do đó, việc sử dụng phương pháp dạy học hợp tác theo nhóm trong giảng dạy môn học này là một trong những biện pháp hữu hiệu để sinh viên phát triển tư duy sáng tạo, phát triển năng lực cần thiết trong học tập, tự lực, tự chủ chiếm lĩnh tri thức môn học.

2. Nội dung

2.1. Bản chất của phương pháp dạy học hợp tác theo nhóm

2.1.1. Phương pháp dạy học hợp tác theo nhóm

Theo Từ điển Tiếng Việt, nhóm được hiểu là tụ, họp lại của một ít người. Còn hợp tác là họp lại làm việc với nhau. Nhóm có thể được hiểu là tập hợp những con người có hành vi tương tác lẫn nhau, để thực hiện các mục tiêu và thoả mãn nhu cầu cá nhân. Hợp tác được hiểu là "có mục đích chung trên cơ sở cùng có lợi; bình

đẳng, tin tưởng lẫn nhau và tự nguyện hoạt động; phụ thuộc lẫn nhau trên cơ sở trách nhiệm cá nhân cao; cùng chung sức, giúp đỡ hỗ trợ và bổ sung cho nhau" [5; tr.409].

Học tập hợp tác hay học tập hợp tác theo nhóm tên tiếng Anh "Cooperative Learning" hay "Cooperative Learning Groups", theo nghĩa tiếng Việt "học tập hợp tác, nhóm là học tập hợp tác nhằm nhấn mạnh đến vai trò chủ thể của người học trong dạy học và được coi là một phương pháp dạy học" [2; tr.92]. Do vậy, học tập hợp tác là người học hợp tác làm việc theo nhóm để hoàn thành một mục tiêu chung.

Dạy học nhóm còn được gọi bằng những tên khác nhau như: Dạy học hợp tác hay dạy học theo nhóm nhỏ. Theo tác giả Nguyễn Hữu Châu: "Dạy học hợp tác là việc sử dụng nhóm nhỏ để SV làm việc cùng nhau, nhằm tối đa hoá kết quả học tập của bản thân cũng như người khác" [3; tr.225]. Dạy học hợp tác là phương pháp dạy học phức hợp ứng với một nhóm người học hay còn được gọi là phương pháp dạy học theo nhóm, phương pháp dạy học hợp tác theo nhóm. Tác giả Phan Trọng Ngọ định nghĩa: "Phương pháp dạy học theo nhóm nhỏ là phương pháp trong đó nhóm lớn được chia thành các nhóm nhỏ để tất cả các thành viên trong lớp đều được làm việc và thảo luận về một chủ đề cụ thể và đưa ra ý kiến chung của nhóm mình về vấn đề đó [4; tr.223].

Phương pháp dạy học hợp tác theo nhóm là một trong những xu hướng dạy học hiện đại nhằm sử dụng trí tuệ tập thể của người học để thực hiện nhiệm vụ học tập. Thông qua phương pháp dạy học này, SV được trao đổi, tranh luận, giải quyết vấn đề, chiếm lĩnh tri thức khoa học, vận dụng được kiến thức đã học để rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo. Giữa dạy học hợp tác với phương pháp dạy học hợp tác theo nhóm và phương pháp dạy học hợp tác theo nhóm nhỏ có điểm tương đồng: Sinh viên hợp tác học cần phải chia nhóm nhỏ; đặt người học vào trong môi trường học tập hợp tác, tạo tình huống học tập có vấn đề để người học trao đổi đảm bảo các thành viên trong lớp đều được làm việc, thảo luận và hợp tác với nhau để đưa ra hướng giải quyết chung, có tính thống nhất của cả nhóm về một vấn đề cụ thể.

2.1.2. Bản chất của phương pháp dạy học hợp tác theo nhóm

Phương pháp dạy học hợp tác trong nhóm nhỏ còn được gọi bằng là "phương pháp thảo luận nhóm" hoặc phương pháp dạy học hợp tác. Đây là một phương pháp dạy học mà sinh viên được phân chia thành từng nhóm nhỏ, chịu trách nhiệm về một mục tiêu duy nhất, được thực hiện thông qua nhiệm vụ riêng biệt của từng người. Các hoạt động cá nhân riêng biệt được tổ chức lại, liên kết với nhau nhằm thực hiện một mục tiêu chung.

Giữa dạy học hợp tác theo nhóm và thảo luận nhóm có sự giao thoa với nhau. Bởi phương pháp thảo luận nhóm cũng được sử dụng nhằm giúp cho người học tham gia một cách chủ động vào quá trình học tập, tạo cơ hội sinh viên có thể chia sẻ kiến thức, ý kiến giải quyết các vấn đề có liên quan đến nội dung bài học; tạo cơ hội được giao lưu, học hỏi lẫn nhau; cùng nhau hợp tác giải quyết những nhiệm vụ chung. Khi sử dụng phương pháp dạy học hợp tác theo nhóm, nhân tố giảng viên và sinh viên có mối quan hệ tương hỗ mật thiết với nhau. Trong đó, giảng viên là người đóng vai trò tổ chức, điều khiển, hướng dẫn các hoạt động học tập của sinh viên trong nhóm. Sinh viên đóng vai trò là chủ thể tích cực, chủ động, sáng tạo trong lĩnh vực lĩnh hội tri thức thông qua các nhiệm vụ học tập được giao.

2.1.3.Đặc điểm của phương pháp dạy học hợp tác theo nhóm

Dạy học hợp tác theo nhóm không phải sắp xếp chỗ ngồi cho sinh viên cạnh nhau trong bàn học và mỗi sinh viên thực hiện nhiệm vụ độc lập của mình, cũng không phải là mỗi cá nhân làm bài sau đó thông báo hoàn thành công việc và giúp đỡ bạn khác. Học tập hợp tác theo nhóm ngoài việc sinh viên ngồi cạnh nhau, cùng trao đổi, thảo luận, giúp đỡ, chia sẻ hiểu biết, kinh nghiệm học tập còn phải đảm bảo bởi các đặc điểm: (1) Tính hợp tác trong học tập; (2) Sự tương tác giáp mặt trong nhóm; (3) Trách nhiệm cá nhân; (4) Sử dụng kỹ năng giao tiếp và kỹ năng xã hội; (5) Đánh giá hoạt động của nhóm.

Sử dụng phương pháp dạy học hợp tác theo nhóm chú trọng phát huy ưu điểm khuyến khích sinh viên học tập tích cực, sự tự tin và động lực để phát triển, nâng cao các kỹ năng cơ bản mang lại những cơ hội trải nghiệm giúp người học thành công hơn. Những hạn chế cần khắc phục như đòi hỏi nhiều thời gian, không gian lớp học đủ rộng, sĩ số lớp không quá đông, không phù hợp với những bài có nội dung đơn giản, không cần phải huy động đến trí tuệ tập thể; người dạy phải có vốn kiến thức sâu rộng, năng lực giao tiếp và phương pháp sư phạm tốt; hiệu quả của dạy học hợp tác theo nhóm phụ thuộc rất nhiều vào tinh thần tham gia của các thành viên trong học tập nhóm.

2.2. Vai trò của việc vận dụng phương pháp dạy học hợp tác theo nhóm trong giảng dạy môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin

Dạy học môn những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin hiện nay, ngoài chương mở đầu giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác - Lênin và một số vấn đề chung của môn học thì cấu trúc nội dung cơ bản: (1) Thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin; (2) Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác – Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; (3) Lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội khoa học.

Môn học giúp SV hiểu, nắm vững, xác lập được thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo, biết vận dụng các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin vào nghiên cứu các khoa học cụ thể, cũng như phân tích những vấn đề cuộc sống đặt ra. Ngoài ra môn học còn giúp sinh viên phát triển tư duy lý luận, tự giác trau dồi phẩm chất chính trị, tinh thần và năng lực tư duy sáng tạo, biết khái quát và giải đáp được những đòi hỏi cấp bách của công cuộc đổi mới đặt ra. Bởi vậy, giảng viên cần định hướng cho SV nhận thức và hành vi đúng đắn phù hợp với xu hướng phát triển chung của xã hội, một trong những biện pháp cần thực hiện tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học tích cực. Trong đó, sử dụng phương pháp dạy học hợp tác theo nhóm có ý nghĩa quan trọng, đòi hỏi giảng viên phải có các kỹ năng tổ chức, điều khiển các nhóm hợp tác. Dạy học hợp tác theo nhóm thành công mang đến kết quả tích cực như:

- Tổ chức điều khiển và định hướng quá trình dạy học hợp tác theo nhóm trong bộ môn, thông qua học tập hợp tác theo nhóm, sinh viên học hỏi lẫn nhau, thấy được sự cần thiết phải học tập môn học.

- Thay đổi nhận thức của sinh viên về học tập môn học, trong hoạt động hợp tác theo nhóm, sinh viên có cơ hội giải quyết, luận giải các vấn đề, tình huống gặp phải trong nghề nghiệp và cuộc sống.

- Góp phần rèn luyện, tăng cường năng lực hợp tác học tập, gắn lý luận bài học vào hoạt động thực tiễn.

- Hình thành và bồi dưỡng cho sinh viên phương pháp học tập, phát triển các năng lực, kỹ năng của bản thân như năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp, sử dụng công nghệ, kỹ năng thuyết trình, sử dụng giáo trình, tài liệu; kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng lắng nghe… khi tham gia các hoạt động học tập hợp tác theo nhóm và một số hoạt động xã hội khác để thực hiện nhiệm vụ học tập. Thông qua các hoạt động học tập hợp tác, sinh viên thấy được ý nghĩa và sự cần thiết học tập lý luận Mác - Lênin để trang bị cho bản thân những tri thức lý luận, nâng cao năng lực tư duy học tập và phát triển bản thân chiếm lĩnh tri thức.

2.3. Một số biện pháp nâng cao hiệu quả phương pháp dạy học hợp tác theo nhóm trong giảng dạy môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin

Thứ nhất, kết hợp phương pháp dạy học hợp tác theo nhóm với phương pháp thảo luận nhóm

Có nhiều hình thức tổ chức nhóm thảo luận hiệu quả, GV nên sử dụng một số hình thức tổ chức nhóm phổ biến, như:

- *Nhóm nhỏ thông thường*: GV chia lớp học thành các nhóm nhỏ (từ 3 đến 5 SV) để thảo luận một vấn đề cụ thể và nhanh chóng đưa ra kết luận của nhóm về các vấn đề trong thời gian thảo luận ngắn (5 - 7 phút). Hình thức này thường được kết hợp với các kĩ thuật dạy học khác trong một bài giảng. Giảng viên nêu vấn đề thảo luận: (1) Chứng minh cho luận điểm: Vai trò của lao động sản xuất quyết định sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người? (2) Tại sao nói giá trị thặng dư là phần giá trị dôi ra ngoài giá trị hàng hóa sức lao động do công nhân làm thuê tạo ra và bị nhà tư bản chiếm đoạt?

Với những câu hỏi nêu trên, giảng viên chia nhóm nhỏ thảo luận, cử đại diện của nhóm trả lời. Sau khi các nhóm trình bày câu trả lời, các nhóm nhận xét chéo và đưa ra nhận xét chung và kết luận.

- *Nhóm đồng tâm (nhóm bể cá)*: Giảng viên chia lớp thành các nhóm nhỏ gồm nhóm thảo luận và nhóm quan sát (sau đó có thể hoán đổi vị cho nhau). Nhóm thảo luận có từ 6 đến 10 sinh viên có nhiệm vụ thảo luận, trình bày vấn đề được giao, còn các thành viên khác trong lớp đóng vai quan sát và phản biện.

Khi giảng về các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư, giảng viên nêu câu hỏi: Nếu gạt bỏ mục đích và tính chất tư bản chủ nghĩa thì phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tương đối có tác dụng như thế nào thúc đẩy tiến bộ kinh tế - xã hội? Vận dụng phương pháp này trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay?

Giảng viên hướng dẫn sinh viên hiểu rõ các từng biện pháp để có được giá trị thặng dư tương đối, từ đó các em biết cách liên hệ tri thức với thực tiễn để trả lời. Giảng viên yêu cầu sinh viên làm việc nhóm, thảo luận và đưa ra luận giải của mình, nhóm còn lại phản biện câu trả lời của nhóm thảo luận. Sau đó, giảng viên cần đưa ra đánh giá nhận xét các nhóm về tác phong làm việc, nội dung câu trả lời và đưa ra kết luận chung.

Thứ hai, kết hợp phương pháp dạy học hợp tác theo nhóm với phương pháp dự án

Dạy học theo dự án là phương pháp dạy học trong đó người học thực hiện nhiệm vụ phức hợp gắn với thực tiễn, kết hợp giữa lý thuyết với thực hành, tự lực lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá kết quả. Hình thức làm việc chủ yếu theo nhóm, kết quả của dự án là sản phẩm được giới thiệu. Thực hiện dạy học dự án theo các bước sau:

- *Bước 1:* Chọn dự án, chia nhóm. Khi phân chia nhóm, phân chia lớp học thành các nhóm thông thường từ 5 - 10 sinh viên có sự tương đồng về năng lực, điều kiện học tập.

- *Bước 2:* Hướng dẫn sinh viên xây dựng đề cương dự án. Giảng viên hướng dẫn người học xác định mục đích, nhiệm vụ, cách tiến hành, kế hoạch thực hiện dự án; xác định những công việc cần làm, thời gian dự kiến, kinh phí, cơ sở vật chất.

- *Bước 3:* Hướng dẫn sinh viên thực hiện dự án. Trưởng nhóm phân công nhiệm vụ cho mỗi thành viên. Các thành viên trong nhóm hợp tác thực hiện kế hoạch đã đề ra. SV thu thập dữ liệu thực tiễn từ nhiều nguồn khác nhau rồi tổng hợp, phân tích và tích lũy kiến thức thu được sau quá trình làm việc, tìm hiểu thực tiễn.

- *Bước 4:* Công bố sản phẩm hoạt động học tập theo dự án. Kết quả thực hiện dự án có thể được viết dưới dạng ấn phẩm như bản tin, báo, áp phích, bài thu hoạch, báo cáo… và có thể trình bày trên power point kết hợp thuyết trình. Sản phẩm của dự án có thể trình bày giữa các nhóm người học, giới thiệu trước lớp, trong trường hay ngoài xã hội.

- *Bước 5:* Đánh giá hoạt động dự án, rút kinh nghiệm. Giảng viên đánh giá quá trình thực hiện dự án và kết quả dự án dựa trên những sản phẩm thu được, ý nghĩa và tính khoa học trong sản phẩm và trong cách hợp tác trình bày của từng nhóm.

Khi giảng dạy về các đặc điểm kinh tế của chủ nghĩa tư bản độc quyền, giảng viên lựa chọn chủ đề: "Phân tích nội dung của xuất khẩu tư bản. Tác động FDI tới thực tiễn phát triển kinh tế và việc làm cho người lao động tại địa phương cụ thể ở nước ta".

- Chọn dự án và phân chia nhóm: Đây là dự án mang tính thời sự, vừa có tính lý luận và ứng dụng cao; từ đó giảng viên chia nhóm thực hiện nhiệm vụ học tập.

- Hướng dẫn sinh viên lập đề cương dự án: Đề cương cần đảm bảo đầy đủ các nội dung cơ bản của dự án về: Kiến thức lý luận Học thuyết kinh tế: Khái niệm xuất khẩu tư bản, vai trò, hai hình thức của xuất khẩu tư bản: Đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp. Về thực tiễn: Tác động của FDI tại một số địa phương tại các khu công nghiệp... hiệu quả phát triển kinh tế; tạo việc làm, thu nhập, chính sách cho người lao động và những hạn chế của nó.

- Hướng dẫn sinh viên thực hiện dự án: Lập kế hoạch hoạt động học hợp tác theo nhóm, giao nhiệm vụ cụ thể, thời hạn hoàn thành và thể hiện trong báo cáo của nhóm trưởng.

- Sản phẩm dự án: Sản phẩm dự án học tập này đa dạng phong phú, thiết thực dưới tư liệu kênh hình, kênh chữ các vấn đề tổ chức sản xuất, kinh doanh các công ty nước ngoài tại Việt Nam, các TNCS, doanh nghiệp.

- Đánh giá sản phẩm dự án, rút kinh nghiệm: Giảng viên dựa vào phiếu báo cáo nhiệm vụ nhóm trưởng và kiểm tra nhiệm vụ của từng thành viên trong nhóm. Thông qua sản phẩm, đánh giá mức độ hoàn thành của nhóm và mức độ hợp tác trong học tập.

Thứ ba, kết hợp dạy học hợp tác theo nhóm với phương pháp dạy học giải quyết vấn đề

Phương pháp dạy học giải quyết vấn đề là tổ chức quá trình dạy học bao gồm việc tạo ra tình huống, gợi mở vấn đề trong giờ học, kích thích sinh viên nhu cầu giải quyết vấn đề nảy sinh, lôi cuốn các em vào hoạt động nhận thức tự lực, nhằm nắm vững kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo mới, phát triển tính tích cực của trí tuệ và hình thành ở các em năng lực tự mình thông hiểu và lĩnh hội thông tin khoa học mới.

Dạy học giải quyết vấn đề sẽ tạo ra nhu cầu, gây hứng thú cho hoạt động nhận thức của sinh viên nhằm thúc đẩy tính tích cực trao đổi, tìm tòi để giải quyết vấn đề. Dạy học giải quyết vấn đề có thể thực hiện như sau:

- Giảng viên nêu vấn đề và đưa sinh viên vào tình huống có vấn đề.

- Tổ chức cho sinh viên giải quyết vấn đề: Đề xuất các giả thuyết cho vấn đề đặt ra, thu thập và xử lý thông tin theo hướng các giả thuyết đã đề xuất.

- Tổ chức cho sinh viên đưa ra kết luận: Khẳng định hay bác bỏ giả thuyết, phát biểu kết luận.

Do vậy, để tạo ra môi trường thuận lợi cho sinh viên trao đổi, hợp tác giải quyết nhiệm vụ học tập đặt ra thì cần thiết phải dạy học giải quyết vấn đề nhất là tạo ra các tình huống có vấn đề. Trong dạy học, tình huống có vấn đề được xây dựng bằng các cách sau:

- Tình huống mâu thuẫn giữa lý luận với thực tiễn.

- Tình huống xung đột, đối nghịch nhau.

- Tình huống lựa chọn một trong các phương án.

- Tình huống gắn lý luận với thực tiễn.

- Tình huống giả thuyết cần phải chứng minh.

Các tình huống trên được sử dụng linh hoạt trong bài giảng, nhấn mạnh hiệu quả học hợp tác kết hợp học theo nhóm, tăng cường chia sẻ và phối hợp các cá nhân, các nhóm.

Khi giảng dạy phần triết học với nội dung vận động, giảng viên đưa ra tình huống:

Trích đoạn thơ sau trong bài thơ "*Quê hương"* của tác giả Giang Nam:

" Xưa yêu quê hương vì có chim có bướm
Có những ngày trốn học bị đòn roi

Nay yêu quê hương vì trong từng nắm đất

Có một phần xương thịt của em tôi.”

Căn cứ vào lý luận vận động của Ph. Ăngghen, hãy giải quyết nhiệm vụ sau:

1/ Quan niệm về vận động hiểu như thế nào trong đoạn thơ trên?

2/ Hãy cho biết đó là hình thức vận động gì?

Từ đó, sinh viên tích cực hợp tác, làm việc nhóm, thông qua sự hướng dẫn của giảng viên để các nhóm triển khai vấn đề. Thông qua việc giải quyết tình huống sinh viên làm việc tích cực, phối hợp và tranh luận với nhau để hướng tới kết quả chung của nhóm và rút ra được các nguyên tắc giải quyết vấn đề.

Thứ tư, sử dụng kỹ thuật mảnh ghép trong dạy học hợp tác theo nhóm

Một trong những biện pháp quan trọng để phát huy tối đa những ưu điểm của phương pháp dạy học hợp tác theo nhóm trong giảng dạy học những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin là kết hợp linh hoạt với các kỹ thuật dạy học, cụ thể: Kỹ thuật khăn trải bàn, kỹ thuật mảnh ghép…

Kỹ thuật mảnh ghép là kỹ thuật dạy học mang tính hợp tác kết hợp nhằm giải quyết một nhiệm vụ phức hợp, kích thích sự tham gia tích cực cũng như nâng cao vai trò tự học, tự nghiên cứu giải quyết vấn đề của mỗi cá nhân trong quá trình hợp tác học tập. Kỹ thuật mảnh ghép trong dạy học hợp tác theo nhóm được chia làm hai bước:

Bước 1: “Nhóm chuyên gia”.

Lớp học được chia thành các nhóm chuyên gia, khoảng 4 - 6 sinh viên trong một nhóm. Mỗi nhóm được giao một nhiệm vụ tìm hiểu, nghiên cứu sâu về một nội dung, chuyên đề, bài tập khác nhau. Cụ thể: Nhóm thứ nhất nhiệm vụ A, nhóm thứ hai nhiệm vụ B, nhóm thứ 3 nhiệm vụ C.

Các nhóm tự nghiên cứu, thảo luận nhóm đảm bảo mỗi thành viên trong từng nhóm đều trả lời được tất cả câu hỏi trong nhiệm vụ được giao và để trở thành “chuyên gia” của lĩnh vực đã tìm hiểu và có khả năng trình bày lại được các vấn đề mình đã nghiên cứu của nhóm ở vòng 2.

Bước 2: “Nhóm mảnh ghép”.

Hình thành nhóm mảnh ghép, mỗi là sinh viên từ các nhóm chuyên gia khác nhau lại thành các nhóm mới, gọi là "nhóm mảnh ghép", từng sinh viên lần lượt trình bày lại cho các sinh viên trong nhóm mảnh ghép nghe về quan điểm mà mình đã được nghiên cứu ở nhóm chuyên gia. Nhiệm vụ mới ở nhóm mảnh ghép được giao cho thành viên mang tính khái quát, tổng hợp lại toàn bộ nội dung đã được tìm hiểu từ nhóm chuyên gia.

Khi dạy phần lý luận nhận thức, cụ thể với nhiệm vụ sau: Con đường nhận thức thế giới khách quan có thể bằng các con đường sau:

1/ Nhận thức kinh nghiệm 2/ Nhận thức cảm tính

3/ Nhận thức lý tính 4/ Nhận thức lý luận

Hãy phân tích các con đường đó và rút ra kết luận. Cho ví dụ.

** Vòng 1: Nhóm chuyên gia*. Để giải quyết nhiệm vụ trên:

- Giảng viên chia lớp thành 4 nhóm lớn theo hướng dẫn của vòng 1.

- Mỗi nhóm thực hiện giải quyết một nội dung/ 1 nhiệm vụ trong bài tập trên, thời gian thảo luận 7 phút.

- Các nhóm chuyên gia tiến hành thảo luận và thống nhất về kết quả của nhóm.

- Giảng viên nhận xét từng nhóm và tiếp tục vòng 2 thành lập nhóm mảnh ghép.

** Ở vòng 2, nhóm mảnh ghép*. Thực hiện theo trình tự sau:

Các thành viên 4 nhóm chuyên gia di chuyển thành lập một nhóm mới gọi là nhóm mảnh ghép. Từng thành viên ở 4 nhóm lần lượt trình bày lại kết quả làm việc của nhóm mình. Cụ thể:

Thành viên 1: Trình bày kết quả thảo luận về nhận thức kinh nghiệm.

Thành viên 2: Trình bày kết quả thảo luận về nhận thức cảm tính.

Thành viên 3: Trình bày kết quả thảo luận về nhận thức lý tính.

Thành viên 4: Trình bày kết quả thảo luận về nhận thức lý luận.

Như vậy, với hình thức kết hợp nhóm "chuyên gia" và nhóm "mảnh ghép" chỉ trong một khoảng thời gian ngắn các "chuyên gia" ban đầu chỉ thông thạo một nội dung kiến thức nhưng sau khi tham gia "nhóm mảnh ghép" vốn hiểu biết của sinh viên đã tăng lên. Kỹ thuật mảnh ghép có tiềm năng giáo dục và phát triển kỹ năng, năng lực học tập cho sinh viên đáp ứng yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục hiện nay.

3. Kết luận

Dạy học hợp tác theo nhóm là một phương pháp dạy học tích cực phát huy tính năng động, sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác của sinh viên trong chiếm lĩnh tri thức môn học. Học tập hợp tác theo nhóm đang là xu thế được áp dụng phổ biến hiện nay ở các trường đại học, cao đẳng vì nó mang lại nhiều lợi ích trong dạy và học trong môn những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Để đạt hiệu quả tối ưu, giảng viên đa dạng hóa kết hợp các phương pháp dạy học hợp tác theo nhóm với các phương pháp dạy học, kĩ thuật dạy học hiện đại đáp ứng yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng dạy học trong bối cảnh hiện nay. Từ đó, sinh viên hiểu sâu sắc giá trị khoa học và ý nghĩa thực tiễn của tri thức môn học để vận dụng có hiệu quả vào thực tiễn cuộc sống và nghề nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2013), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin*, NXB Đại học Quốc gia.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Dự án Việt - Bỉ (2010), *Dạy và học tích cực - Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học*, NXB Đại học Sư phạm.

3. Nguyễn Hữu Châu (2004), *Những vấn đề cơ bản về chương trình và quá trình dạy học*, NXB Giáo dục.

4. Phan Trọng Ngọ (2005), *Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường*, NXB Đại học Sư phạm.

5. Trần Thị Mai Phương (2009), *Dạy học kinh tế chính trị theo phương pháp tích cực*, NXB Đại học Sư phạm.

6. Robert Slavin (1995), *Dạy học theo nhóm nhỏ: Lý thuyết, nghiên cứu và thực hành*, NXB Giáo dục.

Ý NGHĨA CỦA ỨNG DỤNG STEAM TRONG GIÁO DỤC MẦM NON

TS. Nguyễn Thị Thanh

Phó Hiệu trưởng

Tóm tắt: STEAM là viết tắt của các từ Science (Khoa học), Technology (Công nghệ), Engineering (Kỹ thuật), Art (nghệ thuật) và Math (Toán học). Đây là một phương pháp giáo dục tích hợp đầy đủ 5 yếu tố khoa học – công nghệ – kỹ thuật – nghệ thuật – toán học, cung cấp cho Trẻ những kiến thức toàn diện của cả 5 lĩnh vực và thông qua hoạt động thực hành cung cấp nhiều kỹ năng thực tế cho trẻ. Ứng dụng STEAM trong giáo dục mầm non mang lại hiệu quả và giá trị cao.

Từ khóa: *Steam, phương pháp, tích hợp, trẻ, kỹ năng*

1. Đặt vấn đề

Giáo dục STEAM là một cách tiếp cận liên ngành trong quá trình học, trong đó các thuật ngữ khoa học được lồng ghép với các bài học trong thực tế, ở đó người học áp dụng các kiến thức trong khoa học, công nghệ, kỹ thuật, nghệ thuật và toán học vào các bối cảnh cụ thể, giúp kết nối giữa trường học, cộng đồng, nơi làm việc với các tổ chức toàn cầu để từ đó phát triển các năng lực trong lĩnh vực STEAM và khả năng cạnh tranh trong nền kinh kế mới. Việc chuyển đổi từ giáo dục STEM sang STEAM đang ngày càng được chấp nhận như một cách tốt hơn để thúc đẩy sự sáng tạo và đổi mới công nghệ và cải thiện sự thành công về kinh tế của một quốc gia. Quan trọng hơn là, nó xóa tan những định kiến về sự tách bạch khoa học và nghệ thuật trong học sinh, và nó mang lại quan điểm rằng mọi người đều có thể học và thành công trong nhiều lĩnh vực học thuật. Giáo dục STEAM có nhiều ưu thế trong phát triển nhân cách cho trẻ mầm non.

STEAM có thể được coi là phiên bản toàn diện hơn của STEM, là sự kết hợp giữa STEM và Art (nghệ thuật). Đây là một nghiên cứu về cách giáo dục mang hơi hướng hiện đại mà hiệu quả đã được kiểm chứng.

Nếu như STEM giúp trang bị có người học những kiến thức chuyên môn, rèn luyện cho người học các kỹ năng tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết các vấn đề, định hướng mục tiêu, quản lý thời gian, làm việc nhóm….Thì ngày nay, dưới

sự phát triển vượt bậc của xã hội nói chung cũng như nền kinh tế nói riêng, không chỉ đòi học ở con người những hiểu biết về Công nghệ, Khoa học, Kỹ thuật và Toán học mà còn đòi hỏi cả sự đổi mới và sáng tạo. Do đó mà yếu tố nghệ thuật sáng tạo Art đã được đưa vào và từ đó làm hình thành nên phương pháp STEAM trong giáo dục.

Đây được coi là một bước chuyển đổi ngoạn mục của nền giáo dục cách mạng, có thể rút ngắn khoảng cách giữa kiến thức hàn lâm và thực hành thực tiễn, giúp trẻ nhanh chóng tạo ra những sản phẩm phục vụ nhu cầu cuộc sống hằng ngày. Điều này có ý nghĩa rất đặc biệt với trẻ mầm non trong lĩnh vực phát triển thẩm mỹ.

Giáo dục STEAM gồm các kiến thức và kỹ năng của 5 chuyên ngành được tích hợp, bổ trợ cho nhau nhằm biến lý thuyết hàn lâm thành ứng dụng thực tế. Dựa trên cơ sở đó, người học sẽ có đầy đủ kỹ năng và kiến thức để áp dụng trong khi làm việc trong thế giới công nghệ ngày nay.

Chữ "A" có trong STEM là một thuật ngữ đại diện cho nghệ thuật (nghệ thuật tự do, nghệ thuật ngôn ngữ, nghệ thuật thể chất), nghiên cứu xã hội, âm nhạc và mỹ thuật. Khi trẻ áp dụng tư duy sáng tạo thông qua nghệ thuật cho các dự án STEAM, những khái niệm lý thuyết sách vở tưởng chừng như khô khan, khó hiểu sẽ trở nên thú vị hơn và được chứng minh bằng chính những trải nghiệm của người học.

2. Nội dung

2.1. Sự cần thiết ứng dụng steam trong giáo dục mầm non

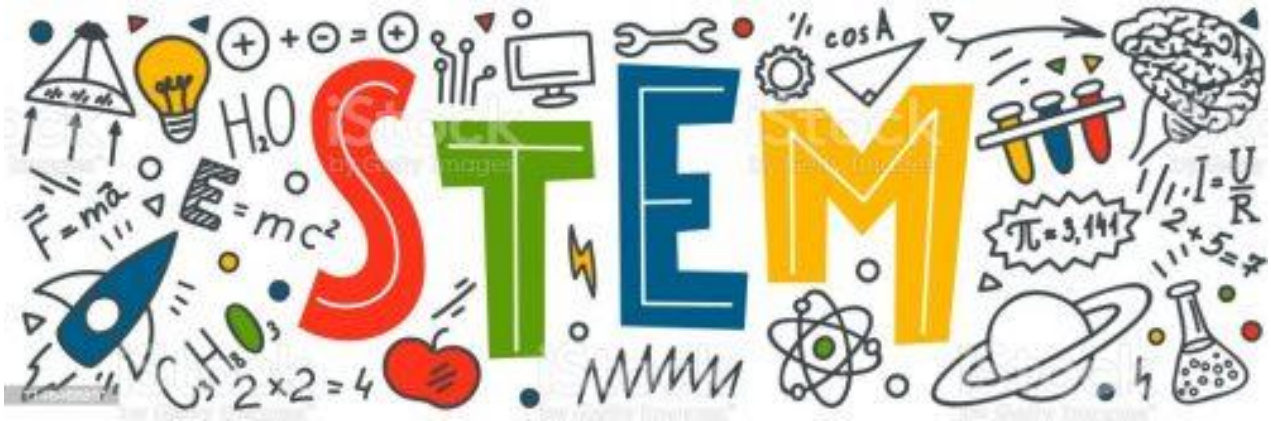

Với quan điểm xây dựng chương trình như hiện nay, cho phép các nhà trường, các giáo viên chủ động, linh hoạt lựa chọn các nội dung, phương pháp, hình thức

giáo dục khác nhau thì việc ứng dụng STEAM trong giáo dục mầm non khá đơn giản và gần gũi.

Ví dụ 1, khi cho trẻ đi bộ và khám phá mọi thứ xung quanh mà trẻ bắt gặp là một trải nghiệm rất thú vị cho STEAM. Giáo viên giúp trẻ chuẩn bị những chiếc túi xinh xinh để mang theo mình và thu nhặt những chiếc lá, những viên đá hay những loại hạt…Thành phẩm thu được sẽ được trẻ tự sắp xếp, phân loại theo màu sắc, hình dạng, kích thước…Một hoạt động đơn giản như thế này thôi cũng giúp trẻ vận dụng các kỹ năng toán học và khoa học.

Ví dụ 2, cho trẻ hoạt động với nước, cô giáo chuẩn bị cho trẻ một chậu nước nho nhỏ với các dụng cụ đi kèm là chai rỗng, cốc đo… cho mỗi trẻ trải nghiệm hoạt động STEAM việc đổ đầy nước và so sánh nó, trẻ tự rút ra bài học. Hoạt động này sẽ giúp trẻ áp dụng được các kỹ năng toán học, khoa học và kỹ thuật.

Ví dụ 3, hoạt động STEAM cho trẻ tự xây dựng một mô hình kim tự tháp làm bằng giấy, cốc nhựa, chai nhựa…. Sau đó yêu cầu trẻ đo đạc chiều cao của tháp và đếm số lượng cốc, chai, ly nhựa để xây tháp…Từ đó mà trẻ đã vận dụng được kỹ năng toán học, kỹ thuật vào với nhau một cách hiệu quả.

Song song với các hoạt động, giáo viên đưa ra những câu hỏi khác nhau để giúp trẻ tăng hiểu biết, kinh nghiệm, ví dụ như: “con gì đây con?”, “con có thể kể cho cô nghe cách con xây ngôi tháp này như thế nào không?”, “chuyện gì sẽ xảy ra nếu chúng ta cho bột nở vào nước con nhỉ?”, “quả cam này có dạng hình tròn đúng không? ”.

Giáo dục Steam đề cao phượng diện thực hành trong học tập từ đó rèn luyện cho trẻ năng lực tư duy và sáng tạo là cốt lõi. Trang bị cho trẻ những kỹ năng căn bản phù hợp với đòi hỏi phát triển của thế kỷ mới như khả năng diễn đạt và thuyết trình, kỹ năng phản biện và sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm… nhạy bén trong xử lý tình huống.

Giáo dục STEAM lấy trẻ làm trung tâm của quá trình dạy học, trẻ được khuyến khích và động viên sáng tạo trong quá trình học. Trẻ được khám phá sáng tạo thỏa sức, luôn được tạo cơ hội được thử thách và được phép thất bại trong quá trình học để trưởng thành hơn và quan trọng là Trẻ được chủ động vượt lên chính

mình. Giáo dục STEAM tạo môi trường vừa học vừa chơi, mang đến không khí học tập vui vẻ, sôi nổi thông qua hoạt động học lý thuyết kết hợp thực hành thú vị. Nhờ vậy trẻ có thể tiếp thu dễ dàng kiến thức.

Ứng dụng giáo dục STEAM trong cấp học mầm non là những kiến thức đơn giản, dễ hiểu, dễ nhớ. Trẻ mầm non không học lý thuyết hàn lâm, qua những bài giảng mà trẻ sẽ học qua chính những trải nghiệm mọi thứ diễn ra trong cuộc sống thực. Trẻ mầm non tư duy trực quan nên cho trẻ quan sát và tự thực hiện các thí nghiệm, trải nghiệm giáo viên tập trung đặt cho trẻ những câu hỏi để trẻ nói ra những suy nghĩ về những gì mà trẻ quan sát thấy được nghe được.

2.2. Sự cần thiết của giáo dục STEAM đối với chương trình GDMN

Chương trình giáo dục mầm non được ban hành kèm theo thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, được sửa đổi bổ sung theo thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT. Chương trình được biên soạn dựa trên quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, hướng đến sự phát triển toàn diện của trẻ, tạo điều kiện cho trẻ phát triển liên tục và đáp ứng sự đa dạng của các vùng miền. Chương trình được xây dựng là chương trình khung với những nội dung cơ bản, cốt lõi và có tính linh hoạt, mềm dẻo làm cơ sở cho việc lựa chọn những nội dung giáo dục cụ thể phù hợp với kinh nghiệm sống, khả năng của trẻ và thực tế của từng địa phương, vùng miền. Với quan điểm xây dựng chương trình như vậy, cho phép các nhà trường, các giáo viên chủ động, linh hoạt lựa chọn các nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục khác nhau. Điều này cho thấy, STEAM hoàn toàn phù hợp khi được ứng dụng vào chương trình GDMN của nước ta hiện nay.

2.3. Sự phù hợp của giáo dục STEAM đối với điều kiện thực tiễn

STEAM rất phù hợp với điều kiện thực tiễn ở từng vùng miền, địa phương với những đặc điểm về điều kiện tự nhiên và xã hội khác nhau vì:

- Mỗi cơ sở giáo dục mầm non có thể ứng dụng STEAM ở các mức độ khác nhau phù hợp với định hướng phát triển của nhà trường, điều quan trọng nhất của ứng dụng STEAM chính là sự thay đổi trong phương pháp làm việc của giáo viên và trẻ.

- Không yêu cầu đầu tư cơ sở vật chất tốn kém, đồng bộ. Các đồ dùng đồ chơi được tận dụng từ các nguyên vật liệu sẵn có, dễ tìm, dễ kiếm.

- Áp dụng linh hoạt cho hầu hết các độ tuổi, bao gồm cả trẻ ở lứa tuổi nhà trẻ với các mức độ khác nhau.

2.4. Ý nghĩa ứng dụng STEAM cho trẻ mầm non

- Giáo dục STEM thỏa mãn và nuôi dưỡng trí tò mò của trẻ

Tò mò, ham hiểu biết được coi là một đặc trưng cơ bản của trẻ ở lứa tuổi mầm non, tuy nhiên, nếu đặc điểm này không được vun xới, nó cũng dễ dàng mất đi khi trẻ lớn lên. Óc tò mò, ham hiểu biết cũng là một phẩm chất có thể nuôi dưỡng và phát triển thông qua giáo dục. Giáo dục STEAM tạo ra cho trẻ một môi trường để thỏa mãn trí tò mò và kích thích hứng thú nhận thức của trẻ. Hầu hết các trải nghiệm với STEAM của trẻ đều được bắt đầu từ sự lựa chọn chất liệu của đồ vật. Chẳng hạn, khi trẻ muốn tạo ra một chiếc thuyền, nó luôn phải cân nhắc và suy nghĩ khi chọn vật liệu. Cái gì sẽ tan trong nước? Cái gì không tan? Cái gì có thể nổi? Cái gì sẽ chìm?... Cứ như vậy, đứa trẻ được dẫn dắt bởi trí tò mò của bản thân để đi đến khám phá từ loại chất liệu: Đất nặn có được không? Bìa cứng hay xốp? Đồ nhựa hay giấy…? Thậm chí, ngay cả khi đã lựa chọn được chất liệu phù hợp, chúng cũng cần một quá trình thiết kế và cải tiến để tạo ra được sản phẩm mà mình ưng ý nhất. Chúng có thể làm việc một cách say mê chính bởi sự dẫn đường của óc tò mò. Những trải nghiệm từ STEM đem lại vừa kích thích trí tò mò, vừa nuôi dưỡng óc khám phá của trẻ.

- Giáo dục STEAM phù hợp với đặc điểm nhận thức cảm tính của trẻ mầm non

Thật khó để yêu cầu một đứa trẻ ở giai đoạn 0 - 6 tuổi tưởng tượng rằng: gỗ sẽ nổi, còn sỏi sẽ chìm khi cho vào nước. Cũng thật khó để yêu cầu chúng có thể lĩnh hội được những kiến thức khoa học mà không thông qua hoạt động trải nghiệm. Tư duy của trẻ mầm non mang tính trực quan, trẻ chỉ nhận thức được sự vật khi được tri giác chúng với tất cả các giác quan của mình. Trẻ không học được những kiến thức hàn lâm, vĩ mô mà trẻ học về tất cả những gì diễn ra xung quanh, ngay trong chính cuộc sống thực. Trẻ học không chỉ để ghi nhớ và trả bài, mà trẻ học nhanh nhất khi điều đó được ứng dụng vào cuộc sống hàng ngày. Vì thế, mỗi kiến thức hay kỹ năng sẽ trở nên có nghĩa với trẻ khi bài học đó gắn với việc tạo ra một sản phẩm cụ thể và hữu ích. Trẻ luôn tò mò nên các em là những nhà khoa học

bẩm sinh. Vì thế, học STEAM tốt nhất từ lứa tuổi mầm non. Khi học STEAM, đó là hành trình trải nghiệm của trẻ chứ không phải đích đến, giáo viên phải quan tâm đến điều này để mỗi bài học là cơ hội cho trẻ học hỏi, thay vì chỉ chú ý đến kết quả sản phẩm mà trẻ tạo ra. Giáo dục STEAM có sự gắn kết chặt chẽ giữa đánh giá trẻ theo quá trình và đánh giá theo giai đoạn.

3. Kết luận

Như vậy, những lợi ích mà giáo dục STEAM có thể mang lại cho trẻ là vô cùng lớn, để tiếp cận dạy học theo phương pháp này cũng không phải là điều dễ dàng. Nhưng chắc chắn khi trẻ được tiếp cận với cách tiếp cận này, chúng ta sẽ thấy trẻ rất say sưa, tập trung, tìm tòi khám phá và khơi gợi niềm đam mê, nhiệt huyết ở trẻ. STEAM giúp giáo dục con người trở nên toàn vẹn hơn ngay từ lứa tuổi mầm non, đáp ứng sự phát triển không ngừng nghỉ của kinh tế – chính trị – xã hội, phục vụ đắc lực cho công việc của con người trong thời đại mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. R. Bybee, “Guest Editorial: Using the BSCS 5E Instructional Model to Introduce STEM Disciplines,” *Science and Children*, vol. 056, no. 06, 2019, doi: 10.2505/4/SC19_056_06_8.

2. P. Dass, “ ‘Teaching STEM Effectively with the Learning Cycle Approach.,’” *K-12 STEM Education 1 (1): 5–12.*, 2015.

3. Z. Mengmeng, Y. Xiantong, and W. Xinghua, “Construction of STEAM Curriculum Model and Case Design in Kindergarten,” *Am J Educ Res*, vol. 7, no. 7, pp. 485–490, Jul. 2019, doi: 10.12691/education-7-7-8.

4. L. , K. H. , D. W. , & D. F. Thibaut, “The influence of teachers’ attitudes and school context on instructional practices in integrated STEM education.,” *Teaching and Teacher Education, 71, 190–205*, 2018.

CÔNG TÁC KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG CHU KỲ 2

ThS. Lê Thị Chúc Quỳnh
Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục

Tóm tắt: Công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài Nhà trường chu kỳ 2 nhằm mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, hoạt động này thực hiện trên cơ sở rà soát việc đáp ứng các yêu cầu, tiêu chuẩn, qui định về kiểm định đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo sau quá trình đánh giá chu kỳ 1. Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương đẩy mạnh hoạt động tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục chu kỳ 2 và thực hiện quy trình tự đánh giá trong năm học 2022 - 2023, dự kiến hoạt động đánh giá ngoài thực hiện vào tháng 5 năm 2023. Bài viết này sẽ trình bày về tầm quan trọng, cơ sở pháp lý, thực trạng và định hướng triển khai đánh giá cơ sở giáo dục chu kỳ 2 của trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương.

Từ khóa: *Kiểm định chất lượng, tự đánh giá, đánh giá ngoài, cơ sở giáo dục, quy trình, chất lượng*

1. Đặt vấn đề

Năm 2017, Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương (CĐSPTW) là trường cao đẳng đầu tiên trong cả nước triển khai công tác kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục. Kết quả đánh giá theo Quyết định số 125/QĐ-KĐCL ngày 07 tháng 9 năm 2017 của Giám đốc Trung tâm KĐCLGD - ĐH Quốc Gia HN. Nhà trường được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục theo các điều kiện tại Điều 27, Thông tư số 62/2012/TT-BGDĐT ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học, cao đẳng và TCCN.

Sau khi thực hiện kiểm định trường năm 2017, trong giai đoạn 5 năm từ năm 2017 đến năm 2022, Nhà trường đã có những hoạt động cải tiến chất lượng như thế nào, cần làm gì để tiếp tục quá trình cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo trong những giai đoạn tiếp theo.

2. Nội dung

2.1. Tầm quan trọng của việc đánh giá cơ sở giáo dục

Công tác Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục chu kỳ 2 là nhiệm vụ hết sức quan trọng của trường CĐSPTƯ. Đánh giá các hoạt động của Nhà trường trong

việc thực hiện và đảm bảo chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục chu kỳ 2, xác định mức độ đáp ứng của Nhà trường so với bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo; khắc phục những tồn tại đã được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài chỉ ra trong lần đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục chu kỳ 1 (năm 2017); quá trình cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo và kiểm định chất lượng giáo dục. Thực hiện trách nhiệm giải trình với các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền và xã hội về thực trạng chất lượng của Nhà trường.

Tự đánh giá sẽ cung cấp hồ sơ có liên quan tới các hoạt động của Nhà trường theo bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng để từ đó Hội đồng Tự đánh giá, cán bộ viên chức, học sinh sinh viên ẽ có cái nhìn tổng thể về những điểm mạnh và những điểm còn tồn tại để có những điều chỉnh phù hợp và đầu tư kịp thời để tạo ra những chuyển biến tích cực trong hoạt động của Nhà trường.

2.2. Căn cứ pháp lý đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục

Thông tư số 62/2012/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 08/VBHN-BGDĐT ngày 04 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường cao đẳng;

Công văn số 462/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 09 tháng 5 năm 2013 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Công văn số 528/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 23 tháng 5 năm 2013 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng về việc hướng dẫn tìm thông tin minh chứng theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường cao đẳng.

2.3. Công tác chỉ đạo triển khai hoạt động đánh giá cơ sở giáo dục của trường CĐSPTƯ

Thông qua các cuộc họp Giao ban hằng tháng, Hiệu trưởng luôn đôn đốc nhắc nhở về thời hạn hết chu kỳ kiểm định (sau 5 năm của chu kỳ 1) và chỉ đạo quyết liệt phải triển khai đánh giá trường chu kỳ 2 trong năm học này. Đồng thời khẳng định vai trò của từng cán bộ, giảng viên trong việc kiểm định chất lượng Nhà trường. Hiệu trưởng nhấn mạnh tầm quan trọng mang tính chiến lược của việc kiểm định Nhà trường là cơ sở để giải trình với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội về thực trạng chất lượng của Nhà trường; làm cơ sở cho

người học lựa chọn theo học và nhà tuyển dụng lao động tuyển chọn nhân lực. Để triển khai đồng bộ công tác này cần phải có sự thống nhất, đồng lòng và nhiệt huyết của các cán bộ, giảng viên trong Nhà trường. Hiệu trưởng giao cho phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục là đơn vị đầu mối triển khai và nhiệm vụ trọng tâm tự đánh giá Trường chu kỳ 2. Nhiệm vụ này được thể hiện rõ trong Kế hoạch năm học 2022 - 2023 của phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục được Hiệu trưởng phê duyệt ngay từ đầu năm học.

Để chuẩn bị các điều kiện tự đánh giá trường chu kỳ 2, Nhà trường đã thực hiện rà soát các điều kiện, hồ sơ, minh chứng để chuẩn bị cho công tác tự đánh giá. Dựa theo tài liệu hướng dẫn và các mốc chuẩn cho từng tiêu chuẩn, tiêu chí của bộ tiêu chuẩn bao gồm 10 tiêu chuẩn 55 tiêu chí để tiến hành rà soát, tập hợp minh chứng. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch, ra Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá, ban thư ký, các nhóm công tác chuyên trách, tập huấn hướng dẫn phân tích nội hàm tiêu chí, xác định minh chứng tương ứng với từng tiêu chí, phân tích cấu trúc, nội dung, viết báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn. Trách nhiệm của các bộ phận tham gia công tác như sau:

Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục chu kỳ 2 có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, đôn đốc và triển khai các công tác tự đánh giá; tham gia phản biện, thẩm định, phê duyệt bản Báo cáo tự đánh giá; phổ biến chủ trương về việc triển khai tự đánh giá và yêu cầu các đơn vị, cá nhân trong trường phối hợp thực hiện; công bố báo cáo tự đánh giá; triển khai thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng và khắc phục các tồn tại theo khuyến nghị trong báo cáo đánh giá ngoài chu kỳ 1; tổ chức, duy trì cơ sở dữ liệu về các hoạt động của Nhà trường.

Ban thư ký giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá, tổng hợp báo cáo theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn, rà soát số liệu, văn phong chính tả, làm việc với từng nhóm CTCT để chỉnh sửa báo cáo. Chịu trách nhiệm viết phần tổng quan và tổng hợp phần cơ sở dữ liệu của báo cáo. Tiếp nhận, rà soát toàn bộ báo cáo và kiểm tra minh chứng theo từng tiêu chuẩn/tiêu chí và hoàn thiện báo cáo trình HĐTĐG.

Các nhóm công tác chuyên trách tham gia tập huấn tự đánh giá; tổ chức thu thập minh chứng, viết báo cáo tiêu chí/tiêu chuẩn theo sự phân công và theo đúng kế hoạch về thời gian và đảm bảo chất lượng; tham gia bảo vệ tiêu chí/tiêu chuẩn trước Hội đồng tự đánh giá; thực hiện các nhiệm vụ, yêu cầu theo nội dung phản biện của Hội đồng; đề xuất với Hội đồng tự đánh giá các biện pháp, kế hoạch hành động nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục của Nhà trường.

Các đơn vị phòng/khoa/trung tâm phổ biến hoạt động tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục chu kỳ 2 tới toàn thể tới toàn thể cán bộ viên chức của đơn vị. Phối hợp giữa các đơn vị và phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục trong công tác tự đánh giá như: cung cấp thông tin, minh chứng cho các nhóm chuyên trách khi được yêu cầu; biên soạn các văn bản (kế hoạch, báo cáo, quy định, quy trình, hướng dẫn …) theo các lĩnh vực được Hiệu trưởng phân công nhằm đáp ứng bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục.

Toàn thể viên chức, người lao động và sinh viên trong Nhà trường được phổ biến và hiểu về hoạt động đánh giá, đồng sức, đồng lòng cùng triển khai các hoạt động quảng bá hình ảnh, quảng bá chất lượng đào tạo của Nhà trường.

3. Kết luận

Trường CĐSPTW luôn nhận định chất lượng giáo dục là ưu tiên và là nhiệm vụ hàng đầu của Nhà trường, trong đó công tác đánh giá chất lượng Nhà trường là một khâu quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng đào tạo. Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã được xác định. Hoạt động tự kiểm tra đánh giá giúp Nhà trường tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của chất lượng đào tạo; xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo; từ đó điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo đáp ứng với định hướng phát triển Nhà trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo đánh giá ngoài trường CĐSPTƯ (*Kèm theo Công văn số 243/KĐCL ngày 10 tháng 7 năm 2017 của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội)*

2. Báo cáo Tự đánh giá để đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục của trường CĐSPTƯ (*tháng 04 năm 2017*)

3. Quyết định số 923/QĐ-CĐSPTƯ ngày 09 tháng 11 năm 2022 *về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục chu kỳ 2*

4. Kế hoạch tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục chu kỳ 2 ngày 09 tháng 11 năm 2022 *của Hội đồng tự đánh giá*

5. Quyết định số 125/QĐ-KĐCL ngày 07 tháng 9 năm 2017 của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội *về việc công nhận trường CĐSPTƯ đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục*

TÂM LÍ HỌC – SINH LÍ HỌC LỨA TUỔI

♦ ♦ ♦ ♦ ♦

PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC CẢM TÍNH CHO TRẺ KHUYẾT TẬT TRÍ TUỆ THÔNG QUA CÁC BÀI LUYỆN TẬP GIÁC QUAN

ThS. Dương Thị Hoa

Khoa Công nghệ thông tin - Giáo dục nghề nghiệp

Tóm tắt: Luyện tập và phát triển giác quan cho trẻ nhỏ được bắt đầu từ rất sớm, ngay từ khi trẻ mới sinh ra và được thực hiện liên tục thường xuyên. Việc cải thiện các cảm giác linh hoạt của trẻ đảm bảo sự phát triển toàn diện về tinh thần, vì thông tin về thế giới xung quanh đi vào não thông qua các kênh nhận thức. Rối loạn xử lý giác quan là một trong những khó khăn của trẻ khuyết tật trí tuệ, điều này ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động nhận thức của trẻ. Phát triển nhận thức cảm tính cho trẻ khuyết tật trí tuệ được thực hiện thông qua các bài tập luyện tập giác quan sẽ thúc đẩy khả năng học tập của trẻ.

Từ khoá: *rèn luyện giác quan, khuyết tật trí tuệ, nhận thức*

1.Đặt vấn đề

Theo Jean Piaget: "Sự phát triển trí tuệ ở những đứa trẻ khuyết tật trí tuệ so với trẻ bình thường thể hiện ở từng giai đoạn phát triển, kéo dài hơn, chậm lại, dừng lại sớm hơn. Vì thế trẻ khuyết tật trí tuệ hạn chế khả năng học tập, khả năng tiếp thu kiến thức". Những trẻ như vậy gặp khó khăn trong việc tiếp nhận thông tin trong các lớp học thông thường, vì hầu hết việc tiếp thu, lĩnh hội thông tin bằng thính giác, thị giác, xúc giác, khứu giác và vì giác, tức là có liên quan đến kênh cảm giác. Đồng thời, theo quy luật, trẻ có vốn từ vựng ít nên khó hiểu một số từ (mà một đứa trẻ bình thường cùng lứa tuổi có thể hiểu được), cấu trúc logic và ngữ pháp, do đó khó nắm vững thông tin nhận được. Trong thế giới công nghệ thông tin hiện đại, xã hội đang bị quá tải về cảm giác, nhưng sự quá tải này không có hệ thống, không được kiểm soát và thường là một chiều. Hầu hết các trẻ em nhỏ tuổi ngồi nhiều trước màn hình tiện ích, ít di chuyển. Về vấn đề này, nhiệm vụ của nhà tâm lý, giáo dục là cố định và đa dạng hóa sự phát triển của nhận thức về cảm giác giác quan.

2. Nội dung

Trong quyển sách "Chờ đến mẫu giáo thì đã muộn" của tác giả Ibuka Masaru, đã nói đến "phương pháp giáo dục Suzuki" là một phương pháp nổi tiếng trên toàn thế giới của nhà giáo dục Suzuki Shinichi là một giáo viên dạy violin người Nhật. Ông có phương pháp dạy nhạc vô cùng độc đáo, được cả thế giới

ngưỡng mộ, lớp violin của ông đã đào tạo được rất nhiều thiên tài âm nhạc cho nước Nhật và thế giới, trong đó có cả những đứa trẻ bị điếc bẩm sinh. Suzuki Shinichi cho rằng: "Đối với bất kỳ đứa trẻ nào cũng chỉ có một phương pháp giáo dục" đó chính là "giáo dục sớm", việc dạy trẻ cần phải được bắt đầu ngay từ những năm tháng đầu đời, bởi vì giai đoạn tuổi sơ sinh là giai đoạn mà trẻ có những khả năng trí tuệ vô hạn. Mục đích của "giáo dục sớm" không phải để tạo ra những thiên tài mà là để "nuôi dạy một đứa trẻ trở nên ngoan ngoãn, vui vẻ, có trí tuệ thông minh và khoẻ mạnh". Luyện tập giác quan cho trẻ khuyết tật trí tuệ cần được tiến hành ngay từ những ngày đầu sau khi trẻ được sinh ra sẽ góp phần phòng tránh được những rối loạn bẩm sinh, giúp trẻ có cơ hội được phát triển, vượt qua được những thách thức trong quá trình học tập.

Các bài luyện tập sau đây sẽ được các nhà chuyên môn, các giáo viên hoặc các phụ huynh sử dụng trong quá dạy trẻ khuyết tật ở các lứa tuổi học tại gia đình, tại các trung tâm chuyên biệt, các lớp mẫu giáo hoà nhập.

2.1. Phát triển nhận thức thính giác

- *Bài tập "Tìm hai âm giống nhau*"

+ Sử dụng những chai thuỷ tinh có cùng một màu sắc và kích thước, có nắp đậy, yêu cầu những chai thuỷ tinh này có cấu tạo mờ, đục. Bên trong chai thuỷ tinh chứa đầy các loại ngũ cốc và thực phẩm khô khác (gạo, đỗ, yến mạch, bột mì, lúa mì, đậu Hà Lan, muối, trà, cà phê, đinh hương).

+ Mỗi sản phẩm trong cùng một khối lượng được đổ vào các lọ thuỷ tinh, sau đó đậy chặt nắp. Tất cả những lọ thuỷ tinh có chứa các loại ngũ cốc được đặt trước mặt trẻ. Yêu cầu trẻ lắc mạnh các lọ thuỷ tinh và tìm ra những âm thanh giống nhau.

- *Bài tập "Đoán đối tượng bằng tai"*

+ Giáo viên bày ra trước mặt trẻ nhiều đồ vật khác nhau: kéo, giấy, bút chì, kẹp văn phòng phẩm, băng dính, kim bấm, dũa, kẹo cao su văn phòng phẩm, bông gòn, lọ có nắp, sách (sổ hoặc vở).

+ Trẻ ghi nhớ các đồ vật bày ra, sau đó nhắm mắt lại, lúc này giáo viên thực hiện các động tác khác nhau với một trong các đồ vật (bắt chước các động tác dùng kéo, vò hoặc xé giấy, vẽ trên giấy bằng bút chì, sột soạt giữa, vặn vít nắp, lật sách, kéo căng và thả dây chun, v.v.) và đặt sách vào vị trí.

+ Trẻ mở mắt và đoán xem đồ vật nào đã được thao tác.

- *Bài tập "Lặp lại âm thanh"*

+ Giáo viên thực hiện một loạt các thao tác trên mặt bàn, phân tách chúng bằng những khoảng dừng ngắn và dài, trẻ lặp lại theo giáo viên

+ Chuỗi có thể được kéo dài và cấu trúc phức tạp.

Mẫu nhịp điệu:

Số 1 - II I (2/1))

Số 2 - III II, III II (3/2---3/2)

Số 3 - III I, III I, II (3/1---/3/1---2)

Số 4 – III II I, III II, III II (3/2/1---3/2---3/2)

- *Bài tập "Ồn ào-im lặng"*

Giáo viên bật nhạc và định kỳ thay đổi âm lượng từ nhỏ sang to và ngược lại. Khi nhạc phát ra âm thanh nhỏ, êm thì trẻ đi kiễng chân, khi nhạc to trẻ sẽ dậm chân.

- *Bài tập "Âm thanh cao và thấp"*

+ Trẻ được đề nghị nghe âm thanh của một nhạc cụ và trả lời âm cao bằng cách giơ tay, âm thấp bằng cách hạ tay xuống.

- *Bài tập "Ai nói?"*

+ Một đứa trẻ đứng quay lưng lại với những đứa trẻ khác. Một người nào đó trong nhóm, theo hướng dẫn ngầm của giáo viên, nên nói một cụm từ ngắn với giọng đã thay đổi. Học sinh đứng quay lưng đoán xem giọng nói của ai.

+ Có thể có hai hoặc ba lần thử đoán, tùy thuộc vào số lượng người tham gia. Bất kể kết quả công nhận là gì, những đứa trẻ được thay đổi để mọi người đều đóng vai người đoán.

2.2 Phát triển nhận thức xúc giác

- *Bài tập "Nhận biết bằng cách chạm"*

+ Lựa chọn đầu tiên. Người lớn nhắm mắt đưa đồ vật cho đứa trẻ. Trẻ cần chạm vào đồ vật này và đặt tên cho nó.

+ Sự lựa chọn thứ hai. Trẻ nhắm mắt được phép cảm nhận các hình được cắt ra từ bìa cứng với nhiều hình dạng khác nhau, sau đó vẽ chúng theo trí nhớ.

- *Bài tập "Tìm một cặp"*

+ Chuẩn bị trước hai bộ: dán các loại vải có kết cấu khác nhau lên cùng một bảng (có thể đóng đinh vải bằng kim bấm vào mép và cuối bảng).

+ Đặt một bộ trước mặt trẻ, và từ bộ thứ hai, nhắm mắt đưa cho trẻ một tấm ván có bề mặt bất kỳ. Nhiệm vụ của trẻ là tìm bằng cách chạm vào một tấm bảng có cùng loại vải với bộ đầu tiên.

+ Sau khi trẻ đã tìm đúng một cặp, hãy đặt nó sang một bên và đưa ra bảng tiếp theo từ bộ thứ hai.

- *Bài tập "Thu thập một hình"*

+ Giáo viên cho trẻ chia hình vuông thành nhiều phần. Trẻ cần phải thu thập nó. Sau khi trẻ đã thu thập, bất kể thực hiện như thế nào, một sơ đồ mẫu sẽ được hiển thị.

+ Bây giờ giáo viên cần tháo rời các bộ phận đã lắp ráp của hình vuông và nhắm mắt lắp ráp nó. Điều tương tự nên được thực hiện với một hình tròn và một hình tam giác. Sau khi hoàn thành tất cả các nhiệm vụ, trẻ được hỏi: "Hình nào trong ba hình dễ lắp ráp hơn?".

- *Bài tập "Đoán chữ/số" (*dành cho trẻ 5-6 tuổi)

+ Một chữ cái hoặc số được viết cho trẻ bằng ngón tay ở mặt sau mà trẻ phải đoán bằng cảm giác xúc giác

+ Giáo viên dùng ngón tay, vẽ lần lượt những con số hoặc chữ lên lưng, tay của trẻ và yêu cầu trẻ đoán số gì? chữ gì? vừa được viết.

2.3 Bài tập phát triển nhận thức vận động

- *Bài tập "Người mù và người dẫn đường"*

+ Trẻ em được chia thành các cặp, một trong các cặp nhắm mắt lại (giả vờ bị mù), người thứ hai (người dẫn đường) dắt tay bạn của mình đi qua lớp học, trong đó các đồ đạc được đặt ở những nơi khác nhau.

+ Sau khi bọn trẻ đi quanh phòng và trở về chỗ cũ, người mù và người dẫn đường đổi vai cho nhau. Sau khi hoàn thành bài tập, các trẻ được đặt câu hỏi: "Con thích đóng vai ai hơn?", "Bạn diễn của con có nhạy cảm với con khi dẫn dắt con không?", "Con có cảm giác gì khi bị mù? "

- *Bài tập "Cặp song sinh"*

+ Những đứa trẻ kết hợp với nhau thành các cặp song sinh, vai kề vai, chân kề chân, chúng bị trói tay và chân để chạm vào nhau.

+ Trong sự hợp nhất như vậy, các cặp đôi trẻ cần thực hiện nhiều động tác khác nhau: đi lại, cúi xuống, ngồi xuống, đứng lên, lấy một thứ gì đó, quay lại…

- *Bài tập "Gương".*

+ Một trẻ đứng trước các trẻ khác và thể hiện một số động tác, những trẻ còn lại nhìn vào gương và lặp lại động tác theo trẻ đó.

+ Sau đó, những người khác đi ra từng người một. Nếu có nhiều trẻ có thể thực hiện bài tập này theo cặp, luân phiên đổi vai theo tiếng vỗ tay của trưởng trò.

- *Bài tập "Bước chéo"*

+ Trẻ thực hiện các bài tập phối hợp chéo, đồng thời chạm vào đầu gối trái bằng khuỷu tay phải, sau đó đầu gối phải bằng khuỷu tay trái.

+ Bài tập có thể được thực hiện nằm trên thảm.

- *Bài tập "Xoay người"*

+ Trẻ xoay thân sang phải và trái, trong khi cánh tay của chúng đung đưa hoàn toàn tự do, giống như một con búp bê bằng vải vụn.

+ Bài tập được thực hiện liên tục trong 1-2 phút.

2.4. Phát triển nhận thức thị giác

- *Bài tập "Đoán đường viền"*

+ Khoanh tròn các đối tượng khác nhau dọc theo đường viền trên giấy vẽ và sắp xếp chúng theo lớp.

+ Trẻ phải tìm các đối tượng phù hợp với các đường viền tương ứng và đặt chúng lên trên.

- *Bài tập "Đặt tên cho sự khác biệt"*

Trẻ được giới thiệu hai bức tranh thoạt nhìn giống hệt nhau nhưng có một số điểm khác biệt. Trẻ cần tìm ra những khác biệt này trong 1-2 phút.

- *Bài tập "Tạo hình"*

+ Từ các hình học đã cắt, trẻ tạo thành một mẫu nhất định.

+ Giáo viên có thể làm phức tạp nhiệm vụ bằng cách đưa ra một mẫu ở dạng rút gọn; có thể có nhiều hình dạng hình học hơn mức cần thiết; giáo viên có thể đề nghị tạo hình của riêng mình từ một tập hợp lớn các hình dạng hình học.

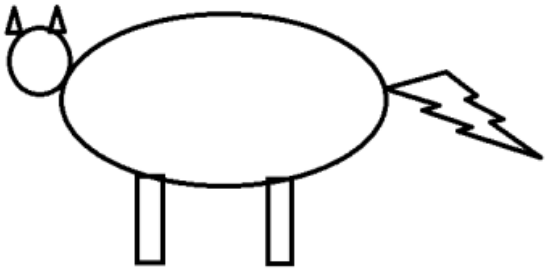

- *Bài tập "Vẽ các hình chính xác"*

Trẻ sao chép các số liệu từ mẫu càng chính xác càng tốt.

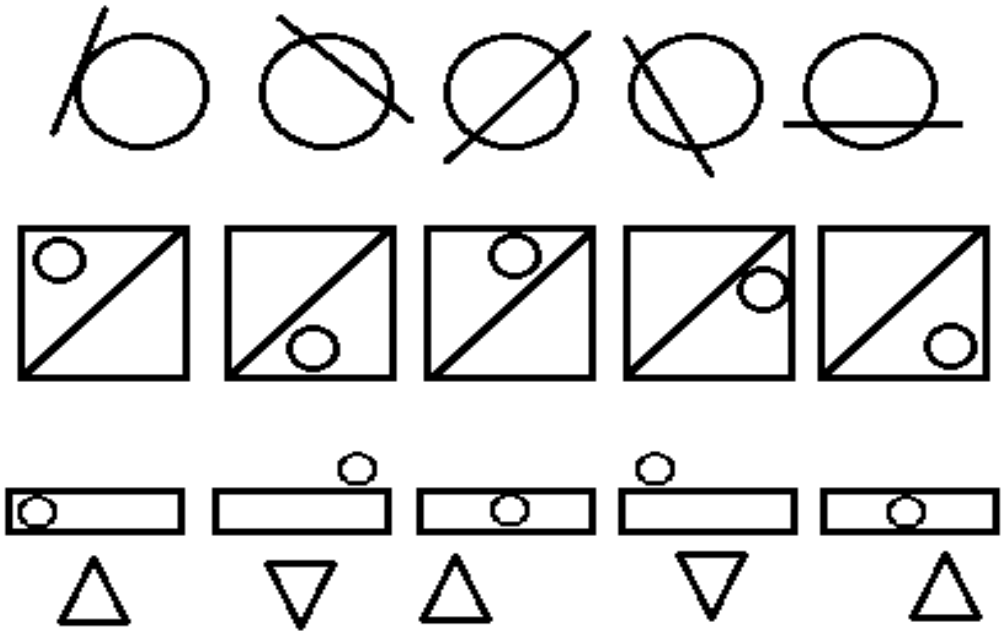

- Bài tập "Tìm đối tượng tương tự"

Giáo viên đề nghị tìm những đồ vật có hình dạng tương tự trong phòng; theo hình vẽ; theo màu sắc; kích thước; bằng chất liệu.

3. Kết luận

Trên đây là những bài tập tham khảo giúp giáo viên mầm non triển khai các hoạt động phát triển nhận thức, tăng tường chức năng của các giác quan, tăng hứng thú trong lớp học, cải thiện quá trình nhận thức (trí nhớ, sự chú ý, tư duy) cho trẻ khuyết tật trí tuệ. Việc phát triển và rèn luyện giác quan cho trẻ sẽ phát huy tối đa năng lực học tập cho trẻ khuyết tật trong những giai đoạn tiếp theo ở các bậc học cao hơn. Giai đoạn lứa tuổi mầm non là giai đoạn trẻ có thể tiếp thu mọi kiến thức, khả năng tiếp thu của trẻ có thể nói cao hơn ở người lớn rất nhiều và đặc biệt là chúng chỉ tiếp thu những gì mà chúng cảm thấy hứng thú. Việc tăng cường giáo dục và luyện tập giác quan có thể giúp trẻ phát triển hết những khả năng tiềm ẩn tuyệt vời của trẻ. Trẻ khuyết tật ngay từ khi sinh ra đã gặp phải những khiếm khuyết về thần kinh, não bộ, giác quan như: trẻ tự kỷ, trẻ điếc, mù, bại não, trẻ Down. Đối với những trẻ bị khuyết tật bẩm sinh thì điều quan trọng là phải phát hiện sớm và can thiệp sớm, cần phải có một phương pháp giáo dục đúng đắn và phù hợp dành cho nhóm trẻ này. “Dẫu là trẻ có bị khuyết tật bẩm sinh nhưng nếu cha mẹ, giáo viên nỗ lực, cố gắng thì vẫn phát triển được hết khả năng và trí tuệ cho trẻ, đó chính là triết lý cơ bản của giáo dục trẻ thơ” *(Ibuka Masaru)*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Grishchenko T. A(2013), *Sự phát triển giác quan của trẻ em trong các cơ sở giáo dục đặc biệt*: M. Trung tâm xuất bản nhân đạo VLADOS, 2013. 96 tr. Lokalova N.P.

2.Ibuka Masaru, *Chờ đến mẫu giáo thị đã muộn*; Tủ sách Người mẹ tốt; NXB Văn học

3.*120 bài học về sự phát triển tâm lý của trẻ nhỏ(2006),* Một chương trình tâm lý nhằm phát triển lĩnh vực nhận thức cho trẻ, M. "Os-89"

ĐẶC ĐIỂM VÀ NĂNG LỰC ÂM NHẠC CỦA TRẺ MẦM NON

ThS. Lê Thị Lan Anh
Khoa Nghệ thuật
ThS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh
Phòng Khoa học công nghệ - Hợp tác quốc tế

Tóm tắt: Trẻ em lứa tuổi mầm non tham gia vào hoạt động âm nhạc bằng cách nghe, hát, vận động (múa, nhảy) theo nhạc, sáng tác và chơi trò chơi âm nhạc, thậm chí là tự chế tạo nhạc cụ. Để tổ chức các hoạt động âm nhạc hiệu quả, giáo viên mầm non cần nắm bắt được đặc điểm và năng lực âm nhạc của trẻ mầm non. Bài viết giới thiệu về đặc điểm và năng lực âm nhạc của trẻ mầm non, gợi ý tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non.

Từ khoá: *Năng lực, âm nhạc, trẻ mầm non, hoạt động âm nhạc.*

1. Đặt vấn đề

Không giống các loại hình nghệ thuật khác, âm nhạc không mang ý nghĩa cụ thể, rõ rệt như từ ngữ trong văn chương hay đường nét, màu sắc, hình khối trong tác phẩm tạo hình. Âm nhạc mang tính ước lệ và khái quát cao, có sức mạnh vô cùng to lớn trong việc thể hiện tinh tế thế giới nội tâm của con người. Nhờ ngôn ngữ biểu cảm đặc biệt của âm nhạc mà con người ở các vùng miền, dân tộc, quốc gia, thế hệ, độ tuổi khác nhau trong một chừng mực nào đó cũng có thể hiểu biết nhất định về nhau.

Trong số các loại hình nghệ thuật biểu đạt, âm nhạc có thể ít bị ảnh hưởng nhất bởi các giai đoạn phát triển. Một số nhà tư tưởng đã cho rằng âm nhạc đáng được ghi nhận đặc biệt về mặt phát triển con người. Trong cuốn sách Frames of Mind năm 1983 của mình, Howard Gardner lập luận rằng có bảy trí tuệ riêng biệt mà mỗi chúng ta sở hữu, và ông đã tôn vinh âm nhạc bằng cách biến nó thành một trong số chúng [1]. Điều đó cho thấy rằng trí thông minh âm nhạc của trẻ em có thể được nuôi dưỡng phát triển hoặc kìm hãm, giảm sút tùy thuộc vào ảnh hưởng của môi trường, bao gồm cả những ảnh hưởng của các hoạt động trong trường mầm non.

[1] The early childhood curriculum. Suzanne L.Krogh, Kristine L.Slentz. Lawrence Erlbaum Associates, Publishers Mahwah, New Jersey London (2001), tr193

Tầm quan trọng của trải nghiệm âm nhạc đối với trẻ nhỏ là rõ ràng. Để xây dựng được chương trình giáo dục âm nhạc phù hợp với sự phát triển của trẻ nhỏ thì hiểu biết về đặc điểm, năng lực âm nhạc ở mỗi lứa tuổi của giáo viên là quan trọng.

2. Nội dung

2.1. Đặc điểm và năng lực âm nhạc của trẻ mầm non

a) Trẻ 0 – 6 tháng

Ngay từ khi mới sinh, trẻ có biểu hiện năng động hơn khi được nghe nhạc sôi động và bình tĩnh, nhẹ nhàng hơn với những bài hát ru. Trẻ được 1 tuần tuổi đã cho thấy khả năng phân biệt giữa cao độ và nhịp điệu. Trẻ 10 - 12 ngày tuổi đã có phản ứng với âm thanh. Trẻ 2 tháng tuổi đã có biểu hiện lắng nghe âm thanh, 4 - 5 tháng có thể ngoái đầu ra phía có âm thanh và chú ý lắng nghe. Những tháng đầu tiên này tạo thành giai đoạn lắng nghe và phản ứng với tất cả các âm thanh xung quanh gồm âm nhạc và các âm thanh khác.

b)Trẻ 6 -12 tháng

Giai đoạn này, việc bập bẹ xảy ra như một phản ứng với âm nhạc trong môi trường. Trẻ 6 - 8 tháng thường nhoài người về phía có âm thanh, nỗ lực tham gia vào tiếng hát của mẹ hoặc người chăm sóc xuất hiện vào tháng thứ tám. Tháng thứ 11 - 12 có biểu hiện hưởng ứng tính chất của âm thanh thông qua các hành vi như nín khóc để lắng nghe, tỏ ra vui sướng, chú ý… Đồng thời, trẻ bắt đầu phân biệt giữa các bài hát riêng lẻ và thể hiện sở thích âm nhạc. Trẻ có thể đung đưa và lắc lư hoặc vỗ tay theo điệu nhạc mà trẻ thích; trẻ cũng có thể tỏ vẻ không hài lòng khi người lớn mở nhạc mà chúng không thích. Thích thú với âm thanh do đánh và đá hoặc lắc lục lạc là một phần của lứa tuổi này.

c*) Trẻ 1– 3 tuổi*

Trẻ có biểu hiện hưởng ứng âm nhạc bằng thái độ cụ thể, rõ ràng như tươi cười, im lặng, vui vẻ, thích thú, chăm chú, ngạc nhiên. Trẻ có khả năng chú ý, nghe và có thể phân biệt được độ cao - thấp, to - nhỏ của âm thanh. Trẻ đang học nói, có học hát nhưng học từ cuối câu đến đầu câu (trẻ hát theo người lớn, nhắc lại 1, 2 câu cuối của bài hát). Trẻ biết vận động theo nhạc bằng những vận động đơn giản như vẫy tay, dậm chân, nhún nhảy, múa vòng quanh.

Khả năng sáng tạo xuất hiện khi trẻ ghi nhớ các bài hát và kết hợp bài hát vào trò chơi của chúng. Trẻ thậm chí còn bắt đầu tạo ra các bài hát của riêng mình. Khả năng kiểm soát phát triển cũng như sự quan tâm đến việc kiểm soát, thay vì chỉ thưởng thức những âm thanh do đập và lắc đồ vật. Điều này dẫn đến nhiều thử nghiệm với các loại âm thanh. Trẻ cũng phát triển cảm giác của bản thân trong

không gian và học cách kiểm soát chuyển động của mình khi chúng đung đưa, lắc lư, nhảy và xoay theo giai điệu và nhịp điệu.

d) Trẻ 3 – 4 tuổi

Ở giai đoạn này, trẻ xuất hiện hứng thú với âm nhạc, đôi khi trẻ hứng thú với một bài hát hoặc một vận động nào đó. Ví dụ, trẻ thích múa, thích nghe hát, thích hát. Ở trẻ, xúc cảm hứng thú âm nhạc chưa ổn định, nhanh chóng xuất hiện nhưng cũng dễ mất đi. Trong năm thứ tư, trẻ có thể chăm chú nghe nhạc mà chúng thích và duy trì nhịp điệu trong quá trình vận động, cảm giác tai nghe của trẻ có sự phân hóa rõ rệt, một số trẻ có khả năng phân biệt và nhắc lại chính xác. Trẻ xuất hiện nhu cầu âm nhạc và tích cực hoạt động âm nhạc. Trẻ thích vận động theo nhạc và hát, thực hiện được một số động tác đơn giản và chơi trò chơi âm nhạc. Trẻ có thể tự hát, đôi khi trẻ có thể tự nghĩ ra một câu hát để hát theo một giai điệu mà trẻ nhớ được.

e) Trẻ 4 - 6 tuổi

Trẻ ở độ tuổi này thể hiện tính độc lập cao hơn và ham hiểu biết. Trẻ hay đặt câu hỏi, có thể xác định được âm thanh cao - thấp, to - nhỏ, nhận ra được âm sắc (giọng của ai, của bạn nào), phân biệt được tính chất âm nhạc (vui, sôi động, yên tĩnh, êm ả, nhanh hay chậm), trẻ hiểu được yêu cầu thể hiện trong các bài hát và điệu múa, giọng trẻ âm vang, giọng hát khá ổn định.

Khi sự phối hợp thể chất phát triển, trẻ em có thể di chuyển nhiều cách theo các nhịp điệu và giai điệu khác nhau. Việc kiểm soát cao độ và âm sắc cũng được cải thiện, mặc dù rất hiếm khi nghe được toàn bộ bài hát với độ chính xác âm nhạc. Tuy nhiên, đến 5 tuổi, trẻ có thể hát trung bình 10 nốt nhạc và có thể lặp lại các mẫu cao độ do giáo viên cung cấp. Cũng ở độ tuổi 5 tuổi, trẻ có những sở thích âm nhạc nhất định, nhưng những sở thích này có thể được phát triển và thay đổi bởi những người lớn xung quanh chúng. Sở thích chơi các nhạc cụ đơn giản rất cao, và các bản ứng tấu có thể dài, phức tạp và lan man.

2.2. Gợi ý tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non

Qua các quan sát cho thấy rằng trẻ mất hứng thú với ca hát và vận động tự phát nếu những điều này không được khuyến khích ngay từ khi còn nhỏ. Chính điều này cho thấy tầm quan trọng của vai trò của người chăm sóc và giáo viên trong việc mang lại cho trẻ những trải nghiệm âm nhạc. Theo cuốn sách *The early childhood curriculum* được viết bởi Suzanne L.Krogh, Kristine L.Slentz, để trẻ được tham gia các trải nghiệm âm nhạc phù hợp cần quan tâm đến các vấn đề sau:

- Trẻ nhỏ nên được tạo nhiều cơ hội để khám phá âm thanh thông qua ca hát, vận động, nghe và chơi nhạc cụ.

- Tài liệu âm nhạc phải có chất lượng cao nhất, có thể bao gồm các bài hát truyền thống của trẻ em, các bài hát dân gian, nhạc cổ điển và âm nhạc của các nền văn hóa khác.

- Phương pháp giảng dạy nên dựa trên trò chơi - do trẻ lựa chọn và giáo viên hỗ trợ.

- Giáo viên nên cung cấp trải nghiệm cá nhân và thời gian làm việc nhóm.

- Trải nghiệm âm nhạc phải hỗ trợ sự phát triển toàn diện của trẻ - thể chất, cảm xúc, xã hội và nhận thức.

- Giáo dục âm nhạc nên bao gồm ứng tác và sáng tác cũng như hát, chơi nhạc cụ và nghe.

- Chương trình giáo dục cần nhấn mạnh mối quan hệ giữa các môn nghệ thuật cũng như giữa các lĩnh vực ngoại khóa ngoài nghệ thuật.

- Giáo viên nên phát triển các đánh giá hợp lệ và thích hợp.

Một số gợi ý cho các độ tuổi:

- *Trẻ 0 - 1 tuổi:* Hát các bài hát ru, các bài hát dân ca và các bài hát dành cho trẻ em truyền thống trong khi tương tác với trẻ hoặc bế trẻ. Các bài hát mẫu giáo được cất lên, đặc biệt là khi trẻ nhỏ được đung đưa nhẹ nhàng trên đầu gối, mang lại trải nghiệm nhịp điệu. Để trẻ tiếp xúc với âm nhạc đã chọn lọc. Ngay khi trẻ đủ lớn để điều khiển chúng, hãy cung cấp cho trẻ những đồ chơi phát ra âm thanh an toàn.

- *Trẻ 1 - 3 tuổi:* Cung cấp cho trẻ ở độ tuổi này cơ hội để hát ngẫu hứng và dạy chúng một số bài hát đơn giản, gồm những câu hát lặp đi lặp lại nhiều lần để dễ ghi nhớ và bắt chước. Đọc thơ và các bài đồng dao trong khi nẩy hoặc cầm tay trẻ đung đưa. Cung cấp cơ hội để trẻ di chuyển tự do trong khi chơi các loại nhạc khác nhau, cả chậm và nhanh, to hơn và êm ái/nhỏ hơn. Hãy để trẻ khám phá cách sử dụng các nhạc cụ và đồ vật cơ bản tạo ra âm thanh thú vị. Giúp vốn từ vựng về âm nhạc của trẻ phát triển bằng cách mô tả bằng lời những gì trẻ đang làm, chẳng hạn: "Con đã tạo ra âm thanh rất nhỏ", khi trẻ khám phá các nhạc cụ có thể nói: "Cái trống đó tạo ra âm thanh lớn phải không?".

- *Trẻ mẫu giáo:* Tiếp tục thêm vào các bài hát của trẻ em; những mẫu có kiểu lặp lại đặc biệt phổ biến. Trẻ em thích các trò chơi tập thể có kèm theo các bài hát (mặc dù chúng không hiểu các quy tắc cho đến khoảng cuối năm mẫu giáo). Sử dụng bản ghi âm hoặc nhạc cụ đi kèm với các trải nghiệm vận động trong đó trẻ thử các hình thức vận động khác nhau (đi bộ, nhảy, nhún, …) theo nhịp điệu. Sử

dụng ca hát để thu hút sự chú ý của trẻ em, thông báo giờ ăn, kết thúc hoạt động, mô tả những gì chúng đang làm, v.v. Giới thiệu một góc âm nhạc có nhiều loại nhạc cụ để trẻ thử nghiệm.

Cuối tuổi mẫu giáo, tăng cường tổ chức cho trẻ chơi các trò chơi âm nhạc theo nhóm, cung cấp trải nghiệm chuyển động âm nhạc và giao tiếp thông qua ca hát. Với tất cả những điều này, các hoạt động âm nhạc trở lên phức tạp hơn đối với trẻ. Các mẫu lặp đi lặp lại trong bài hát có thể phức tạp hơn, có thể thêm một hoặc hai quy tắc vào trò chơi, âm vang của giai điệu và nhịp điệu có thể lâu hơn hoặc khó hơn, góc âm nhạc có thể bố trí nhiều loại nhạc cụ hơn. Ngoài ra, các nhạc cụ theo phong cách người lớn có thể được giới thiệu qua việc mời các nhạc sĩ đến lớp.

3. Kết luận

Hoạt động âm nhạc gắn liền với mọi hoạt động của trẻ ở trường mầm non. Các hoạt động âm nhạc vừa là phương tiện, nội dung, hình thức, mục đích trong các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ. Hiểu được các đặc điểm và năng lực âm nhạc của trẻ ở từng độ tuổi là điều kiện cần thiết để tổ chức các hoạt động âm nhạc cho trẻ hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017). *Chương trình Giáo dục mầm non*. NXB Giáo dục

2. Phạm Thị Hoà, (2003). *Giáo dục âm nhạc Tập II*. NXB Đại học Sư phạm.

3. Suzanne L.Krogh, Kristine L.Slentz. Lawrence (2001). *The early childhood curriculum*. Erlbaum Associates, Publishers Mahwah, New Jersey London

THỰC TIỄN GIÁO DỤC

♦ ♦ ♦ ♦ ♦

LẬP KẾ HOẠCH CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON

ThS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh
Phòng Khoa học công nghệ - Hợp tác quốc tế
ThS. Nguyễn Văn Dương
Trung tâm Bồi dưỡng kiến thức

Tóm tắt: Việc lập kế hoạch chương trình giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non (GDMN) là nhiệm vụ quan trọng và bắt buộc. Bài viết đề cập đến 2 vấn đề có thể hỗ trợ cán bộ quản lý cơ sở GDMN, giáo viên mầm non trong việc thực hiện nhiệm vụ của họ: Nguyên tắc lập kế hoạch chương trình giáo dục tại các cơ sở GDMN; Các bước lập kế hoạch chương trình giáo dục.

Từ khoá: *Lập kế hoạch giáo dục, giáo dục mầm non, chương trình giáo dục mầm non, kế hoạch giáo dục mầm non.*

1.Đặt vấn đề

Lập kế hoạch chương trình giáo dục là nhiệm vụ thường niên của cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, giáo viên mầm non. Đây là nhiệm vụ quan trọng, nền tảng cho việc triển khai các công việc khác nhau trong thực hiện chương trình GDMN. Việc lập kế hoạch sẽ ảnh hưởng đết kết quả học tập và phát triển của trẻ. Kế hoạch được lập cần đảm bảo những kỳ vọng cho việc học tập và phát triển của trẻ nhỏ, nói cách khác, đảm bảo những gì trẻ nên biết và có thể làm vào cuối mỗi độ tuổi. Giáo viên cần sắp xếp nội dung, các hoạt động, cơ hội để chơi, tìm kiếm, khám phá và giải quyết vấn đề để kết quả phát triển của trẻ đạt được tốt nhất.

2. Nội dung

2.1. Nguyên tắc lập kế hoạch chương trình giáo dục tại các cơ sở GDMN

Trong mỗi giai đoạn phát triển xã hội khác nhau, việc lập kế hoạch chương trình giáo dục cũng cần có những thay đổi cho phù hợp với bối cảnh xã hội đương thời. Để đảm bảo cho sự thay đổi phù hợp, chín nguyên tắc dưới đây sẽ hướng dẫn việc lập kế hoạch chương trình giáo dục hiệu quả tại các cơ sở GDMN.

- Đảm bảo cung cấp cho sự phát triển toàn diện của trẻ về thể chất, tình cảm - kỹ năng xã hội, ngôn ngữ, thẩm mỹ và nhận thức.

- Các nội dung đảm bảo có liên quan đến xã hội, hấp dẫn về mặt trí tuệ và có ý nghĩa cá nhân đối với trẻ em.

- Xây dựng dựa trên "những gì trẻ đã biết và có thể làm", bởi vì điều này vừa *củng cố việc học* của trẻ vừa thúc đẩy việc *tiếp thu kiến thức và kỹ năng mới*.

- Giúp trẻ kết nối có ý nghĩa bằng cách cung cấp phương pháp học tập liên lĩnh vực.

- Phát triển chương trình giáo dục thúc đẩy kiến thức, hiểu biết, quy trình, kỹ năng và khả năng tiếp tục học tập.

- Xây dựng chương trình giáo dục có tính toàn vẹn về trí tuệ và hỗ trợ trẻ sử dụng "các công cụ tìm hiểu về các lĩnh vực đã được công nhận theo những cách mà trẻ nhỏ có thể tiếp cận và đạt được".

- Đảm bảo hỗ trợ ngôn ngữ và văn hóa gia đình của trẻ trong nhóm/lớp, giúp trẻ hiểu và tham gia vào văn hóa của chương trình của lớp và cộng đồng lớn hơn.

- Đảm bảo rằng các mục tiêu của chương trình giáo dục được xây dựng là "thực tế và có thể đạt được đối với hầu hết trẻ em trong độ tuổi cụ thể mà chúng được thiết kế."

- Nếu sử dụng công nghệ, cần chắc chắn rằng nó được "tích hợp về mặt vật chất và triết lý trong chương trình giáo dục chung và giáo dục tại mỗi nhóm/lớp "

Cơ sở của mọi kế hoạch chương trình giáo dục là trẻ em và quyền được phát triển của trẻ trong mọi lĩnh vực - trí tuệ, tình cảm và kỹ năng xã hội, thể chất, ngôn ngữ, thẩm mỹ.

2.2. Các bước lập kế hoạch chương trình giáo dục

Khi lập kế hoạch chương trình giáo dục, các cơ sở GDMN có thể thực hiện theo bốn bước là: (1) tiến hành tự đánh giá, bao gồm kiểm tra các điều kiện, điểm mạnh và hạn chế; (2) hiểu rõ các bên liên quan, trong đó bao gồm cả trẻ em và cha mẹ; (3) thiết kế chương trình giáo dục; (4) thiết lập các cơ chế để xem xét và giám sát chương trình giáo dục. Cách làm này sẽ đảm bảo rằng trẻ em thực sự là trung tâm của quá trình giáo dục, trẻ được hỗ trợ tối đa cho sự học tập và phát triển.

Bốn bước lập kế hoạch có mối tương quan tương hỗ cho nhau. Có thể thấy sự tương quan qua sơ đồ mô phỏng sau:

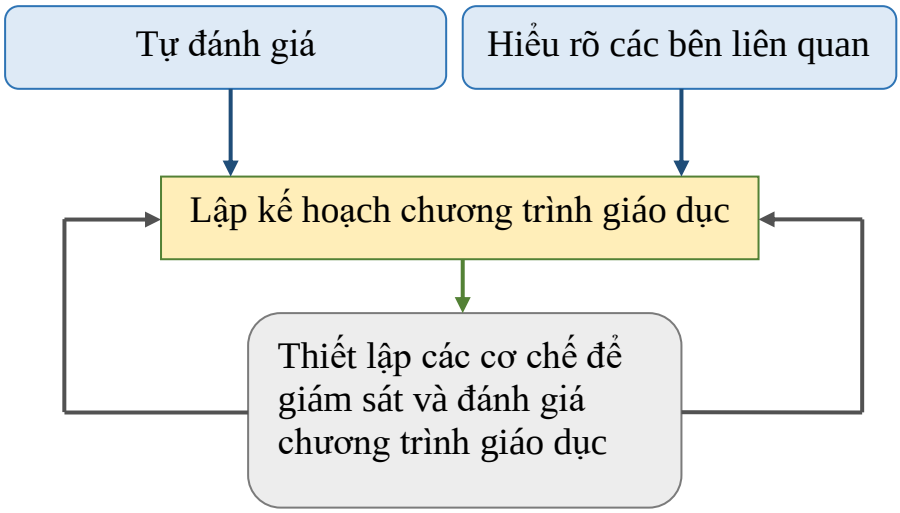

2.2.1. Tự đánh giá

Mỗi cơ sở GDMN có lịch sử riêng và có các nhiệm vụ khác nhau, trình độ giáo viên, cán bộ quản lý và môi trường cộng đồng khác nhau. Họ cần kiểm tra các điều kiện riêng của mình, phân tích các điểm mạnh và hạn chế tại cơ sở GDMN nơi mình công tác. Thông qua quy hoạch có hệ thống, các cơ sở GDMN phát triển chương trình giáo dục của riêng mình để đạt được các mục tiêu quy định. Các cơ sở GDMN có thể tham khảo các mục sau đây để xem xét các vấn đề của riêng mình, xem đâu là điều kiện, điểm mạnh, hạn chế:

- Văn hóa thể chế: bao gồm bối cảnh lịch sử, sứ mệnh, mục tiêu giáo dục, nguyện vọng và niềm tin của đơn vị, quan hệ giữa các cá nhân trong đơn vị, quan hệ với các cơ quan bên ngoài như: quan hệ giữa các giáo viên mầm non, nhân viên; giữa trẻ em với nhau; giữa trẻ em và giáo viên; quan hệ với cha mẹ, các tổ chức và cá nhân bên ngoài, vv

- Cơ cấu hành chính và quản lý: hệ thống hành chính và kế hoạch phát triển được thiết lập theo nhiệm vụ và mục tiêu của đơn vị, bao gồm triển khai các nguồn lực tài chính, con người và các nguồn lực khác, thiết lập các cơ chế đánh giá và quản lý thường xuyên.

- Quản lý đội ngũ giáo viên, nhân viên: bao gồm phát triển và đào tạo giáo viên, nhân viên; phân bổ công việc; thẩm định giáo viên, nhân viên, hệ thống phối

hợp và truyền thông.

- Sử dụng tài nguyên: phân bổ và sử dụng tất cả các nguồn tài nguyên trong và ngoài cơ sở GDMN, bao gồm các tài nguyên như cơ sở vật chất, đồ dùng, học liệu, sách, v.v.; nguồn nhân lực như giáo viên và phụ huynh; tài nguyên cộng đồng như công viên, thư viện công cộng, v.v.

2.2.2. Hiểu rõ các bên liên quan

Sự tăng trưởng, phát triển của trẻ em có liên quan chặt chẽ đến môi trường gia đình của chúng. Để phối hợp hài hòa cuộc sống học đường của trẻ với cuộc sống gia đình, các cơ sở GDMN cần hiểu hoàn cảnh gia đình của trẻ và làm việc chặt chẽ với cha mẹ để áp dụng cách tiếp cận nhất quán trong chăm sóc và giáo dục trẻ. Chương trình giáo dục được thiết kế bởi cơ sở GDMN để phục vụ cho nhu cầu của trẻ em, cũng như có được sự hỗ trợ và sự hợp tác phù hợp từ cha mẹ và gia đình của trẻ.

Các giáo viên mầm non, cán bộ quản lí cơ sở GDMN có thể hiểu trẻ em tốt hơn thông qua các cuộc phỏng vấn (trò chuyện) với cha mẹ của chúng, thông qua quan sát và phân tích các tiếp xúc với trẻ em. Trong suốt quá trình, nhà trường, giáo viên có thể biết nhiều hơn về cấu trúc gia đình của trẻ, vị trí giữa anh chị em, điều kiện sức khỏe, năng khiếu, khí chất và khả năng phát triển (bao gồm trí thông minh, năng lực ngôn ngữ, kỹ năng xã hội, v.v.).

Cha mẹ của trẻ vừa là đối tác chính vừa là nguồn nhân lực của cơ sở GDMN. Thông qua các kênh liên lạc khác nhau như tới thăm nhà, sổ liên lạc, hòm thư điện tử, trao đổi trong giờ đón trẻ/trả trẻ và các hình thức giao tiếp khác, nhà trường, giáo viên có thể thiết lập mối quan hệ chặt chẽ cho sự hợp tác với gia đình trẻ và hiểu được những kỳ vọng của phụ huynh đối với trường, lớp và kỳ vọng giáo dục của cha mẹ đối với con mình.

2.2.3. Thiết kế chương trình giáo dục

a. Lấy trẻ làm trung tâm

Tất cả trẻ em đều có khả năng học tập. Chương trình giáo dục nên được thiết kế theo cách tiếp cận lấy trẻ em làm trung tâm và theo góc nhìn cá nhân của trẻ. Chương trình giáo dục được xây dựng để đáp ứng khả năng, nhu cầu, phong cách, kinh nghiệm và sở thích của trẻ.

- Đáp ứng nhu cầu và khả năng phát triển của trẻ: Khi thiết kế chương trình giáo dục, các giáo viên nên xác định những khoảnh khắc học tập tốt nhất của trẻ để đáp ứng nhu cầu và khả năng phát triển của chúng, đồng thời cung cấp cho chúng không gian rộng rãi để phát triển cân bằng.

- Liên quan đến kinh nghiệm và sở thích của trẻ em: Những kinh nghiệm trước đây của trẻ có ảnh hưởng tích cực trong việc học tập và phát triển hiện tại của chúng. Do đó, việc lập kế hoạch chương trình giáo dục nên dựa trên kinh nghiệm của trẻ và nên liên quan đến môi trường mà chúng sống. Ngoài ra, nội dung của chương trình giáo dục nên là vấn đề được trẻ em quan tâm (xuất phát từ trẻ), để trẻ chủ động và sẵn sàng tích cực trong vai trò học tập.

Trong quá trình phát triển của mình, trẻ có thể có các nhu cầu khác nhau ở các mức độ khác nhau ở các giai đoạn khác nhau. Giáo viên phải đặc biệt chú ý và có thể xác định những nhu cầu và sự khác biệt đó, đưa ra sự chăm sóc, hỗ trợ đặc biệt cho trẻ em.

Theo nghĩa rộng, trẻ em có nhu cầu đặc biệt bao gồm: (i) trẻ em hiếu động/tăng động hoặc hướng nội/trầm cảm; (ii) trẻ em có năng khiếu hoặc trẻ em có thành tích đặc biệt về trí thông minh và khả năng thể chất; (iii) trẻ em hạn chế về nhận thức, vụng về trong hành động, bị khiếm thị hoặc khiếm thính, hoặc khác biệt trong việc đọc, viết. Trẻ em với những đặc điểm này có nhu cầu khác nhau, một số trẻ trong đó đòi hỏi sự chú ý đặc biệt, chương trình giáo dục cần đảm bảo lợi ích cho trẻ em.

b. Toàn diện và cân bằng

- Phục vụ cho sự phát triển toàn diện của trẻ em trong tất cả các khía cạnh nhận thức, ngôn ngữ, thể chất, tình cảm – kỹ năng xã hội và thẩm mỹ: Sự phát triển nhận thức, ngôn ngữ, thể chất, tình cảm – kỹ năng xã hội và thẩm mỹ có mối quan hệ tương tác và đan xen nhau. Do đó, trong quá trình lập kế hoạch chương trình giáo dục, nên cân nhắc đúng mức cho sự phát triển toàn diện của trẻ em, để nhu cầu phát triển cá nhân sẽ được đáp ứng một cách toàn diện và cân bằng.

- Tôn trọng sự đa dạng, tôn trọng và khuyến khích sự tham gia của gia đình.

c. Áp dụng chơi như một chiến lược

Trẻ em thích chơi, điều này cho phép chúng tận hưởng sự tự do và niềm vui khi chia sẻ và làm việc với người khác. Trẻ học hiệu quả trong một bầu không khí dễ chịu. Chơi cũng là một trong những cách học hiệu quả nhất, vì nó cho phép trẻ thể hiện cảm xúc bên trong và khám phá thế giới thực. Do đó, các cơ sở GDMN nên kết hợp các hoạt động chơi vào các lĩnh vực phát triển khác nhau và lập kế hoạch chương trình giáo dục thông qua cách tiếp cận tích hợp.

2.2.4. Thiết lập các cơ chế để giám sát và đánh giá chương trình giáo dục

Những điều chỉnh, thay đổi không thể đoán trước có thể xảy ra khi tổ chức thực hiện chương trình giáo dục, ví dụ, sự thay đổi đột ngột của thời tiết, một sự kiện bất ngờ trong cộng đồng, trẻ bị thu hút bởi một nội dung khác ngoài chương trình giáo dục đã được lập, phản hồi từ phụ huynh, v.v. Trong những trường hợp như vậy, các giáo viên mầm non phải đáp ứng ngay lập tức bằng cách điều chỉnh chương trình giáo dục để đáp ứng nhu cầu của tình huống cụ thể đó, để cung cấp cho trẻ những trải nghiệm học tập phù hợp nhất. Cần xây dựng các biện pháp để thu thập phản hồi từ trẻ em, giáo viên và phụ huynh để giám sát và đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục.

a. Trẻ em

Trong khi tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục, quan sát, thu thập thông tin, lưu giữ hồ sơ, phân tích kết quả hoạt động và phát triển hàng ngày của trẻ. Giáo viên có thể sử dụng danh mục các mục tiêu cần đạt được và những điều cần phát triển hơn nữa, những khó khăn mà trẻ gặp phải và mức độ, thái độ tham gia của trẻ. Chương trình phù hợp với sự phát triển cho phép sự điều chỉnh nội dung, phương pháp dựa trên những đánh giá thường xuyên đối với trẻ, dựa trên những tiêu chí về chuẩn phát triển của trẻ.

b. Giáo viên

Giáo viên cần thường xuyên, liên tục xem xét liệu việc sắp xếp và thực hiện các hoạt động có đáp ứng các mục tiêu giáo dục được thiết lập từ trước hay không; liệu nội dung có đáp ứng nhu cầu của trẻ hay không và liệu các phương pháp tổ chức hoạt động có kích thích sự thích thú, quan tâm học tập không. Giáo viên được khuyến khích trao đổi kinh nghiệm nghề nghiệp với các đồng nghiệp và làm việc như một nhóm để giải quyết các vấn đề gặp phải.

c. Cha mẹ trẻ

Khi cha mẹ tiếp xúc gần gũi với con cái, họ biết rõ những gì trẻ làm ở nhà. Thông tin do cha mẹ của trẻ cung cấp rất hữu ích để giáo viên hiểu rõ hơn về trẻ. Đổi lại, giáo viên có thể thông báo cho cha mẹ của trẻ về cách trẻ em cư xử trong trường thông qua các cuộc trò chuyện và danh mục các thông tin về sự phát triển trong hồ sơ của trẻ, đây cũng là những kênh để giáo viên có được phản hồi của phụ huynh.

3. Kết luận

Lập kế hoạch là việc làm quan trọng để thực hiện chương trình giáo dục mầm non. Kế hoạch giáo dục được xây dựng dựa trên điều kiện thực tiễn của cơ sở GDMN, lấy trẻ làm trung tâm, quan tâm đến lợi ích và các cơ hội phát triển tiềm

năng của trẻ, những điều đó trở thành điều kiện tiên quyết cho sự triển khai hiệu quả của chương trình giáo dục.

Đối với trẻ em lứa tuổi mầm non, việc phân chia các hoạt động theo các lĩnh vực mang tính chất tương đối. Tất cả các lĩnh vực phát triển của trẻ có liên quan và tương tác với nhau, vì thế việc lập kế hoạch chương trình giáo dục cần đảm bảo tính tích hợp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Chương trình Giáo dục mầm non*, NXB Giáo dục

2. National Council of Educational Research and Training (2019), *The preschool Curriculum*, New Delhi

3. Suzanne L.Krogh, Kristine L.Slentz. Lawrence (2001). *The early childhood curriculum*. Erlbaum Associates, Publishers Mahwah, New Jersey London

SỬ DỤNG SÁCH TRUYỆN - MỘT BIỆN PHÁP HỮU ÍCH TRONG HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CÁC BIỂU TƯỢNG TOÁN CHO TRẺ NHỎ

Vũ Thị Thanh Huyền
Nguyễn Thị Mai Linh
Khoa Giáo dục Mầm non

Tóm tắt: Sách tranh không chỉ tạo cơ hội để phát triển khả năng đọc viết, mà còn có thể được sử dụng để thúc đẩy tư duy toán học của trẻ em. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi muốn giới thiệu cách thức để giáo viên mầm non, cha mẹ và người chăm sóc trẻ có thể lựa chọn, sử dụng sách tranh trong hình thành và phát triển các biểu tượng toán cho trẻ tại trường và tại nhà.

Từ khóa: *Sách tranh; biểu tượng toán, đọc viếtt*

1.Đặt vấn đề

Trong thời thơ ấu, trẻ em phát triển các kỹ năng toán học ban đầu bao gồm phân loại mẫu, đếm, nhận dạng số, hiểu khái niệm về các ký hiệu số và từ số, phân biệt hình dạng, định hướng không gian, đo lường... Mỗi kỹ năng cơ bản này đều phức tạp và vô cùng quan trọng đối với sự thành công trong học toán trong tương lai. Vậy trẻ nhỏ học toán như thế nào? Câu trả lời là: Trẻ xây dựng ý tưởng về toán học thông qua việc tham gia vào các hoạt động hàng ngày và thông qua tương tác với những người lớn xung quanh.

Làm thế nào để phát triển các biểu tượng toán cho trẻ một cách tự nhiên và thú vị là điều băn khoăn trăn trở của nhiều phụ huynh và giáo viên mầm non. Đọc sách cùng nhau là một hoạt động giúp trẻ em liên hệ các kiến thức toán học với cuộc sống của chúng. Tuy nhiên, đọc sách cho trẻ nghe đơn thuần không đủ để thúc đẩy sự phát triển và hiểu từ vựng toán học. Cách mà người lớn (cha mẹ và giáo viên) tương tác với trẻ khi đọc sách rất quan trọng. Trẻ cũng cần tham gia tích cực vào việc hỏi và trả lời các câu hỏi cũng như đưa ra các dự đoán hoặc suy luận nếu người lớn muốn tăng cường năng lực tư duy và suy luận toán học cho trẻ.

Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi muốn giới thiệu cho giáo viên mầm non và cha mẹ những cách đọc sách để đưa kiến thức toán học đến với trẻ một cách tự nhiên và thú vị.

2. Nội dung

2.1. Lựa chọn sách

Trên thị trường có rất nhiều sách hay với hình minh họa đẹp, thể loại cũng rất đa dạng, phong phú: sách tranh, truyện ngắn, thơ… Tuy nhiên, khi lựa chọn sách cần chú ý đến cuốn sách mà chúng ta chọn để chia sẻ, vì loại văn bản và thể loại sách được chọn sẽ ảnh hưởng đến phản ứng của trẻ.

Có thể phân loại sách truyện cho trẻ thành 3 dạng cơ bản:

- Các cuốn sách có chứa nội dung toán học rõ ràng, chứa những hình ảnh minh họa giúp ích cho việc khám phá các khái niệm toán học.

- Các cuốn sách nâng cao ý tưởng mà Toán học có thể không phải là khía cạnh trung tâm của cốt truyện nhưng chúng mang lại cơ hội cho trẻ em hiểu sâu hơn về một ý tưởng hoặc khái niệm toán học cụ thể.

- Các cuốn sách mà văn bản, cốt truyện sẽ không thể triển khai nếu không có những hiểu biết nhất định về toán học và sự phát triển nhận thức của trẻ.

Giáo viên và phụ huynh có thể lựa chọn tất cả những cuốn sách kể trên, tuy nhiên với những cuốn sách mà cốt truyện không phải lúc nào cũng chứa nội dung toán học rõ ràng, giáo viên và phụ huynh có thể xem xét nội dung các phần của câu chuyện có liên quan như thế nào đến toán, bởi toán học, nói một cách đơn giản là xử lý một chủ đề hoặc vấn đề bằng các thuật ngữ toán học. Nói cách khác, đó là quá trình xem và thể hiện một sự kiện, vấn đề hoặc mối quan hệ thông qua lăng kính toán học.

2.2. Tương tác khi đọc sách

Hiệu quả của việc sử dụng sách truyện trong phát triển các biểu tượng toán cho trẻ phụ thuộc rất nhiều vào cách mà giáo viên/phụ huynh đọc và tương tác với trẻ. Vậy làm thế nào để việc đọc và tương tác đạt hiệu quả cao?

Thứ nhất, khi đọc, người lớn cần chú ý đến việc xác định giọng đọc/kể với từng tác phẩm, chú ý đến sự biểu cảm trong giọng đọc/kể. Sự tương tác ấm áp, tình cảm của người lớn với trẻ sẽ góp phần giúp người đọc cảm thấy yêu sách hơn có động lực để đọc, còn trẻ sẽ hứng thú với mỗi giờ đọc/kể, từ đó hình thành tình yêu với sách và khám phá các kiến thức toán học trong sách cũng như trong cuộc sống.

Thứ hai, khi đọc sách cùng trẻ, giáo viên cần chú ý đến những vấn đề sau:

- Thể hiện sự nồng nhiệt và nhạy cảm với các tín hiệu và sở thích của trẻ, ví dụ, cùng chú ý đến nơi trẻ đang chỉ.

- Giáo viên sử dụng các chiến lược để tăng sự thích thú của trẻ em: ví dụ thay đổi giọng điệu, thêm vào đó những bình luận; thể hiện bằng nụ cười…

- Chỉ vào các hình ảnh, nhãn dán, đặt câu hỏi và cung cấp thông tin bổ sung vượt ra khỏi nội dung câu chuyện để thu hút sự chú ý của trẻ đến các kiến thức toán mà chúng ta muốn trẻ biết.

Nội dung tương tác với trẻ bao gồm:

- Nhận xét và câu hỏi liên quan đến bản in, hình ảnh trong sách truyện;
- Nhận xét và câu hỏi liên quan đến nội dung sách truyện;
- Khen ngợi và phản hồi.

Ví dụ: Với truyện: The very hungry catterpillar

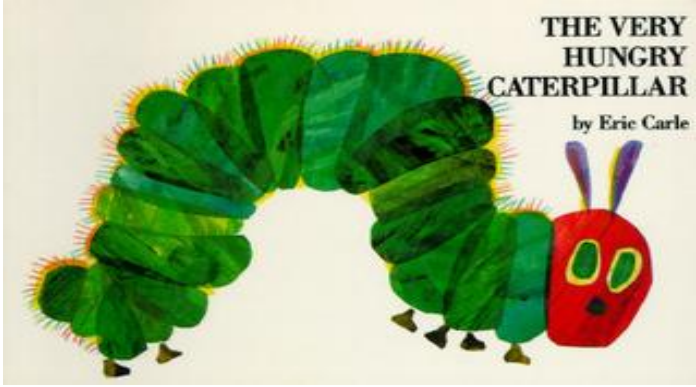

- Giáo viên/phụ huynh có thể hỏi trẻ như là: Con gì đây/ Đây là con gì/Con biết con gì đây không/Con nhìn thấy con gì?

+ Đây là quả gì? Còn thấy những loại quả nào?...

Câu chuyện hôm nay cô/mẹ kể/đọc kể về một chú sâu đói vô cùng háu ăn, chúng mình cùng xem chú sâu háu ăn đã ăn những gì nhé…

- Câu hỏi và nhận xét liên quan đến nội dung truyện: Ngày thứ 2, chú sâu tìm thấy và ăn quả gì? Chú đã ăn mấy quả táo?

- Ngày chú sâu ăn quả cam là ngày thứ mấy trong tuần? …

- Khen ngợi và phản hồi: Khi trẻ trả lời đúng, người đọc/kể nên khích lệ và khen ngợi trẻ, điều đó giúp tăng thêm hứng thú của trẻ. Thậm chí có thể hỏi thêm các nội dung nâng cao hoặc cho trẻ dự đoán nội dung tiếp theo để phát triển tư duy cho trẻ.

Ví dụ: Ngày thứ bảy, chú sâu đói đã ăn những thức ăn gì? Đó có phải là những thức ăn dành cho sâu không? Theo con, nếu ăn quá nhiều thứ như vậy thì điều gì sẽ xảy ra?...

Tuy nhiên cũng cần lưu ý các câu hỏi của giáo viên và phụ huynh phải căn cứ trên trình độ nhận thức và hiểu biết của trẻ để lựa chọn câu hỏi, cách đặt câu hỏi và tương tác với trẻ.

2.3. Mở rộng cách sử dụng sách truyện để tăng cường các kiến thức, kĩ năng toán học cho trẻ sau khi đọc/kể.

Sau quãng thời gian đọc sách chung cùng với trẻ, giáo viên và phụ huynh cần cho trẻ em thời gian và không gian để xử lý nội dung câu chuyện, phát triển các công cụ để hiểu nội dung theo cách riêng của chúng hoặc trải nghiệm nó theo một cách mới có thể củng cố sự hiểu biết hoặc mang lại cái nhìn mới. Dưới đây là một số ý tưởng về cách mở rộng kinh nghiệm toán học ngoài thời gian đọc được chia sẻ.

- Kể lại hoặc kịch hóa câu chuyện bằng đạo cụ hoặc thao tác: Diễn xuất câu chuyện với bạn bè và đạo cụ/thao tác giúp làm cho các ý tưởng trừu tượng và các mối quan hệ trở nên cụ thể hơn với trẻ.

Ví dụ với bộ truyện: "Ai ở sau lưng bạn thế?". Giáo viên chuẩn bị cho trẻ mô hình các con vật và các đạo cụ cần thiết để trẻ tự sắp xếp các con vật theo đúng vị trí của chúng được mô tả/sắp đặt trong chuyện, sau đó tự kể lại câu chuyện bằng ngôn ngữ của mình. Trong quá trình đó, trẻ sẽ học cách diễn đạt các từ chỉ vị trí và mối quan hệ vị trí của các vật trong không gian.

- Đọc thêm các cuốn sách khác cùng chủ đề: Ví dụ bộ truyện "Ai ở sau lưng bạn thế?" có rất nhiều phiên bản khác nhau, trẻ có thể tìm thấy sự phong phú của thế giới động vật và mối quan hệ toán học chứa đựng trong truyện.

- Thiết kế và tổ chức trò chơi học tập/sáng tạo dựa vào nội dung truyện

Ví dụ: Từ sa bàn sắp xếp mô hình các con vật trong truyện "Ai ở sau lưng bạn thế?", trẻ có thể chơi trò chơi: Con mắt thám tử/Mắt ai tinh/Con vật bí ẩn… Cách chơi: Trẻ dùng một ống nhòm (giả vờ) nhìn vào một con vật nào đó và nói: "Tôi đang nhìn con vật mà phía trước nó là những con hồng hạc và phía sau nó là hươu cao cổ, đố bạn đó là con gì?", các trẻ khác nói tên con vật mà bạn mình nhìn và giải thích. Với những trẻ chưa quen mô tả thì giáo viên/phụ huynh sẽ là người mô tả và trẻ trả lời, dần dần hướng dẫn trẻ mô tả và sử dụng các thuật ngữ/khái niệm toán học trong lời mô tả của mình.

- Cho trẻ viết/vẽ/sáng tạo câu chuyện của riêng mình: khi đó trẻ sẽ sử dụng các kiến thức liên quan đến toán như hình dạng, chữ số, không gian để diễn đạt câu chuyện của mình.

Ví dụ: Trẻ vẽ bức tranh mô tả mẹ của mình đang đi xe đạp, bên đường có một cái cây, phía trên có mặt trời và những đám mây. Chiếc xe đạp có hai bánh hình tròn, phía trước xe có giỏ xe, trong giỏ xe là một chú mèo nhỏ xinh xắn…Trẻ vẽ rồi mô tả lại bức tranh đó.

2.4. Giới thiệu một số cuốn sách truyện có thể sử dụng để phát triển các biểu tượng toán cho trẻ.

2.4.1. Biểu tượng số đếm

"Mỗi quả cam có 8 miếng" của Paul Giganti. Cuốn sách cung cấp cho trẻ những kiến thức về các cách đếm khác nhau: Đếm từng đối tượng đơn lẻ giống nhau, đếm theo hàng ngang, đếm theo hình mẫu, đếm cách 2, đếm cách 3… Phát triển khả năng suy luận, giải quyết vấn đề cho trẻ. Giáo viên căn cứ vào mức độ nhận thức của trẻ để lựa chọn các câu hỏi phù hợp với trẻ.

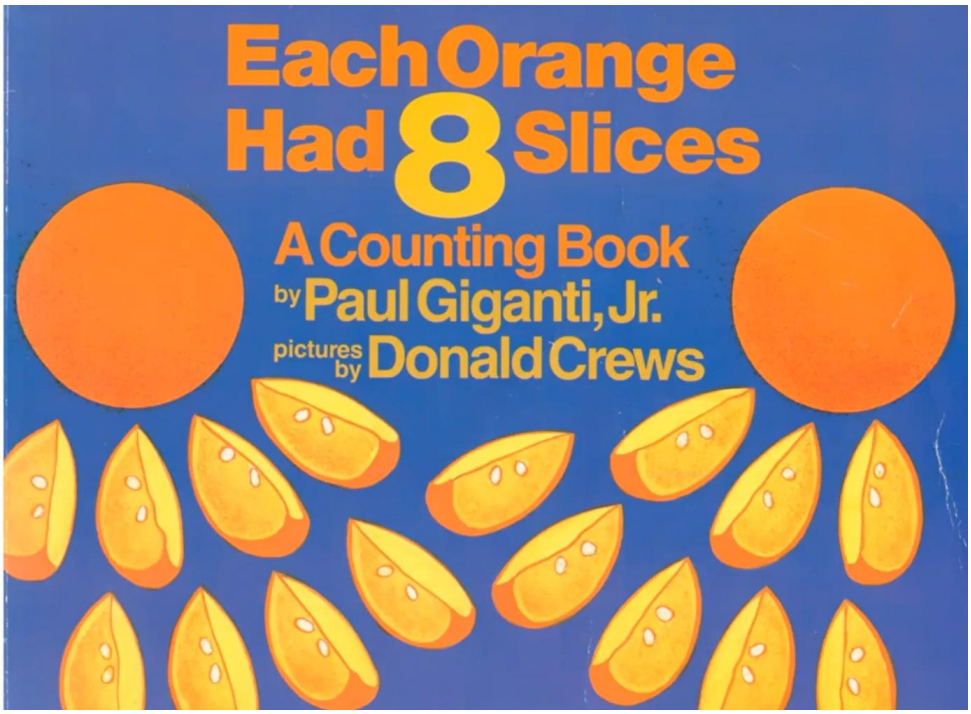

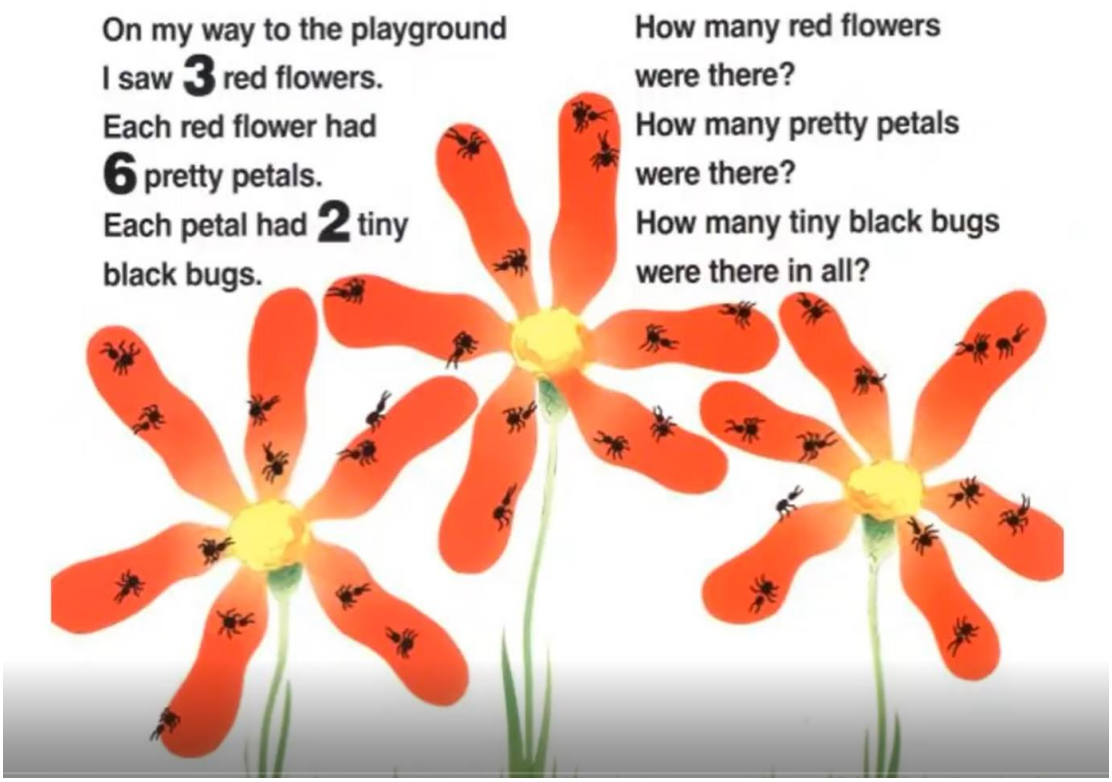
On my way to the playground
I saw 3 red flowers.
Each red flower had
6 pretty petals.
Each petal had 2 tiny
black bugs.
How many red flowers
were there?
How many pretty petals
were there?
How many tiny black bugs
were there in all?

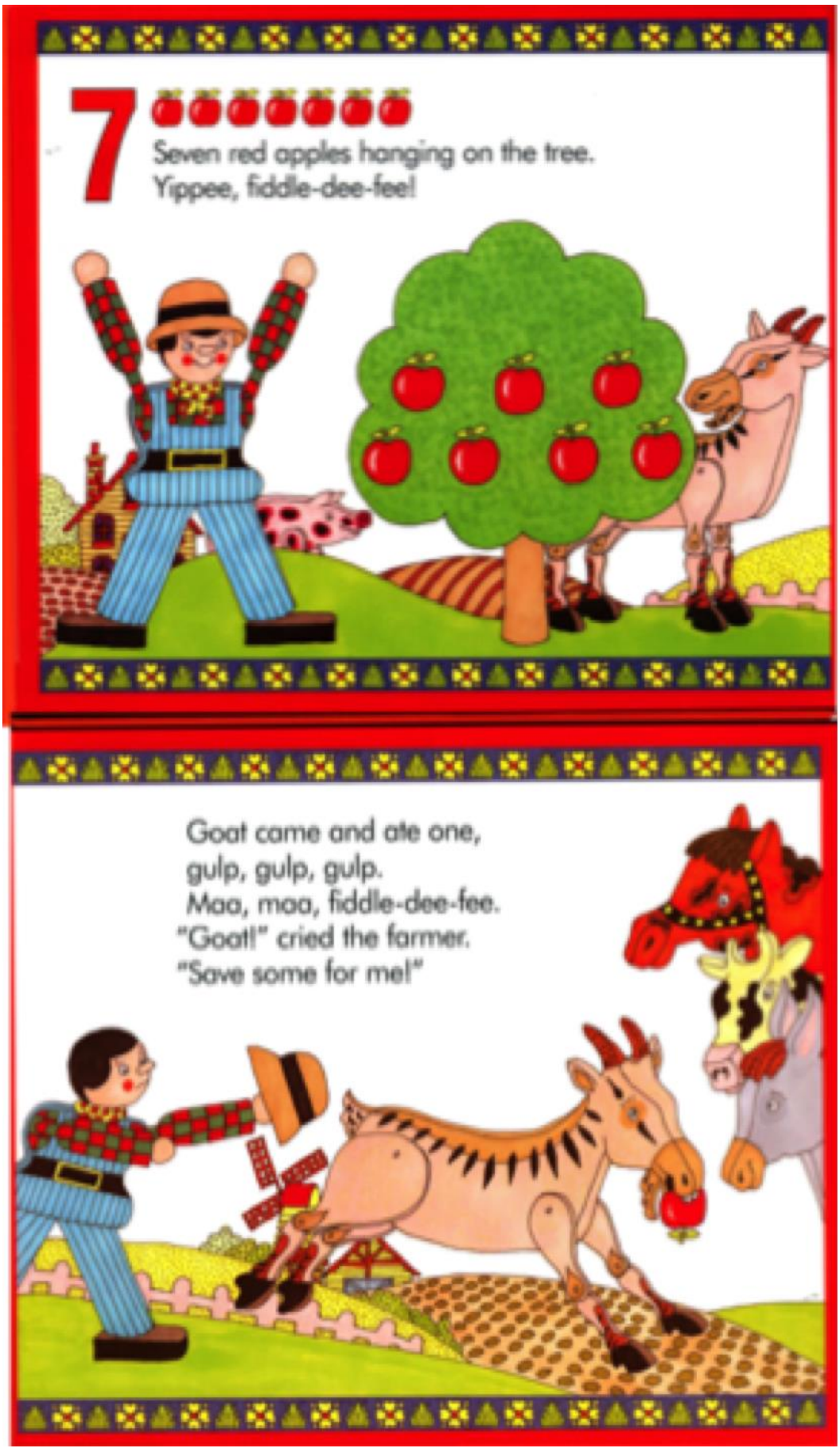

Bản quyền © 2000 bởi Pat Hutchin

Với cuốn sách: *Mười quả táo đỏ* của Pat Hutchins, giáo viên có thể sử dụng câu hỏi ở cả mức độ dễ và mức độ khó để phát triển tư duy toán học cho trẻ:

- Câu hỏi ở mức độ dễ: Yêu cầu trẻ miêu tả khung cảnh để tìm ra bao nhiêu từ liên quan mà chúng sử dụng một cách tự nhiên.

+ Điều gì đang xảy ra trên trang sách này?

Yêu cầu trẻ gọi tên số lượng đồ vật trong hình minh họa

+ Có bao nhiêu quả táo trên cây? Con hãy đếm số lượng động vật trong tranh.

Yêu cầu trẻ xác định vị trí và đếm bảy quả táo.

+ Cô thấy bảy quả táo. Con có thể chỉ vào bảy quả táo? Nếu trẻ khó đếm chính xác số quả táo, giáo viên/cha mẹ có thể hướng dẫn bằng cách đếm cùng với trẻ. Hãy thử lại lần nữa. Cùng cô/mẹ đếm khi cô/mẹ chỉ vào từng quả táo: một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy. Có bảy quả táo!

- Câu hỏi ở mức độ khó hơn: Yêu cầu trẻ dự đoán điều gì sẽ xảy ra nếu thực hiện phép trừ.

+ Ồ không, Dê chỉ ăn một quả táo thôi! Có bảy quả táo. Còn lại bao nhiêu?

+ Nếu bác nông dân ăn mất một quả táo khác, thì bao nhiêu quả sẽ còn lại?

Yêu cầu trẻ đưa ra dự đoán về điều gì sẽ xảy ra nếu bạn thêm vào.

+ Người nông dân có bảy quả táo. Điều gì sẽ xảy ra nếu anh ta tìm thấy một cây khác có hai quả táo? Bác nông dân sẽ có tổng cộng bao nhiêu quả táo?

Yêu cầu trẻ ghép hoặc tách ra số quả táo.

+ Người nông dân có bảy quả táo. Có bao nhiêu cái ở hàng dưới cùng? Có bao nhiêu cái ở hàng trên cùng?

+ Bốn và ba tạo thành bảy. Bạn có thể nghĩ ra một cách khác để tạo ra bảy?

Yêu cầu trẻ suy luận về các con số.

+ Con dê có một quả táo. Nếu mỗi bạn thú của mình cũng muốn có một quả táo thì Dê sẽ cần thêm bao nhiêu quả táo nữa?

Bạn có thể trả lời câu trả lời của trẻ cho bất kỳ câu hỏi nào trong số này bằng cách hỏi: Làm sao con biết? Tại sao con nói rằng? Tại sao con lại dự đoán như vậy?

2.4.2. Biểu tượng hình dạng

Cuốn sách không hề có bất cứ từ ngữ nào, người đọc hoàn toàn có thể dựa vào hình ảnh để gợi ý cho trẻ những ý tưởng về sử dụng các hình khối để chắp ghép, sáng tạo ra những hình mới. Trẻ không chỉ học về hình dạng mà cả số đếm và định hướng trong không gian.

2.4.3. Biểu tượng không gian

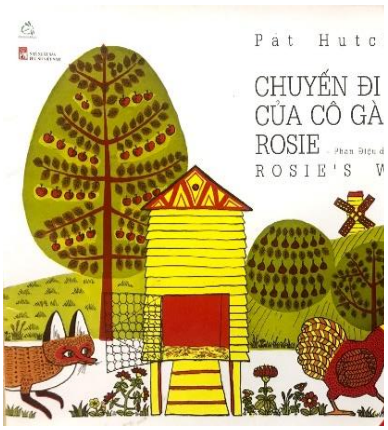

Câu chuyện kể về một cô gà mái rời chuồng lên đường đi dạo, theo sau là một con cáo ranh mãnh, luôn rình rập bắt cô, nhưng chuyến đi vẫn diễn ra bình thường, cô gà mái đã trở về chuồng an toàn mà không hề hay biết về âm mưu và nỗ lực của cáo.

Trẻ có thể khám phá nhiều hơn về các khái niệm trong không gian, hình dạng, số đếm.

2.4.4. Biểu tượng thời gian

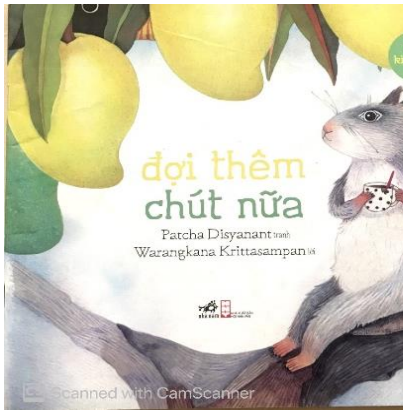

Tương tự như câu chuyện "Chú sâu háu ăn", truyện kể về một chú sóc bông muốn ăn một quả xoài chín mọng, ngon lành. Chú đã kiên nhẫn đợi ngày qua ngày, từ thứ hai đến chủ nhật…và cuối cùng đã được nếm quả xoài ngon nhất như ý muốn. Câu chuyện giúp trẻ phân biệt các thứ trong tuần, rèn tính kiên trì, nhẫn nại…

2.4.5. Biểu tượng kích thước

Sách giúp trẻ tìm hiểu về loài hoa bồ công anh: Sự phát triển của hoa bồ công anh; các đặc điểm của hoa, trẻ có thể khám phá về số lượng, so sánh kích thước và đo lường (đo chiều dài của rễ cây)… Một cuốn sách rất hay và ý nghĩa đối với trẻ.

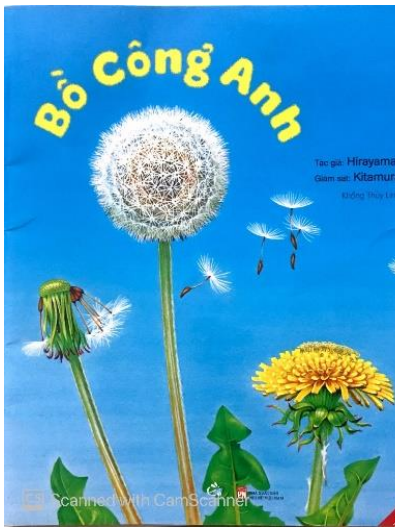

2.4.6. Sắp xếp theo qui tắc

Cuốn sách sau đây giúp trẻ khám phá ra các mẫu trong tự nhiên, phát triển khả năng quan sát, suy luận cho trẻ.

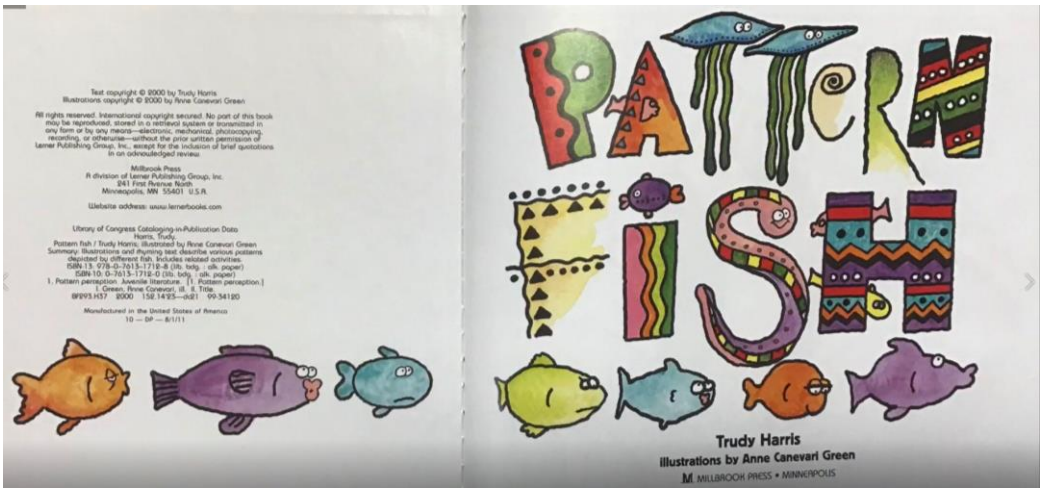

Hay cuốn Mr. Noisy's Book of Patterns: Giúp trẻ khám phá các qui tắc trong cuộc sống hàng ngày: câu chào, tiếng bước chân đi, nhịp điệu của bài hát…

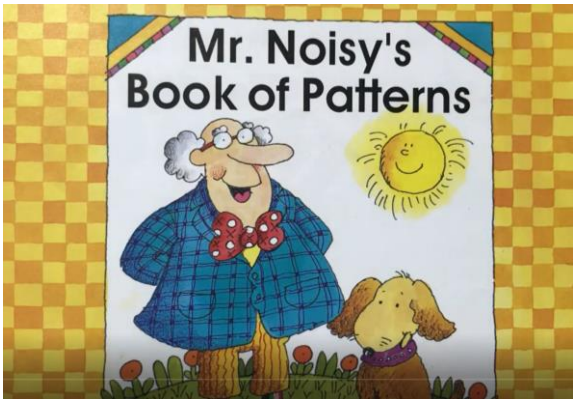

3. Kết luận

Khám phá thế giới qua sách là một trải nghiệm thú vị dành cho trẻ, đặc biệt hơn nếu việc khám phá được dẫn dắt bởi người lớn (cha mẹ, giáo viên) sẽ giúp phát triển ở trẻ tình yêu với sách, tìm hiểu các khái niệm toán học, học cách vận dụng chúng trong cuộc sống của trẻ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Thị Thanh Huyền - Vũ Thị Hồng Hạnh (2018). *Giáo trình Phương pháp hình thành các biểu tượng toán cho trẻ mầm non*. NXB Giáo dục Việt Nam.

2. https://www.readingrockets.org/article/how-choose-read-aloud-books-babies-third-graders

3.https://www.communityplaythings.com/resources?topic=Projects-and-Activities

4. https://www.learningtrajectories.org/documents/1607446164141.pdf

5. http://prek-math-te.stanford.edu/overview/how-use-picture-books

6.https://dreme.stanford.edu/projects/early-math-resources-teacher-educators

TRÒ CHƠI ÂM NHẠC CHO TRẺ MẪU GIÁO

ThS. Trần Thị Thu
Khoa Nghệ thuật

Tóm tắt: Trò chơi âm nhạc (TCAN) là hoạt động âm nhạc được tổ chức thường xuyên trong trường mầm non. Đây là hoạt động âm nhạc tương đối tổng hợp, ở đó trẻ mầm non được vận dụng và thể hiện các kỹ năng âm nhạc như: kỹ năng nghe nhạc, ca hát và vận động theo nhạc. Trong chương trình giáo dục mầm non, hoạt động TCAN không những mang đến cho trẻ niềm vui trong giờ học nhạc mà còn giúp trẻ cảm thụ được tính chất, nội dung và ý nghĩa của bài hát, từ đó phát triển năng lực cảm thụ âm nhạc cho trẻ, góp phần hình thành nhân cách tốt đẹp của trẻ trong cuộc sống. Do vậy, khi tổ chức các hoạt động âm nhạc, giáo viên mầm non cần lưu ý một số điều trong lựa chọn TCAN sao cho phù hợp với độ tuổi, từ đó phát huy được khả năng âm nhạc của trẻ cũng như mang đến sự thoải mái hồn nhiên, vui tươi của cô và trẻ trong các hoạt động âm nhạc ở trường mầm non.

Từ khoá: *Trò chơi, hoạt động, âm nhạc, cảm thụ, trẻ mẫu giáo*

1. Đặt vấn đề

Trong trường mầm non, hoạt động âm nhạc có vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển thẩm mĩ, tình cảm xã hội, nhận thức, thể chất và ngôn ngữ cho trẻ. Nội dung hoạt động âm nhạc rất phong phú như nghe nhạc, ca hát, vận động theo nhạc và trò chơi âm nhạc. Trong các hoạt động âm nhạc, trẻ mầm non rất hứng thú với các trò chơi âm nhạc (TCAN) mà giáo viên tổ chức.

Thực tế đã có một vài tài liệu TCAN như: *Trò chơi âm nhạc cho trẻ mầm non* của Hoàng Văn, Nxb Giáo dục Việt Nam (2011); *Bé đến với âm nhạc qua trò chơi* của Lý Thu Hiền, Nxb Giáo dục Việt Nam (2012). Đây là nguồn tài liệu và giáo trình tốt để giáo viên tham khảo, lựa chọn TCAN để tổ chức cho trẻ trong các hoạt động âm nhạc diễn ra ở trường mầm non.

Tuy nhiên các tài liệu trên, tác giả không chỉ rõ đối tượng chơi TCAN, chưa làm rõ trẻ mẫu giáo chơi những loại TCAN nào là phù hợp với độ tuổi. Do vậy, giáo viên còn gặp khó khăn trong lựa chọn TCAN cho trẻ, từ đó làm giảm đi hứng thú của trẻ trong giờ học nhạc và gây nên sự nhàm chán ở cô và trẻ trong lớp.

Với mong muốn hỗ trợ giáo viên mầm non có thêm kỹ năng tổ chức tốt giờ học âm nhạc, tôi đưa ra một vài phương án gợi ý, để giáo viên mầm non tự tin lựa

chọn TCAN phù hợp với từng độ tuổi của trẻ, góp phần tháo gỡ băn khoăn của các cô trong tổ chức hoạt động âm nhạc ở trường mầm non.

2. Nội dung

2.1. Một số vấn đề chung về trò chơi âm nhạc cho trẻ mẫu giáo

2.1.1. Trò chơi âm nhạc

Mỗi loại trò chơi trò chơi đối với trẻ có mục đích giáo dục và yêu cầu riêng, và trò chơi âm nhạc cũng vậy. Đã có rất nhiều tác giả nói về trò chơi âm nhạc thông qua các nghiên cứu của mình như Ngô Thị Nam, Phạm Thị Hòa… Tác giả Ngô Thị Nam trong cuốn *Âm nhạc và phương pháp giáo dục âm nhạc tập 2*, cho rằng: *trò chơi âm nhạc là hình thức hoạt động sáng tạo, tích cực nhất, nhắm đến sự thể hiện nội dung cảm xúc âm nhạc, dưới các dạng vận động…Đặc trưng cơ bản nhất của trò chơi âm nhạc là âm nhạc quyết định nội dung và tính chất các hoạt động*". [3, tr131]

Qua những nghiên cứu trên, chúng tôi hướng tới quan niệm: TCAN *là dạng hoạt động âm nhạc tương đối tổng hợp, mà ở đó người chơi được vận dụng và thể hiện các kĩ năng âm nhạc của mình như nghe nhạc, ca hát và vận động theo nhạc*. Mỗi TCAN đều có luật chơi và yêu cần riêng phù hợp với từng đối tượng trẻ MN, để người tham gia thể hiện được khả năng âm nhạc cũng như tìm thấy niềm vui trong khi chơi.

2.1.2. Trẻ mẫu giáo

Theo Phạm Thị Châu và nhóm tác giả, trong giáo trình *Giáo dục học mầm non,* Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội (2006) đã trình bày các loại hình giáo dục mầm non, trong đó chỉ rõ các nhóm tuổi và các độ tuổi khác nhau khi trẻ đến trường. Tác giả cũng đưa ra cách gọi về trẻ mẫu giáo với ba độ tuổi căn cứ theo tháng sinh thực tế của trẻ. Như vậy, *trẻ mẫu giáo là cách gọi về trẻ nhỏ trong độ tuổi đến trường mầm non, được chia thành 3 độ tuổi tuổi là: mẫu giáo bé từ 36 đến 48 tháng; mẫu giáo nhỡ là 48 đến 60 tháng; mẫu giáo lớn từ 60 đến 72 tháng.[1, tr.31]*

2.1.3. Vai trò của trò chơi âm nhạc trong trường mầm non

TCAN không những đáp ứng được nhu cầu tâm lí của trẻ mà còn củng cố các kiến thức và kĩ năng âm nhạc. Hình thức chơi thoải mái không gò ép đã giúp trẻ giải phóng năng lượng xấu trong cơ thể, tạo điều kiện thuận lợi để trẻ phát triển về tình cảm và thể chất. Trẻ tham gia vào trò chơi với tinh thần thoải mái, tự do, hưởng ứng tích cực với cô giáo và các bạn.

TCAN còn là phương tiện giáo dục hiệu quả đối với trẻ. Khi chơi cùng nhau, trẻ thường phải thỏa thuận và giúp đỡ nhau trong trò chơi đã giúp trẻ xóa đi sự e ngại nhút nhát ban đầu, trẻ làm quen với nhau nhanh hơn và xây dựng được hình ảnh bạn tốt. TCAN giúp trẻ mầm non dễ hòa nhập, gây được tình cảm thân thiện, là điều kiện tốt để trẻ phát triển giao tiếp và sự mạnh dạn tự tin. TCAN còn giúp trẻ bộc lộ được suy nghĩ, bày tỏ quan điểm của mình để người lớn thấu hiểu và tôn trọng trẻ, còn giúp giáo viên điều chỉnh phương pháp giáo dục, gần gũi và yêu thương trẻ.

Trong trò chơi, trẻ luôn có nhu cầu đánh giá bản thân và người khác, đã tham gia chơi thì phải có sự cạnh tranh, chính điều này đã khiến cho trẻ luôn cố gắng và mong muốn tự khẳng định mình, muốn thể hiện những kiến thức âm nhạc đã học. TCAN còn là một hình thức tổ chức giáo dục âm nhạc hấp dẫn để rèn luyện và củng cố những kiến thức và kĩ năng âm nhạc cho trẻ, giúp trẻ thích nghe nhạc, thích hát, phát triển ở trẻ tai nghe âm nhạc, trí nhớ âm nhạc và cảm giác về nhịp điệu. Qua trò chơi âm nhạc, trẻ còn cảm thụ được nội dung, tính chất và ý nghĩa giáo dục của bài hát, từ đó giúp trẻ thêm yêu thích âm nhạc và phát triển năng khiếu nghệ thuật.

TCAN đã khẳng định được vai trò quan trọng của mình trong chương trình giáo dục âm nhạc ở trường mầm non. Nó không chỉ thỏa mãn nhu cầu vui chơi của trẻ mà còn thực hiện được mục tiêu giáo dục đối với trẻ. Chính vì lẽ đó mà giáo viên mầm non cần nắm vững một vài gợi ý để giúp các cô có thêm kỹ năng lựa chọn TCAN phù hợp với từng độ tuổi, nhằm mang lại hứng thú và hiệu quả trong giờ học âm nhạc.

2.2. Các dạng trò chơi âm nhạc phổ biến đối với trẻ mẫu giáo

TCAN là dạng trò chơi đặc biệt, khác với các trò chơi thông thường khác vì ở đó yếu tố âm nhạc được đặt lên hàng đầu. Mục tiêu đạt được khi trẻ chơi là hướng đến việc củng cố và phát triển tai nghe âm nhạc, phát triển giọng hát và khả năng vận động theo nhạc từ đó hình thành cảm xúc hứng thú sáng tạo trong nghệ thuật âm nhạc. Trẻ mẫu giáo thường chơi những dạng TCAN hướng đến giúp trẻ bộc lộ cảm xúc và củng cố những hiểu biết và kĩ năng âm nhạc, kích thích trẻ sáng tạo trong âm nhạc.

2.2.1. Loại trò chơi cảm thụ tính chất bài hát

Đây là loại trò chơi mà ở đó trẻ được lắng nghe một số thể loại đặc trưng của âm nhạc và giúp trẻ thể hiện tự nhiên cảm xúc của mình đối với tính chất âm nhạc bằng ngôn ngữ hình thể.

- *Dạng trò chơi cảm thụ tính chất trữ tình của bài hát*. Đây là dạng TC giúp trẻ cảm nhận nét giai điệu nhẹ nhàng, uyển chuyển, trong sáng, dàn trải, phóng khoáng rất đặc trưng của bài hát có tính chất trữ tình, đồng thời giúp trẻ thể hiện được cảm xúc đối với giai điệu êm đềm bình ổn của bài hát.

- *Dạng trò chơi cảm thụ tính chất vui hoạt của bài hát*. Đây là dạng TC giúp trẻ cảm nhận được nhịp độ nhanh, tiết tấu sôi động náo nhiệt, rộn ràng đặc trưng của bài hát có tính chất vui hoạt, bên cạnh đó còn giúp trẻ thể hiện được cảm xúc đối với giai điệu vui tươi, linh hoạt, dí dỏm của bài hát.

- *Dạng trò chơi cảm thụ tính chất hành khúc của bài hát*. Đây là dạng TC giúp trẻ cảm nhận được tiết tấu mô phỏng bước hành quân đều đặn, liên tục rất đặc trưng của bài hát có tính chất hành khúc, bên cạnh đó còn giúp trẻ thể hiện được cảm xúc đối với giai điệu mạnh mẽ hào hùng thôi thúc của bài hát.

2.2.2 Loại trò chơi củng cố hoạt động âm nhạc

Đây là loại trò chơi mà trẻ được thoải mái thể hiện các kĩ năng âm nhạc của mình theo yêu cầu của trò chơi. Trẻ có thể hát, vận động và múa minh họa theo giai điệu và tính chất âm nhạc.

- *Dạng trò chơi với đường nét giai điệu:* Đây là dạng trò chơi giúp trẻ cảm nhận được nét giai điệu theo nhiều hướng khác nhau, phân biệt được đường nét giai điệu đi lên đi xuống hoặc đi ngang, giúp trẻ nhận biết được đường nét giai điệu và hướng đi của giai điệu.

- *Dạng trò chơi với âm hình tiết tấu:* Đây là dạng trò chơi âm nhạc củng cố cho trẻ các dạng tiết tấu khác nhau của bài hát; ôn lại cho trẻ kĩ năng gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu của bài hát và thể hiện cảm xúc của mình với các âm hình tiết tấu bằng cách sử dụng dụng cụ gõ đệm để thể hiện các âm hình tiết tấu phù hợp với bài hát.

- *Dạng trò chơi kết hợp vận động theo nhạc*: Đây là dạng trò chơi âm nhạc củng cố ở trẻ khả năng vận động theo nhạc; trẻ hát và thể hiện cảm xúc của mình bằng động tác minh họa; hoặc bằng cử chỉ điệu bộ, ánh mắt nét mặt phù hợp với lời ca, nội dung bài hát.

2.2.3. Loại trò chơi giúp trẻ sáng tạo âm nhạc

Đây là loại trò chơi phát huy ở trẻ khả năng sáng tạo với âm nhạc: Trẻ đóng vai làm ca sĩ, khán giả, nhạc công, con vật yêu thích, trẻ thêm bớt ca từ trong bài hát, trẻ thể hiện cử chỉ, ánh mắt, ngữ điệu giọng, sự biểu cảm của cơ thể phù hợp với nhân vật và nội dung của bài hát

- *Dạng trò chơi sáng tạo lời ca*. Ở dạng trò chơi này, trẻ sẽ nghe bài hát, ghi nhớ lời ca và tự thêm, bớt hoặc thay thế một số từ mà trẻ thích.

- *Dạng trò chơi sáng tạo nhịp điệu âm nhạc*. Khi chơi trò chơi này, trẻ vừa hát bài hát quen thuộc vừa sử dụng dụng cụ gõ đệm và tự thống nhất lựa chọn cách gõ đệm theo nhịp, theo phách hoặc theo tiết tấu riêng biệt mà không có sự nhầm lẫn với nhau.

Với mỗi dạng TCAN, giáo viên có thể tham khảo và căn cứ vào từng độ tuổi của trẻ mẫu giáo mà lựa chọn trò chơi âm nhạc sao cho phù hợp.

2.3. Gợi ý lựa chọn trò chơi âm nhạc cho trẻ mẫu giáo

Khi lựa chọn TCAN, nên kết hợp hài hòa nhiều yếu tố, trong đó phải kể đến việc kế thừa có chọn lọc những kết quả nghiên cứu về trò chơi. Tập trung vào những vấn đề sau: Bám sát yêu cầu của chương trình giáo dục âm nhạc ở trường mầm non; Đặc điểm khả năng âm nhạc của trẻ; Tính âm nhạc trong trò chơi; Tính giải trí trong trò chơi và kết hợp phương tiện chơi trò chơi âm nhạc.

2.3.1. Bám sát chương trình giáo dục âm nhạc ở trường mầm non

Để lựa chọn được trò chơi âm nhạc phù hợp vơi từng độ tuổi của trẻ mẫu giáo thì việc đầu tiên là bám sát chương trình giáo dục âm nhạc trong trường MN. Tức là TCAN sẽ giúp trẻ cảm nhận và thể hiện được cảm xúc của mình trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống; bước đầu giúp trẻ có kiến thức và một số kĩ năng hoạt động âm nhạc cũng như thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động âm nhạc.

Không nên lựa chọn hoặc xây dựng TCAN một cách tùy tiện, ngẫu hứng mà phải đảm bảo được mục đích và yêu cầu giáo dục trong đó. Tức là, khi chơi TCAN, trẻ phải thể hiện sự hứng thú, vui vẻ, thoải mái; Trẻ nhớ tên trò chơi, cách chơi và luật chơi; Trẻ biết chơi TCAN, biết thể hiện những hiểu biết và kĩ năng âm nhạc trong trò chơi và có thể sáng tạo một số kĩ năng âm nhạc theo ý thích của trẻ. Trò chơi âm nhạc nên phù hợp với lượng kiến thức âm nhạc mà trẻ đã tích lũy được qua các giờ học âm nhạc, phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, của lớp học; TCAN còn đảm bảo tính vừa sức đối với trẻ để mọi trẻ đều có cơ hội được tham gia chơi.

2.3.2. Phù hợp với đặc điểm khả năng âm nhạc của trẻ mẫu giáo

Căn cứ vào đặc điểm khả năng âm nhạc của trẻ, việc lựa chọn hoặc xây dựng trò chơi âm nhạc mới nhất thiết phải phù hợp với đặc điểm khả năng âm nhạc của trẻ mẫu giáo vì những lí do sau đây:

Một là: Do trò chơi âm nhạc được tổ chức đại trà cho cả lớp nên nếu các trò chơi được thiết kế đơn giản, thấp với khả năng âm nhạc của trẻ thì dễ gây nhàm chán, giảm sự hứng thú trong giờ học nhạc.

Hai là: Nếu không nghiên cứu kĩ đặc điểm khả năng âm nhạc của trẻ mà lựa chọn trò chơi âm nhạc phức tạp, khó với độ tuổi thì trẻ cũng không hứng thú, dễ nản chí vì trong trò chơi đòi hỏi yêu cầu quá cao so với trẻ dẫn tới trẻ không chơi được trò chơi.

Việc xây dựng trò chơi âm nhạc phù hợp với đặc điểm khả năng âm nhạc của trẻ không những đảm bảo được tính vừa sức, mà còn có những yếu tố phát triển, đáp ứng được nhu cầu vui chơi mang tính đại trà cũng như có những yếu tố nâng cao đối với trẻ có năng khiếu âm nhạc.

Với một trò chơi âm nhạc cụ thể, cũng cần đưa ra nội dung, mục đích và yêu cầu chơi phù hợp với trẻ. Khi xây dựng trò chơi cũng cần tính đến việc có thể linh hoạt thay đổi hình thức chơi và phương pháp tổ chức trò chơi phù hợp với khả năng, nhu cầu và hứng thú của trẻ. Để hoạt động trò chơi âm nhạc thực sự trở thành nội dung hấp dẫn đối với trẻ mẫu giáo thì mỗi trò chơi âm nhạc được lựa chọn phải là một hoạt động trải nghiệm về nghệ thuật mới mẻ, cuốn hút, kích thích được tính tích cực chủ động trong khi chơi của trẻ, tạo nên nhu cầu tự nhiên yêu thích các hoạt động âm nhạc nói chung và TCAN nói riêng trong trường mầm non.

2.3.3. Đảm bảo tính âm nhạc trong trò chơi

Khi lựa chọn hoặc xây dựng trò chơi âm nhạc còn phải đảm bảo tính âm nhạc trong trò chơi vì ở TCAN thì âm nhạc là yếu tố quyết định nội dung và tính chất của trò, do vậy phải lựa chọn âm nhạc, xem bài hát đó, thể loại âm nhạc đó trẻ đã biết chưa, có thể hiện được kĩ năng âm nhạc trong trò chơi không và mục đích hướng tới của TCAN là như thế nào đối với trẻ.

Khi chơi, trẻ phải được nghe nhạc, nghe hát, nghe âm sắc, nghe các yếu tố về cao độ, trường độ và cường độ âm nhạc. Trẻ còn vận dụng khả năng âm nhạc đã được tiếp thu ở mọi lúc mọi nơi để mô phỏng, bắt chước, thể hiện khả năng hát, múa, vận động theo nhạc đúng với yêu cầu của trò chơi. Trẻ còn được mở rộng vốn hiểu biết về âm nhạc như: biết thêm được âm sắc của các loại nhạc cụ, làm quen với ca sĩ nhí và một số bài hát mới. Do vậy, trong TCAN, trẻ phải được chơi cùng đồ dùng âm nhạc, được thể hiện khả năng âm nhạc của mình với các bạn một cách hào hứng, sôi nổi, tự tin. Trong TCAN yếu tố âm nhạc luôn nổi bật.

2.3.4. Mang tính giải trí

Chơi là một nhu cầu rất tự nhiên của trẻ. TCAN là loại hình trò chơi mang tính giải trí cao, và được trẻ mẫu giáo rất yêu thích vì nó thỏa mãn nhu cầu vui chơi, giải trí, giao lưu và mở rộng vốn hiểu biết về nghệ thuật âm nhạc của trẻ, mang lại niềm vui, sự lạc quan yêu đời, phù hợp với tâm lí lứa tuổi trẻ mầm non.

Khi tham gia vào các TCAN, trẻ được lắng nghe những giai điệu quen thuộc, được củng cố và tái hiện lại những kĩ năng âm nhạc đã học như: nghe nhạc, ca hát, vận động theo nhạc và múa, làm quen với nhạc cụ, do vậy trẻ cảm thấy rất hào hứng, phấn khởi, luôn có tâm thế chủ động lắng nghe âm nhạc và thể hiện khả năng âm nhạc trước cô giáo và các bạn. Điều này đã làm cho trẻ cảm thấy được quan tâm, tôn trọng và thêm tự tin trong hoạt động âm nhạc cũng như trong các hoạt động giáo dục khác, từ đó trẻ thêm yêu trường yêu lớp và gắn bó hơn với các bạn.

Sau các tiết học, việc tổ chức cho trẻ chơi TCAN sẽ giúp trẻ thư giãn, cân bằng tâm lí, giúp các con giải tỏa những căng thẳng trong giờ học. Bên cạnh đó, trẻ còn được thi đua với các bạn để thể hiện khả năng âm nhạc của mình, điều đó có tác động mạnh mẽ tới tâm lí của trẻ, hướng trẻ tới những trạng thái tình cảm tích cực, trẻ thoải mái hơn, tự nhiên, vui vẻ và gần gũi với cô và bạn hơn. Do đó, trò chơi âm nhạc là một dạng hoạt động âm nhạc mang tính giải trí cao mà không phải loại hình nghệ thuật nào cũng đáp ứng được.

2.3.5. Kết hợp phương tiện chơi trò chơi âm nhạc

Để TCAN hấp dẫn với trẻ thì cần chọn trò chơi có sử dụng phương tiện chơi. Có thể chia phương tiện sử dụng trong TCAN làm hai loại: phương tiện chơi không có âm thanh và phương tiện chơi có âm thanh.

+ *Phương tiện chơi không có âm thanh*: Đây là loại đồ chơi mô phỏng theo hình dáng của các nhạc cụ, được cắt dán lên bìa cứng hoặc vẽ trên xốp như: Đàn Guitar, Mangdolin… Tuy chỉ là đồ chơi mô phỏng, không có âm thanh phát ra nhưng hình dáng giống như nhạc cụ thật nên rất hấp dẫn đối với trẻ. Trong khi chơi, trẻ thường tưởng tượng và đóng vai là giáo viên âm nhạc, là nhạc công đệm đàn, là nhạc sĩ sáng tác để biểu diễn với những loại nhạc cụ này [3, tr.132].

+ *Phương tiện chơi có âm thanh*: Là những nhạc cụ và dụng cụ âm nhạc có cấu trúc đơn giản, phong phú về hình dáng, mầu sắc và kích thước. Các loại nhạc cụ này phổ biến như: Kèn Hamonica, Sáo dọc, Sáo ngang, Piano nhựa, Accordion nhỏ, Trống, Mõ, Xúc xắc các loại [3, tr.132]

Ngoài ra, khi chọn TCAN còn phải lưu ý sử dụng thêm các đồ dùng và phương tiện trực quan khác như: cờ, hoa, mũ múa, trang phục và đạo cụ biểu diễn hoặc sử dụng hiệu ứng của các phần mềm âm nhạc nhằm tạo một không khí vui tươi, hào hứng, tâm thế sẵn sàng thể hiện khả năng âm nhạc trong trò chơi, điều đó làm tăng hiệu quả giáo dục của trò chơi âm nhạc đối với trẻ mẫu giáo nhỡ [3, tr.133].

1. Kết luận

Căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung chương trình âm nhạc ở trường mầm non mà Bộ giáo dục Đào tạo ban hành, bài viết gợi ý một số phương án giúp giáo viên mầm non có thêm thông tin để lựa chọn hoặc xây dựng TCAN phù hợp với từng độ tuổi của trẻ, phù hợp với mục tiêu của giáo dục âm nhạc trong trường mầm non. Giáo viên mầm non lựa chọn TCAN cần đảm bảo bám sát yêu cầu của chương trình giáo dục âm nhạc cho trẻ; Đặc điểm khả năng âm nhạc của trẻ; Tính âm nhạc trong trò chơi; Tính giải trí trong trò chơi và kết hợp phương tiện chơi TCAN, góp phần củng cố và phát triển kỹ năng hoạt động âm nhạc của trẻ thông qua TCAN.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Thị Châu, Nguyễn Thị Oanh, Trần Thị Sinh (2006), *Giáo dục học mầm non,* Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Lý Thu Hiền, Nguyễn Cẩm Bích (2012), *Trò chơi âm nhạc cho trẻ từ 2 đến 6 tuổi theo hướng tích hợp chủ đề*, Nxb Giáo dục.

3. Ngô Thị Nam và nhóm tác giả (1993), *Âm nhạc và phương pháp giáo dục âm nhạc,* Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Hoàng Văn Yến (2011), *Trò chơi âm nhạc cho trẻ MN*, Nxb Giáo dục Việt Nam

.

VAI TRÒ CỦA VĂN HỌC TRONG VIỆC GIÁO DỤC GIÁ TRỊ SỐNG CHO TRẺ MẪU GIÁO

TS. Hoàng Thị Lan

Phòng Khoa học công nghệ - Hợp tác quốc tế

Tóm tắt: Trong chiến lược phát triển giáo dục của các cấp học ở Việt Nam, Đảng và Nhà nước luôn nhấn mạnh phương diện phát triển con người một cách toàn diện. Để giúp thế hệ trẻ nói chung và trẻ mầm non nói riêng phát triển tiềm năng của mình và sống một cách tự trọng và cao đẹp, chúng ta phải dạy cho trẻ lòng nhân hậu, tính trách nhiệm, sự thật thà và tính kỷ luật ngay từ lứa tuổi mẫu giáo. Có nhiều con đường và cách thức giáo dục giá trị sống cho trẻ mầm non nói chung và trẻ mẫu giáo nói riêng. Văn học là một loại hình nghệ thuật có vai trò quan trọng với sự phát triển toàn diện nhân cách con người ngay từ thuở ấu thơ. Văn học chứa đựng nhiều giá trị sống cần hình thành ở mỗi đứa trẻ, góp phần bồi dưỡng tâm hồn các em. Vì thế, sử dụng văn học như một phương tiện trong việc giáo dục giá trị sống cho trẻ mẫu giáo đang được nhiều nhà sư phạm quan tâm, nghiên cứu vận dụng trong giảng dạy.

Từ khoá: *Giáo dục, giá trị, trẻ mẫu giáo, nhân cách, cao đẹp, văn học*

1. Đặt vấn đề

Lứa tuổi mầm non nói chung và tuổi mẫu giáo nói riêng là giai đoạn "vàng" cho việc hình thành nền móng của những phẩm chất tích cực, những giá trị sống cao đẹp, những lối sống tốt đẹp. Trẻ đầy tiềm năng và thực sự sẵn sàng cho việc hấp thụ trọn vẹn những giá trị tốt đẹp từ môi trường mà cha mẹ và thầy cô tận tâm, hiểu biết chuẩn bị cho trẻ. Văn học là một loại hình nghệ thuật có vai trò quan trọng với sự phát triển toàn diện nhân cách con người ngay từ thuở ấu thơ. Văn học chứa đựng nhiều giá trị sống cần hình thành ở mỗi đứa trẻ, góp phần bồi dưỡng tâm hồn, nâng cao năng lực cảm thụ cái đẹp, mở rộng nhận thức về giới xung quanh và phát triển ngôn ngữ cho trẻ. Vì thế, việc nghiên cứu vai trò của văn học đối với giáo dục giá trị sống thông qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học rất quan trọng để từ đó hình thành cho trẻ quan điểm nhân sinh đúng đắn, giúp trẻ tăng cường khả năng chung sống hoà bình, hợp tác, yêu thương, tôn trọng, trách nhiệm, kỉ luật,...

2. Nội dung

2.1. Một số khái niệm

- Giá trị:

+ Trong "Từ điển tiếng Việt" của Hoàng Phê, "giá trị là cái gì làm cho một vật có lợi ích, có ý nghĩa, là đáng quý về một mặt nào đó, là tác dụng, hiệu lực, lao động xã hội kết tinh trong sản phẩm hàng hóa; số đo của một đại lượng".

+ Tác giả Nguyễn Quang Uẩn quan niệm: "Giá trị là vật thể hay tư tưởng, luôn mang tính khách quan, có liên quan đến nhu cầu được con người thừa nhận. Giá trị chứa đựng yếu tố nhận thức, tình cảm và hành vi của chủ thể trong mối quan hệ với sự vật hiện tượng mang giá trị, thể hiện sự lựa chọn đánh giá của chủ thể".

Như vậy, giá trị là những điều có ý nghĩa, có ích, đáng quý, được mong đợi đối với xã hội, tập thể và cá nhân phản ánh trong hoạt động, trong mối quan hệ xã hội, có ảnh hưởng và chi phối đến nhận thức, tình cảm, hành vi của con người, tạo động lực thúc đẩy con người sống theo một xu hướng nhất định và làm căn cứ để đánh giá những sự vật, sự việc khác là có ích và đáng quý đối với bản thân.

- Giáo dục giá trị: Là hoạt động thúc đẩy sự hiểu biết của người học về giá trị và hình thành các kĩ năng, khuynh hướng để họ có thể sử dụng các giá trị cụ thể với tư cách là một cá nhân và thành viên của cộng đồng xã hội.

- Giáo dục giá trị cho trẻ mầm non: Thực chất là giáo dục những giá trị sống. Đó là những giá trị có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của trẻ, chi phối hành vi trẻ. Giá trị sống bắt nguồn từ những giá trị chung của loài người và được hình thành qua các hoạt động và quan hệ xã hội trong hoàn cảnh cụ thể.

Trong dự án "Chia sẻ các giá trị vì một thế giới tốt đẹp hơn", chương trình giáo dục giá trị sống cho trẻ 3 đến 6 tuổi đã đưa ra 11 giá trị căn bản của cá nhân và xã hội là: Hòa bình, Yêu thương, Hạnh phúc, Hợp tác, Khiêm tốn, Đoàn kết, Tôn trọng, Trách nhiệm, Khoan dung, Trung thực, Giản dị, Tự do. Đây là những giá trị mang tính phổ quát toàn cầu.

- Tác phẩm văn học:

Theo Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (năm 1998), tác phẩm văn học là một công trình nghệ thuật ngôn từ do cá nhân nhà văn hoặc một tập thể sáng tạo nên nhằm thể hiện những khái quát bằng hình tượng về cuộc sống và con người, thể hiện tư tưởng tình cảm, thái độ của tác giả trước thực tại. *Tác phẩm văn học* có thể tồn tại dưới hình thức truyền miệng hay hình thức văn bản nghệ thuật được ghi giữ qua văn tự, có thể được viết bằng văn xuôi hay văn vần. Các tác phẩm văn học có dung lượng rất khác nhau và có thể chia thành ba loại hình cơ bản: tác phẩm tự sự, tác phẩm kịch và tác phẩm trữ tình.

Văn học trẻ em nằm trong nghệ thuật sáng tác văn học nói chung vì thế nó cũng mang đầy đủ những đặc điểm của sáng tác nghệ thuật ngôn từ.

2.2. Sự cần thiết giáo dục giá trị sống cho trẻ mẫu giáo

Các nước có nền giáo dục phát triển như Mỹ, Anh cũng từng bước bước vào thời kỳ đề cao kiến thức và kỹ năng, để rồi phải quay lại, cân bằng giáo dục phẩm chất, tính cách cho học sinh. Tổng thống George W.Bush nối tiếp người đồng nhiệm tổng thống Mỹ Bill Clinton đã đặt giáo dục nhân cách, tích hợp giáo dục nhân cách vào chương trình giảng dạy của trường học làm trọng tâm cải cách giáo dục quốc gia.

Tại Việt Nam, truyền thống tôn sư trọng đạo hay lòng vị tha vốn là phẩm chất đặc biệt của dân tộc. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng về giáo dục và đào tạo, nhấn mạnh quan điểm "…Đào tạo con người theo hướng có đạo đức, kỷ luật, kỷ cương, ý thức trách nhiệm công dân, xã hội; có kỹ năng sống, kỹ năng làm việc, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, công nghệ số, tư duy sáng tạo và hội nhập quốc tế"[2]. Như vậy, để hội nhập với thế giới, ngành giáo dục phải hướng tới quan điểm dạy học tích hợp. Đây là một định hướng trong đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, là một bước chuyển từ cách tiếp cận nội dung giáo dục sang tiếp cận năng lực nhằm đào tạo con người có tri thức mới, năng động, sáng tạo khi giải quyết các vấn đề trong thực tiễn cuộc sống. Việc chuyển đổi đó cần phải bắt đầu ngay từ bậc học đầu tiên trong hệ thống giáo dục quốc dân. Điều này được thể hiện Kế hoạch số 626/KH-BGDĐT ban hành ngày 30/06/2021 - "Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm" giai đoạn 2021 - 2025: "…Phối hợp các phương pháp, hình thức tổ chức hợp lý; tăng cường tính chủ động, tích cực hoạt động của trẻ, đảm bảo trẻ "học bằng chơi, chơi mà học"; tạo cơ hội để trẻ được tiếp cận, trải nghiệm, xử trí các tình huống có thể xảy ra trong sinh hoạt hằng ngày và cơ hội cho trẻ được bộc lộ hết khả năng của riêng mình; Chú trọng các hoạt động chủ đạo của từng lứa tuổi, tạo ra các cơ hội cho trẻ hoạt động tích cực phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và sự phát triển của từng cá nhân trẻ; tôn trọng sự khác biệt về đặc điểm, sở thích, thói quen của từng cá nhân trẻ; khích lệ trẻ phát huy khả năng tự lập, tự tin, sáng tạo, tư duy linh hoạt và khả năng phản biện".

Lứa tuổi mầm non nói chung và tuổi mẫu giáo nói riêng là giai đoạn "vàng" cho việc hình thành nền móng của những phẩm chất tích cực, những giá trị sống cao đẹp, những lối sống tốt đẹp. Trẻ đầy tiềm năng và thực sự sẵn sàng cho việc hấp thụ trọn vẹn những giá trị tốt đẹp từ môi trường mà cha mẹ và thầy cô tận tâm, hiểu biết chuẩn bị cho trẻ. Điều này đã được các ngành khoa học Tâm lý - Giáo dục và ngành Giáo dục mầm non thừa nhận qua việc sử dụng các thuật ngữ khi nói

về giai đoạn này: "thời kì phát cảm...", "giai đoạn nhạy cảm...", "thời kì cửa sổ cơ hội"... để xây dựng nền tảng nhân cách vững chắc với những giá trị sống đúng đắn, tích cực. Môi trường được chuẩn bị tốt sẽ góp phần hỗ trợ, thúc đẩy kịp thời sự phát triển giá trị sống của trẻ. Ở vào giai đoạn "vàng" của một lĩnh vực nào đó, chẳng hạn như ngôn ngữ, vận động hay toán học..., trẻ sẽ hấp thụ hay học tập lĩnh vực đó dường như là không cần một nỗ lực nào, mà chỉ là đam mê, nhiệt huyết và tự nhiên [4].

Theo các nhà khoa học, nếu bỏ qua giai đoạn nhạy cảm nào, thì giai đoạn đó sẽ một đi không trở lại, khiến cho việc học tập lĩnh vực đó ở giai đoạn sau trở nên khó khăn và gặp nhiều trở ngại. Bởi lẽ, giai đoạn mẫu giáo là giai đoạn nhạy cảm để hình thành các giá trị sống của trẻ, đặc biệt là giá trị hợp tác, tôn trọng, trách nhiệm, đoàn kết, yêu thương. Mặt khác, trẻ ở giai đoạn này có đặc điểm nổi bật ở tư duy trực quan hành động và tư duy trực quan hình tượng. Đây là cơ hội cho trẻ hấp thụ các phẩm chất, giá trị sống tích cực thông qua một phương tiện vừa cổ xưa vừa mới mẻ như văn học.

Các nhà giáo dục cần có sự hỗ trợ kịp thời cho giai đoạn hình thành giá trị sống tích cực, đúng đắn cho trẻ. Xây dựng các phương pháp, biện pháp, hình thức tổ chức giáo dục phát triển giá trị sống thông qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học bài bản, mang tính thẩm mỹ, cảm xúc sẽ giúp trẻ hứng thú, tập trung và phát triển tình cảm xã hội phong phú, hình thành giá trị sống tốt đẹp, để từ đó hình thành và phát triển toàn diện nhân cách cho trẻ. Giúp trẻ tăng cường khả năng chung sống hòa bình, hợp tác, yêu thương, tôn trọng và trách nhiệm, tự chủ trong việc quan sát và thể hiện thái độ của mình với đời sống, hình thành quan điểm nhân sinh đúng đắn. Thông qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học, các năng lực xã hội, các giá trị sống ở mỗi đứa trẻ sẽ được thiết lập từng bước bền vững và trọn vẹn, từ việc trải nghiệm việc sử dụng ngôn ngữ để bày tỏ suy nghĩ, tình cảm của bản thân.

Vì thế, trong chiến lược phát triển giáo dục trong các cấp học ở Việt Nam cũng luôn nhấn mạnh phương diện phát triển con người một cách toàn diện. Để giúp thế hệ trẻ em nói chung và trẻ mầm non nói riêng phát triển tiềm năng của mình và sống một cách tự trọng và cao đẹp, chúng ta phải dạy cho trẻ lòng nhân hậu, tính trách nhiệm, sự thật thà và tính kỷ luật. Điều này cho thấy công tác giáo dục con người cần được nghiên cứu những giải pháp và bổ sung những hình thức mới, đồng thời phải giáo dục sớm cho trẻ em ngay từ trong nhỏ nhằm hình thành và phát triển nhân cách toàn diện. Chính vì thế trong dự thảo chương trình giáo dục tổng thể mới

được Bộ Giáo dục và Đào tạo thông qua (năm 2017) đã định hướng chương trình giáo dục từ mầm non đến trung học phổ thông cần hình thành cho học sinh năm phẩm chất chủ yếu gồm: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực và 10 năng lực có tính cốt yếu (03 năng lực chung và 07 năng lực hình thành qua các môn học). Có thể nói, giáo dục giá trị sống trong các nhà trường đã trở thành xu thế giáo dục mới của thế kỉ 21.

Đối với định hướng xây dựng Chương trình trong giáo dục mầm non mới, Nguyễn Bá Minh kiến nghị: Chương trình giáo dục mầm non được xây dựng nhằm bảo đảm kết nối với Chương trình giáo dục phổ thông để góp phần xây dựng các giá trị cốt lõi con người Việt Nam mới: Yêu nước, sáng tạo, kỷ luật, trách nhiệm, trung thực, tự lập; Nâng cao vị thế xã hội của giáo dục mầm non trong giai đoạn tới; Bảo đảm quyền bình đẳng cho trẻ em Việt Nam trong thụ hưởng giáo dục mầm non có chất lượng và hoà nhập [5]

Lê Anh Vinh nhấn mạnh các phẩm chất/giá trị cốt lõi, đó là: Yêu thương, tôn trọng, trung thực, trách nhiệm; các năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, tự lực, thích ứng; các năng lực đặc thù về Thể chất, Toán, Khoa học và công nghệ, Khám phá xã hội, Ngôn ngữ, Nghệ thuật, với kết quả mong đợi cuối giai đoạn nhà trẻ, mẫu giáo phù hợp với trẻ mầm non. Ông đặc biệt lưu ý về quá trình sư phạm khi triển khai thực hiện, cần tuân thủ các nguyên tắc và phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng chơi và trải nghiệm để hình thành năng lực cho trẻ mầm non. Cộng tác của các lực lượng giáo dục: Gia đình - Nhà trường (trường mầm non, trường tiểu học) - Cộng đồng - Xã hội để bảo đảm thực hiện thành công quá trình sư phạm nhằm hình thành được khung kết quả mong đợi theo năng lực ở từng giai đoạn lứa tuổi [5].

Giáo dục giá trị sống cho trẻ mẫu giáo 5 - 6 tuổi không được tiến hành như một môn học mà được lồng ghép trong các hoạt động chăm sóc, giáo dục ở trường mầm non. Việc triển khai giáo dục giá trị sống được lồng ghép với giáo dục kĩ năng sống trong trường mầm non hiện đang ở giai đoạn bắt đầu. Để giúp trẻ lĩnh hội được các giá trị sống, có các các kĩ năng sống, giáo viên mầm non phải thiết kế được các hoạt động hấp dẫn, phù hợp với khả năng, nhu cầu và hứng thú của trẻ.

2.3. Vai trò của văn học trong việc giáo dục giá trị sống cho trẻ mẫu giáo tại các trường mầm non

Có nhiều con đường và cách thức giáo dục giá trị sống cho trẻ mầm non nói chung và trẻ mẫu giáo nói riêng. Sử dụng văn học là một phương tiện trong việc

giáo dục giá trị sống cho trẻ mẫu giáo đang được nhiều nhà sư phạm quan tâm, nghiên cứu vận dụng trong giảng dạy.

Trước bối cảnh xã hội không ngừng thay đổi, nhiều thách thức và khó khăn khôn lường: biến đổi khí hậu, đại dịch Covid, chiến tranh, ... đã tác động nhiều đến đời sống tinh thần của con người đặc biệt là trẻ em. Văn học là một loại hình nghệ thuật có vai trò quan trọng với sự phát triển toàn diện nhân cách con người ngay từ thuở ấu thơ. Văn học chứa đựng nhiều giá trị sống cần hình thành ở mỗi đứa trẻ, góp phần bồi dưỡng tâm hồn, nâng cao năng lực cảm thụ cái đẹp mở rộng nhận thức về tới giới xung quanh và phát triển ngôn ngữ cho trẻ. Vì thế, việc nghiên cứu xây dựng các phương pháp, biện pháp, hình thức giáo dục phát triển giá trị sống thông qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học bài bản, mang tính thẩm mỹ, cảm xúc, hấp dẫn sẽ giúp trẻ hứng thú, tập trung và phát triển tình cảm xã hội phong phú, hình thành giá trị sống tốt đẹp, để từ đó hình thành quan điểm nhân sinh đúng đắn, giúp trẻ tăng cường khả năng chung sống hoà bình, hợp tác, yêu thương, tôn trọng, khoan dung, trách nhiệm, kỉ luật… Cụ thể:

- Văn học đem đến cho trẻ mẫu giáo nhiều hiểu biết về cuộc sống: Văn học có khả năng phá vỡ giới hạn tồn tại trong thời gian, không gian thực tế của mỗi cá nhân, đem lại khả năng sống cuộc sống của nhiều người, nhiều thời, nhiều nơi. Trẻ em luôn khát khao nhận thức tìm tòi khám phá thế giới xung quanh mình. Vì thế, văn học là một phương tiện hữu hiệu giúp các em mở rộng và nâng cao nhận thức về thế giới đó. Các câu chuyện, bài thơ đã mở ra trước mắt các em bao nhiêu hình ảnh thiên nhiên, quê hương, đất nước, vũ trụ bao la về những con người với mối quan hệ xã hội và lịch sử dân tộc trong quá khứ và hiện tại.

Ví dụ: Câu chuyện "Thỏ con ăn gì ?" giúp các em sẽ biết được thức ăn của gà là thóc, mèo thích ăn cá, còn dê, thỏ lại thích ăn các loại rau, củ, quả… Nhiều chuyện thật mà lại đơn giản và thú vị vô cùng. Hay câu chuyện "Sự tích Ông Gióng", "Sự tích Hồ Gươm" giúp trẻ sẽ hiểu được quá khứ hào hùng của dân tộc chống giặc ngoại xâm, những phong tục tập quán nét đẹp văn hóa từ ngàn xưa của ông cha ta trên khắp miền quê hương đất nước.

- Văn học đem đến cho trẻ mẫu giáo những bài học quý giá về lẽ sống, hình thành và phát triển những đức tính tốt đẹp, giúp con người biết yêu, ghét đúng đắn, làm cho tâm hồn con người trở nên lành mạnh, trong sáng, cao thượng hơn.

Ví dụ: Văn học góp phần giáo dục lòng khoan dung cho trẻ mẫu giáo.

Khoan dung là sự cởi mở và sự chấp nhận vẻ đẹp của những điều khác biệt. Khoan dung là tôn trọng qua sự hiểu biết lẫn nhau. Có khoan dung, trẻ sẽ trở nên

cởi mở và chấp nhận sự khác biệt với những vẻ đẹp của bạn bè. Người khoan dung thì biết rút ra những điều tốt nơi người khác cũng như trong các tình thế. Khoan dung là nhìn nhận cá tính và sự đa dạng trong khi vẫn biết hóa giải những mầm mống gây chia rẽ, bất hòa và tháo gỡ ngòi nổ của sự căng thẳng được tạo ra bởi sự dốt nát.

Đối với cấp học mầm non hiểu về giá trị khoan dung: Tất cả chúng ta đều là duy nhất và có thứ gì đó có giá trị để cung cấp và chia sẻ. Khoan dung là chất nhận người khác và đánh giá cao sự khác biệt của người khác. Khoan dung là biết chấp nhận bản thân và người khác ngay cả khi bản thân hay người khác mắc sai lầm. Lòng khoan dung lớn lên cùng với sự tôn trọng và hiểu biết.

Trong các câu chuyện "Củ cải trắng", "Một bầy hươu", "Đôi bạn tốt"…, những hình ảnh các bạn Thỏ, Dê, Vịt, Cáo cùng các tình huống truyện độc đáo đã giúp các em nhận ra nhiều bài học về giá trị sống về đoàn kết, chia sẻ giúp đỡ bạn bè và mọi người xung quanh. Những đức tính đoàn kết, chăm chỉ, trung thực, thật thà cũng sớm nảy nở ở các em thông qua những câu chuyện đó.

Đặc trưng giáo dục của văn học là con đường cảm xúc tới nhận thức, tự giáo dục (khác với pháp luật, đạo đức...). Văn học cảm hóa con người bằng hình tượng, bằng cái thật, cái đúng, cái đẹp nên nó giáo dục một cách tự giác, thấm sâu, lâu bền. Văn học góp phần hoàn thiện bản thân con người nói chung và trẻ mẫu giáo nói riêng, hướng trẻ tới những hành động tốt đẹp, cụ thể, thiết thực để hoàn thiện dần nhân cách.

- Văn học có thể đem đến cho trẻ mẫu giáo những rung động trước cái đẹp (cái đẹp cuộc sống và cái đẹp của chính tác phẩm). Văn học có khả năng đem đến cho con người nói chung và trẻ mẫu giáo nói riêng những vẻ đẹp muôn hình, muôn vẻ của cuộc đời (thiên nhiên, đất nước, cuộc đời, lịch sử...). Văn học đi sâu miêu tả vẻ đẹp con người (ngoại hình, nội tâm, tư tưởng, tình cảm, những hành động, lời nói...). Văn học có thể phát hiện ra vẻ đẹp của những vật rất nhỏ bé, bình thường và cả vẻ đẹp đồ sộ, kì vĩ. Hình thức đẹp của tác phẩm (kết cấu, ngôn ngữ...) cũng chính là một nội dung quan trọng của giá trị thẩm mĩ cho trẻ .

Ví dụ: Trong các bài thơ viết cho các em: "Hoa sen" của Nguyễn Hoàng Sơn, "Hoa kết trái" của Thu Hà, "Hoa cúc vàng" của Nguyễn Văn Chương, "Sự tích các loài hoa", "Bắp cải xanh" của Phạm Hổ, "Giàn mướp" của Thanh Hiền, "Vườn cải "của Trần Đăng Khoa…, các tác giả đã dẫn các em bước vào một khu vườn Việt Nam bốn mùa hoa trái. Ở đây, các em không chỉ được giới thiệu về tên gọi, lợi ích của cây hoa, quá trình hình thành phát triển các loài hoa mà còn biết rung động trước vẻ đẹp của thiên nhiên.

3. Kết luận

Văn học có vai trò vô cùng quan trọng đối với việc giáo dục giá trị sống cho trẻ mầm non, đặc biệt là lứa tuổi mẫu giáo. Văn học giúp hình thành và phát triển nhân cách trẻ một cách toàn diện. Giáo viên mầm non phải nghiên cứu, thiết kế được các hoạt động học tập hấp dẫn, phù hợp với khả năng, nhu cầu và hứng thú của trẻ, giúp trẻ lĩnh hội được các giá trị sống, giúp trẻ có được kiến thức và kĩ năng cần thiết để rèn luyện hành vi có trách nhiệm đối với bản thân, gia đình và cộng đồng; có khả năng ứng phó tích cực, biết ứng xử phù hợp trong các tình huống của cuộc sống. Giáo dục giá trị sống cho trẻ còn giúp tăng cường khả năng xã hội của trẻ, giúp trẻ sống an toàn, khoẻ mạnh, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển nhân cách trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Chương trình Giáo dục mầm non*, NXB Giáo dục

2. Đinh Thanh Tuyến (2017), *Phát triển ngôn ngữ tiếng Việt theo quan điểm Montessori,* Tạp chí giáo dục số đặc biệt, kì 2 tháng 8.

3. Phạm Thị Thu, Nguyễn Cẩm Giang, Đinh Thị Hạnh, Nguyễn Thị Thúy Hợi (2021), *Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học*, Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương.

4. Văn kiện *Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, NXB CTQGST, H. 2021, tr 233

5. Báo Điện tử Chính phủ, *Chương trình giáo dục mầm non mới: Giúp trẻ em phát triển toàn diệ*n (17/10/2022): https://www.baochinhphu.vn%2Fchuong-trinh-giao-duc-mam-non-moi-giup-tre-em-phat-trien-toan-dien 102221017173059055.htm

6. National Council of Educational Research and Training (2019), *The preschool Curriculum*, New Delhi.

7. Lawrence (2001). *Erlbaum Associates*, Publishers Mahwah, New Jersey London.

PHƯƠNG PHÁP DÀN DỰNG MÚA CHO TRẺ MẪU GIÁO LỚN

ThS. Đào Thu Hoà
Khoa Nghệ thuật

Tóm tắt: Nghệ thuật múa là một loại hình nghệ thuật đặc thù. Ngay từ khi còn nhỏ trẻ đã rất thích xem người khác hoạt động. Trẻ không chỉ bắt chước cho đúng mà trẻ còn cùng nhau sáng tạo ra những động tác mới. Trẻ em yêu thích múa âm nhạc, ca hát, hội hoạ rất tự nhiên. Đây là hiện tượng mang tính xã hội, nhân văn. Khi trẻ tiếp xúc với nghệ thuật múa, trẻ thêm hiểu biết về cuộc sống xung quanh thông qua các giác quan. Đối với nghệ thuật múa trẻ thể hiện tự nhiên, tự phát không gò bó. Nó như một nhu cầu không thể thiếu trong đời sống của trẻ.

Các hoạt động, vận động múa giúp trẻ khám phá đời sống, thể hiện cảm xúc, nhận thức, phát triển trí lực và thể lực. Vì vậy, việc tìm ra các phương pháp dàn dựng múa phù hợp với đặc điểm tâm lý cũng như khả năng hoạt động của trẻ mẫu giáo lớn cần được giáo viên, nhà sáng tác múa quan tâm.

Từ khoá: *Phương pháp, dàn dựng múa, trẻ mẫu giáo lớn, đặc điểm tâm sinh lý, khả năng, hoạt động.*

1. Đặt vấn đề

Giáo dục Mầm non (GDMN) được coi là bậc học đầu tiên trong hệ thống giáo dục quốc dân. GDMN đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển toàn diện nhân cách cho trẻ: đức, trí, thể, mĩ. Chúng ta biết rằng, trẻ nhỏ luôn có nhu cầu giao tiếp với xung quanh. Việc nắm được những tri thức khoa học giúp trẻ có một nhân cách toàn diện phù hợp với yêu cầu xã hội đề ra. Ở lứa tuổi mầm non có rất nhiều hoạt động, múa là một trong những hoạt động bồi dưỡng về thể chất giúp cơ thể mềm dẻo, linh hoạt mà nó còn giúp tâm hồn biết hướng tới cái thiện, cái đẹp, yêu quý cuộc sống. Vì vậy múa góp phần phát triển toàn diện nhân cách trẻ.

2. Nội dung

2.1. Đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi mẫu giáo

a) Đặc điểm về tư duy:

Ở lứa tuổi mẫu giáo tâm sinh lý được phát triển từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp. Tư duy của trẻ đã chuyển từ bình diện bên ngoài vào bình diện bên trong, tư duy trực quan hình tượng dần thay thế cho lối tư duy trực

quan hành động. Đồng thời ở trẻ các đối tượng và sự vật trong tự nhiên ảnh hưởng đến nhân cách hóa mọi vật đều có hồn và biến hóa chúng thành linh hoạt.

Ví dụ: Từ một cái gậy trẻ có thể tượng là cây súng, cây đàn để hát múa....

Lứa tuổi này trẻ thơ có một tâm hồn rất nhạy cảm, trẻ thường tỏ ra dễ xúc cảm với cảnh vật và con người xung quanh nên trẻ thơ nhìn thế giới bằng cặp mắt trong sáng và hồn nhiên. Đặc điểm nổi bật trong đời sống tâm lý trẻ thơ đó là trẻ dễ gần gũi với điều mới lạ về hình dáng, màu sắc, âm thanh...đó là tính hình tượng đang phát triển mạnh và gần như chi phối toàn vẹn nó chứ không tách rời từng mảnh, từng bộ phận rạch ròi, khô cứng. Những thuộc tính cụ thể trong tâm lý trẻ thơ.

Đối với nghệ thuật múa cũng vậy, từ những đạo cụ, trang phục động tác múa đã gây cho trẻ ấn tượng sâu sắc. Chính nhờ đặc điểm tâm lý như: Hồn nhiên ngộ nghĩnh, trong sáng; đặc điểm không đồng đều và cá tính riêng lẻ trong đội hình tuyến múa; đặc điểm gắn với âm nhạc đồng giao, dân ca vùng miền ở trẻ mà những hình tượng nghệ thuật, đặc biệt là nghệ thuật múa góp phần thúc đẩy phát triển khả năng cảm thụ, phát triển nhân cách trẻ một cách toàn diện.

Giai đoạn tuổi mầm non là thời kì các hiện tượng tâm lý phát triển nhanh và mạnh đồng thời các chức năng sinh lí cũng hoàn thiện. Múa giúp cho trẻ có một cơ thể hài hòa, cân đối, dẻo dai, có dáng đi, tư thế đẹp… Được tiếp xúc với nghệ thuật múa lúc này là thỏa nhu cầu, tình cảm, vận động bộc lộ, cảm xúc với mọi người. Đồng thời, hình thành phát triển nhân cách cho trẻ vui tươi, hồn nhiên, hoạt bát, tự tin… Do vậy chức năng của nghệ thuật múa là góp phần phát triển hoàn thiện nhân cách trẻ. Múa góp phần giáo dục toàn diện cho trẻ.

b) Khả năng hoạt động của trẻ mẫu giáo

Đối với trẻ mẫu giáo lớn khả năng cảm thụ nghệ thuật của trẻ phát triển hơn. Trẻ có khả năng thực hiện các động tác khi được tiếp xúc với tác phẩm múa phù hợp. Trẻ thể hiện được sự mềm dẻo, nhanh nhẹn di chuyển đội hình, định hướng không gian, khi múa trẻ biết lắng nghe ghi nhớ nhịp điệu từ động tác đơn giản đến phức tạp, biết tư duy để nhập vai diễn tác phẩm và thực hiện tốt một số kỹ năng múa.

Trẻ kiên trì khi luyện tập các động tác múa, biết phối hợp vận động tay chân, thân mình một cách nhịp nhàng, khéo léo, biết thể hiện động tác qua nét mặt cử chỉ, điệu bộ. Trẻ có một số kỹ năng kỹ, kỹ xảo múa là thời cơ để trẻ tiếp xúc với nghệ thuật, để phát triển năng khiếu múa và phát triển thể chất cho trẻ ngay từ tuổi ấu thơ.

Đặc biệt múa còn là một trong nhiều hình thức hoạt động gắn liền với Tổ chức hoạt động trong trường mầm non hiện nay với các hoạt động dạy, hoạt động góc âm nhạc, sự kiện ngày lễ, ngày hội hay ở chính gia đình của trẻ. Các chủ đề chủ điểm về quê hương đất nước, Gia đình, mùa xuân v.v cùng các bài hát dễ nhớ, đạo cụ phong phú gần gũi với thiên nhiên giúp trẻ nâng cao trí tưởng tượng, sáng tạo, tài năng của mỗi trẻ.

2.2. Các loại bài múa cho trẻ mẫu giáo

Đối với trẻ mẫu giáo nhỡ do đặc điểm tâm sinh lý mà các bài múa được các tác giả sáng tác thường đơn giản về động tác và đội hình, động tác thường lặp đi lặp lại, đối với mẫu giáo lớn chỉ có 3-4 động tác.

Những bài múa minh họa theo lời ca, những bài múa thường chia làm 3 loại chính:

- Múa sinh hoạt.
- Múa biểu diễn
- Múa minh họa.

a) Múa sinh hoạt:

Múa sinh hoạt cũng gồm các động tác tương đối đơn giản phù hợp với sự tham gia đông đảo trẻ. Những bài múa sinh hoạt mang tính chất dân gian nhiều. Nó mô phỏng cuộc sống hàng ngày của con người. Phần lớn các điệu múa sinh hoạt thường di chuyển theo đội hình vòng tròn, hàng thẳng, vòng cung cùng nhảy múa.

Các động tác múa sinh hoạt nhí nhảnh, vui vẻ, càng tăng thêm tinh thần cộng đồng, tinh thần đoàn kết. Múa sinh hoạt thường đặc trưng của mỗi dân tộc, mỗi miền. ở lứa tuổi mẫu giáo múa sinh hoạt rõ nét là tác phẩm "cùng múa vui", "múa với bạn Tây Nguyên", "trống cơm"

b) Múa biểu diễn:

Múa biểu diễn là một loại múa đòi hỏi phải có nghệ thuật cao hơn so với múa minh họa và múa sinh hoạt. Múa biểu diễn đòi hỏi trẻ phải thực sự thuần thục một số động tác múa cơ bản, góc độ múa, đội hình múa, biết thể hiện cảm xúc theo nội dung tác phẩm múa... Múa biểu diễn là loại múa gây hứng thú nhất đối với trẻ mầm non và nó cũng mang tính giáo dục toàn diện cho trẻ về tri giác, thính giác, thị giác và vận động. Đặc biệt phát triển thẩm mỹ cho trẻ.

Múa biểu diễn thường được các nhà đạo diễn giàn dựng hoặc những người có khả năng về múa và thường được thể hiện trong các ngày lễ hội, biểu diễn trên sân khấu. Hiện nay mẫu giáo lớn đã thể hiện loại múa này tốt hơn và thực trạng hiện nay loại múa này ngày càng được nâng cao ở các trường mầm non.

c) Múa minh họa

Thường sử dụng ở chương trình của trẻ mẫu giáo bé và mẫu giáo nhỡ ít có ở trẻ mẫu giáo lớn. Loại múa này có các động tác đơn giản, phù hợp với nội dung lời hát, tiết tấu của bài hát thể hiện qua động tác minh họa làm cho người thưởng thức hiểu cụ thể hơn về nội dung bài hát, loại múa này mang tính chất nghệ thuật đơn điệu hơn, đội hình đơn giản, phù hợp với mẫu giáo bé.

2.3. Phương pháp dàn dựng múa cho trẻ mẫu giáo lớn

Múa là hoạt động phối hợp giữa âm nhạc và động tác, giúp trẻ phát triển về cảm giác nhịp điệu, sự khéo léo, phản ứng nhanh. Vì thế, phương pháp dạy múa cho trẻ luôn nhận được sự quan tâm nghiên cứu. Hoạt động múa có mối liên hệ chặt chẽ với hoạt động ca hát vì trẻ chỉ có thể múa tốt khi trẻ thuộc bài hát và có cảm nhận về ca từ của bài hát, ngược lại hát kết hợp múa cũng khiến trẻ hứng thú hơn. Mặt khác, muốn bồi dưỡng khả năng múa cho trẻ, người lớn cần có được các phương pháp dạy múa cho trẻ đúng đắn.

a)Phương pháp thị phạm:

Chủ yếu dựa vào khả năng mô phỏng của trẻ bằng cách làm mẫu và hướng dẫn quy trình chuyển động của từng động tác riêng lẻ. Trong quá trình dạy múa cho trẻ, phương pháp này thường xuyên được sử dụng, từ làm mẫu đến hướng dẫn chi tiết và hoàn thiện bài múa.

Ngoài yêu cầu làm mẫu chuẩn xác, phương pháp thị phạm còn yêu cầu người dạy múa cho trẻ giải thích chính xác bằng lời chi tiết và đặc điểm của động tác. Hơn nữa, người dạy còn phải múa đẹp, có hồn và thể hiện được ý nghĩa của động tác đó, có như vậy mới thu hút sự chú ý của trẻ và ảnh hưởng tốt đến việc cảm nhận và thực hiện các động tác của trẻ.

b) Phương pháp thực hành, luyện tập:

Được hiểu là việc thường xuyên cho trẻ làm quen, tập luyện và tiếp xúc với múa thông qua các phương tiện truyền thông, các buổi biểu diễn văn nghệ… Làm như vậy sẽ kích thích sự yêu thích và nảy sinh nhu cầu vận động múa của trẻ. Hơn nữa, thường xuyên tiếp xúc với âm nhạc sẽ có phản ứng gắn với tiết tấu và nhịp điệu của bài hát; do đó trẻ nhanh chóng thực hiện được động tác mình đã xem qua.

Thông qua luyện tập, trẻ sẽ hình thành các kỹ năng và rèn luyện độ chính xác của động tác cũng như độ chuẩn xác trong chuyển động và quy trình thực hiện các động tác múa. Khi cho trẻ luyện tập, để trẻ dễ dàng ghi nhớ, người dạy cần hoán đổi nhịp phách trong bài hát thành những số đếm cụ thể hoặc ca từ.

Những lần đếm cần được căn cứ chính xác theo tiết tấu và số lượng nhịp phách trong bài hát hoặc nhịp điệu.

2.4. Các nguyên tắc biên soạn bài múa

Dựa vào những phương pháp giúp trẻ tiếp cận với hoạt động múa trên đây, chúng ta có các phương pháp sáng tác múa nói chung, múa dân gian dân tộc nói riêng để phù hợp với đối tượng là trẻ mẫu giáo lớn, dựa trên các nguyên tắc biên soạn.

- *Nguyên tắc thứ nhất:* Phù hợp tính chất và nhịp điệu của âm nhạc

Âm nhạc là nền tảng của các động tác múa. Do đó động tác phải xuất hiện từ âm nhạc. Tính chất và nhịp điệu âm nhạc như thế nào thì động tác, tư thế phải như thế. Động tác tư thế phải hòa nhập với âm nhạc sao cho mỗi người khác có thể hình dung ra âm nhạc qua các động tác múa.

- *Nguyên tắc thứ hai:* Các động tác phải mang yếu tố múa

Yếu tố múa trên các động tác thường thể hiện trên phương diện, động tác cho dù đơn giản nhất cũng phải có yếu tố múa. Đặc biệt là sự tạo dáng, đường nét của động tác và tư thế.

+ Động tác diễn đạt 1 ý nhất định

+ Động tác thể hiện một tính chất tiết tấu âm nhạc

+ Động tác có đường nét dáng dấp đẹp

- *Nguyên tắc thứ ba:* Các động tác phải phù hợp với độ tuổi của trẻ

Mục đích của việc sáng tạo động tác là cho trẻ múa hoặc vận động theo nhạc. Do đó các động tác phải căn cứ vào đặc điểm tâm lý và phát triển vận động theo nhau.

+ Trong dàn dựng múa cho trẻ độ tuổi mẫu giáo lớn, như chúng ta đã phân tích về tâm sinh lý và khả năng múa của trẻ ở mục 1và 2, thì việc lựa chọn hình thức thể hiện, sáng tác động tác phù hợp là vấn đề hết sức cần được lưu ý. Đối với việc dàn dựng múa cho trẻ cần xác định các yếu tố âm nhạc phù hợp, âm nhạc đơn giản, trong sáng, vui tươi, các câu nhạc ngắn để phù hợp với nhận thức và thể chất của trẻ.

+ Điều này ở các chất liệu nhạc dân gian là rất phù hợp với trẻ. Động tác phải đúng nhạc, diễn tả được nội dung đẹp hấp dẫn người xem và có nét riêng biệt độc đáo; Đội hình (tuyến hoạt động) cũng có ý nghĩa biểu hiện nhất định như: Vòng tròn thể hiện sự vui chơi, quây quần; Hàng ngang: mạnh mẽ, áp đảo, ổn định; Hàng dọc: trình bày, giao lưu... Ứng với từng đội hình, cần lựa chọn động tác phù hợp. Các động tác, tư thế phải tính đến đạo cụ, trang phục.

Chúng ta có thể căn cứ vào nội dung, hình thức thể hiện mà cho: Một trẻ hay nhiều trẻ múa; lựa chọn hình thức vận động theo nhạc hay múa vui chơi, múa biểu diễn...Khi biên soạn động tác múa, đội hình tuyến múa, các động tác múa phải dựa trên các động tác múa cơ bản đã học và những động tác sinh hoạt của trẻ, những động tác mô phỏng thiên nhiên, nhưng phải được thiết kế theo đúng nội dung nghệ thuật múa. Thường thì trẻ dễ học, tiếp thu tốt các động tác có luật động rõ ràng, nhịp phách dứt khoát, động tác đối xứng, những động tác có biên độ lớn, giác độ và tốc độ vừa phải. Với những phương pháp, nguyên tắc như đã nêu sẽ giúp trẻ tiếp cận và thực hiện được tốt những yêu cầu của người dàn dựng cả về nội dung lẫn hình thức thể hiện.

3. Kết luận

Nghệ thuật múa được sinh ra và phát triển trong quá trình lao động và hoạt động của con người. Trải qua các giai đoạn phát triển của xã hội, của loài người- nghệ thuật múa cũng dần được hoàn thiện và chiếm một vị trí quan trọng trong nền văn hoá dân tộc và trong đời sống văn hoá của xã hội.

Phương pháp dàn dựng múa dựa trên những đặc điểm tâm sinh lý và khả năng hoạt động, cảm thụ nghệ thuật múa của trẻ phải được nắm bắt tìm hiểu một cách có hệ thống, đúng đắn. Tâm hồn trẻ thơ rất nhạy cảm, dễ xúc động với mọi vật xung quanh mối quan hệ giữa con người trong xã hội. Nghệ thuật múa đối với trẻ là một thế giới kỳ diệu không ngừng chuyển động đầy niềm vui, gợi cho trẻ khả năng cảm thụ, lĩnh hội, hiểu cái đẹp, muốn vươn tới cái đẹp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Công Dụng – Trần Chinh, *Tổ chức các hoạt động lễ hội ở trường mầm non*, NXB Giáo dục Việt Nam
2. Nguyễn Thị Hiển (2000), *Nghệ thuật biên đạo múa*, NXB Văn học
3. Nguyễn Ánh Tuyết (2015), *Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non từ lọt lòng đến 6 tuổi*, NXB ĐH Sư phạm

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG DẠY HỌC

♦ ♦ ♦ ♦ ♦

SỬ DỤNG INTERACTION TRONG PHẦN MỀM ISPRING SUITE THIẾT KẾ CÁC NỘI DUNG HỌC TẬP TƯƠNG TÁC

ThS. Nguyễn Thanh Thủy

Khoa Công nghệ thông tin – Giáo dục nghề nghiệp

Tóm tắt: Một số giảng viên Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương đang xây dựng kho học liệu số phục vụ đào tạo trực tuyến trên hệ thống LMS của Nhà trường như: bài giảng điện tử, bài giảng E-Learning, video tương tác, sách lật, v.v. trong đó phần mềm iSpring Suite 11 hiện đang được sử dụng để tạo ra nhiều học liệu điện tử. Trong bài viết này, tác giả sẽ giới thiệu về phần mềm và hướng dẫn cách tạo bài tập tương tác để có thêm một học liệu hữu ích đưa lên hệ thống đào tạo trực tuyến LMS cũng như giúp quá trình dạy và học hấp dẫn hơn.

Từ khóa: *ISpring Suite, bài tập tương tác, Interaction*

1. Đặt vấn đề

Interaction (tương tác) là một chức năng rất hay của iSpring Suite. Khi thiết kế E-Learning, nếu biết sử dụng chức năng này người giáo viên có thể tạo ra những sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh, v.v mà người học có thể tương tác trực tiếp, ghi nhớ nội dung học tập tốt hơn. Qua bài viết này các thầy cô sẽ biết cách tạo ra một kho từ điển tương tác, có thể ứng dụng vào nhiều môn học làm cho bài giảng elearning thêm hấp dẫn và chuyên nghiệp.

2. Nội dung

2.1. Giới thiệu về phần mềm iSpring Suite

a)Giới thiệu

ISpring Suite là bộ công cụ soạn bài giảng, giáo án điện tử (E-Learning) dựa trên PowerPoint được sản xuất bởi iSpring Solutions, cho phép người dùng tạo các khóa học trực tuyến dựa trên slide, câu hỏi, hộp thoại mô phỏng tình huống, screencasts, bài giảng video và các tài liệu học tập tương tác khác. Các bài giảng, giáo án đầu ra được xuất bản trong HTML5. Các khóa học trực tuyến do iSpring tạo ra tương thích với các tiêu chuẩn hệ thống quản lý học tập LMS (Learning Management System) sau: SCORM 1.2, SCORM 2004, AICC, xAPI (Tin Can) và cmi5 [1]

b)Sơ lược về cách sử dụng phần mềm

iSpring Suite sau khi được cài đặt sẽ tích hợp hoàn toàn với PowerPoint và được tối ưu hóa dành cho các thiết bị di động. Phần mềm có thể:

- Tạo nội dung bài giảng với course

Course liên kết trực tiếp với PowerPoint. Đây là nơi người dùng iSpring tạo bài giảng chuẩn E-learning. Course cho phép tạo nội dung trực tiếp với các công cụ được tích hợp trên PowerPoint.

- Tạo câu hỏi trắc nghiệm quizzes

Bước 1. Giáo viên có thể sử dụng Quizzes để tạo các bài khảo sát, các dạng câu hỏi lựa chọn cho các trò chơi.

Bước 2. Giáo viên có thể lựa chọn câu hỏi và có thể tạo câu hỏi không hạn chế số điểm cũng như lựa chọn cách trả lời các đáp án.

Bước 3. Giáo viên có thể điều chỉnh nội dung với giao diện giống như trên PowerPoint trong phần slide view, cho phép thay đổi khung hình và font chữ.

Bước 4. Ấn vào Preview hoặc phím F5 để chạy thử kết quả.

Bước 5. Giáo viên có thể xuất câu hỏi trắc nghiệm ra định dạng file hay chèn vào PowerPoint

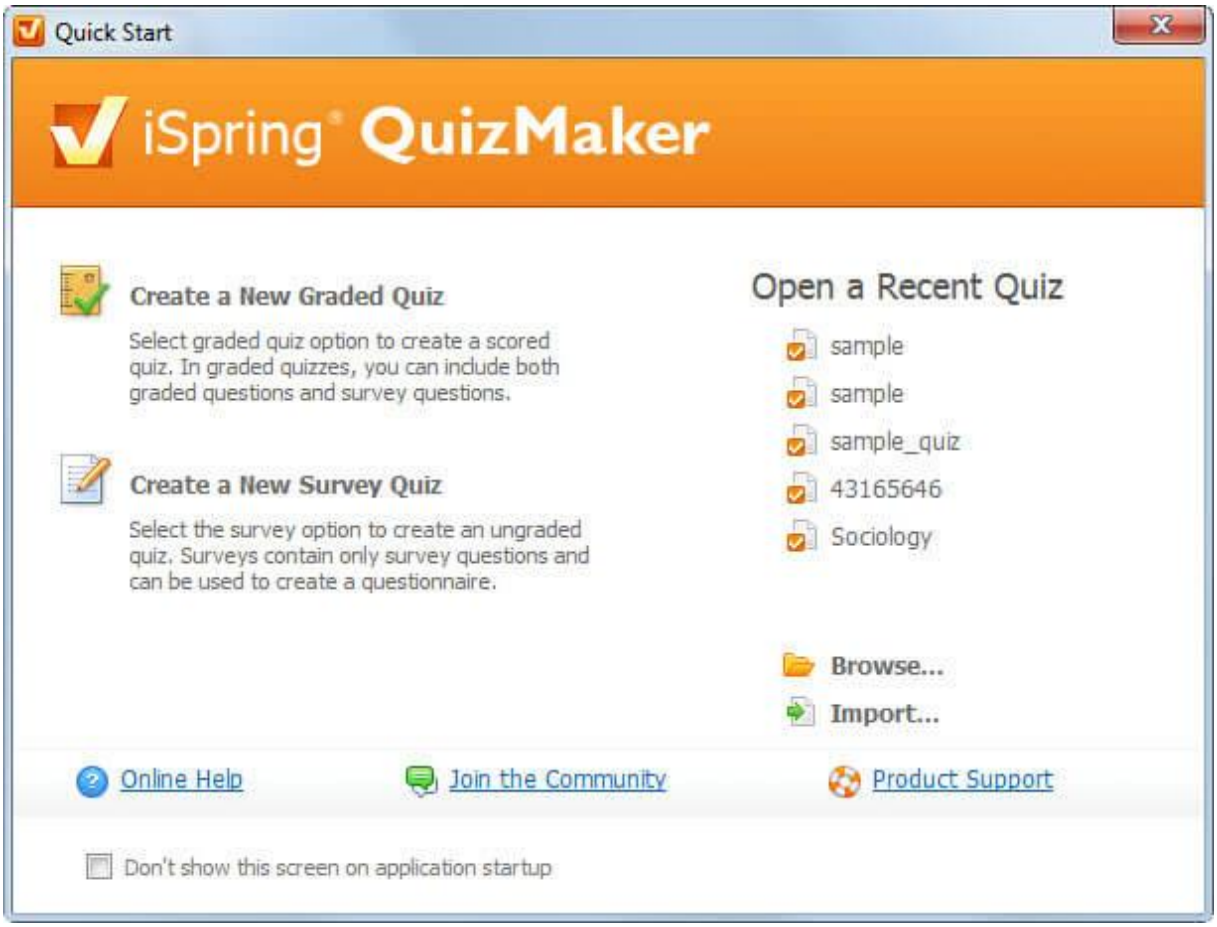

- Tạo nội dung lựa chọn với Simulations

Bước 1. Simulations là cho phép giáo viên tạo bài giảng chuẩn E-Learning theo kiểu lựa chọn các câu hỏi và tương tác, phần này khá đặc biệt vì các nội dung tương tác có thể liên kết với nhau tạo ra các kết quả theo ý của người dùng.

Bước 2. Ở mỗi bảng thông số sẽ có nội dung tiêu đề cùng các giá trị con của nó, người dùng có thể thêm không giới hạn các giá trị con. Mỗi giá trị con tương ứng với một lựa chọn cho người dùng.

Bước 3. Sau khi tạo xong được một bảng. Để tạo một bảng tương tự bằng cách click chuột phải ra ngoài chọn New Scene.

Bước 4. Nhập nội dung

Bước 5. Liên kết các mục con của nội dung chính sang các bảng và sau đó liên kết các mục con vào lại nội dung chính.

Bước 6. Chạy thử.

- Tạo tương tác với Interactions

Interactions sẽ giúp tạo ra nhiều kiểu biểu diễn hiển thị nội dung khác nhau như kiểu các bước step, timeline, kiểu trọng tâm hospot, v.v. Tại mỗi phần đều có hình minh họa từ trước để người dùng khi sử dụng iSpring tạo bài giảng chuẩn E-Learning có thể tự chỉnh sửa và làm theo.

- Tạo và chỉnh sửa video với Screencast

Screencast bao gồm quay màn hình cũng như việc chỉnh sửa video ở mức độ cơ bản để phục vụ thêm các nội dung video theo chuẩn E-Learning. Người dùng có thể sử dụng các bức ảnh ghép sẵn hoặc video quay màn hình trong Screencast để tạo ra nội dung cho riêng mình. Screencast về cơ bản hoạt động khá giống với Camtasia Studio trên máy tính.

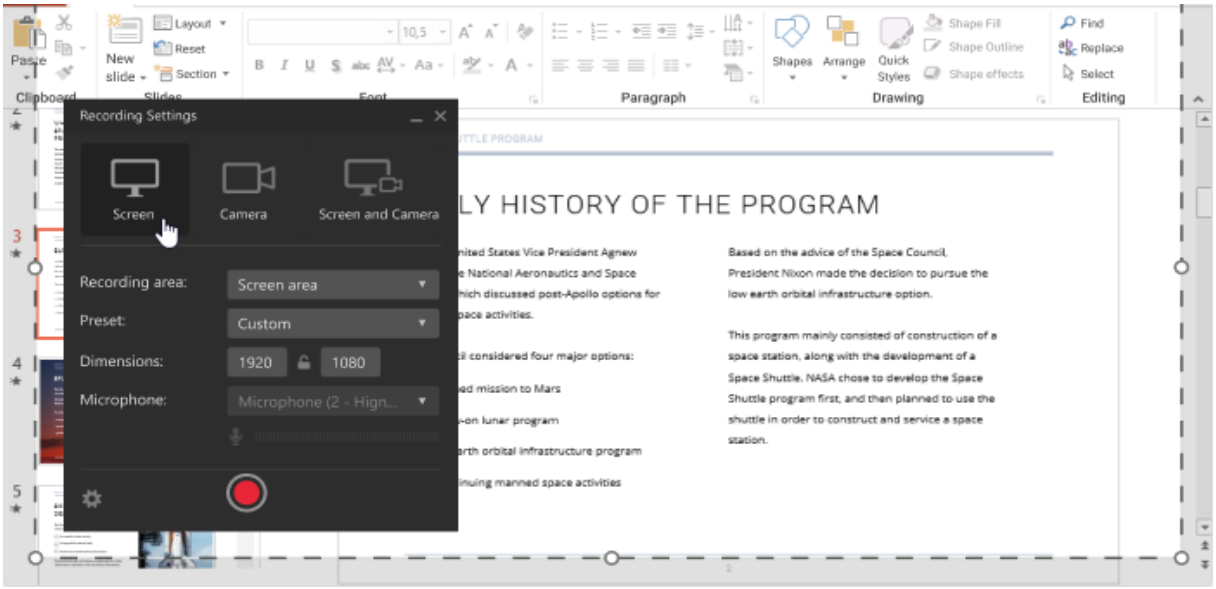

Tóm lại để tạo một bài giảng E-Learning sử dụng phần mềm iSpring Suit cần có 8 bước sau:

Bước 1: Soạn một bài giảng bằng chương trình PowerPoint như bình thường.

Bước 2: Tiến hành ghi âm ghi hình và đồng bộ.

Bước 3: Chèn bài tập trắc nghiệm, tương tác, hoạt cảnh, quay màn hình, chèn YouTube và Wed Object (nếu cần).

Bước 4: Thiết lập thông tin giáo viên và nhà trường.

Bước 5: Thiết lập thuộc tính cho slide.

Bước 6: Thiết lập các tùy chọn trong player.

Bước 7: Preview để xem trước và kiểm tra lại toàn bộ bài giảng lần cuối.

Bước 8: Publish để xuất bản bài giảng ra các định dạng đầu ra theo yêu cầu.

2.2. Vai trò của phần mềm iSpring Suite

iSpring Suite – một trong những công cụ hỗ trợ đắc lực nhất giúp thiết kế bài giảng E-Learning. iSpring Suite cũng hỗ trợ tạo các câu hỏi trắc nghiệm tương tác trong bài giảng E-Learning. Bộ sản phẩm iSpring Suite được tích hợp 3 phần mềm. Bao gồm phần mềm chuyên dùng soạn bài thi trắc nghiệm và khảo sát trực tuyến – iSpring QuizMaker. Phần mềm iSpring Pro – tích hợp nhiều công cụ hỗ trợ soạn bài giảng theo chuẩn E-Learning. Và phần mềm chuyên dùng biên tập sách điện tử – iSpring Kinetics. iSpring đặc biệt phù hợp khi giáo viên cần đóng gói bài giảng trong khoảng thời gian ngắn hoặc khi muốn tận dụng những tài liệu có sẵn ở dạng PowerPoint, Word, PDF,..

Hiệu quả của E-Learning cao hơn so với cách học truyền thống do E-Learning có tính tương tác cao dựa trên multimedia, tạo điều kiện cho người học trao đổi thông tin dễ dàng hơn, cũng như đưa ra nội dung học tập phù hợp với khả năng và sở thích của từng người. E-Learning đang trở thành xu thế tất yếu trong nền kinh tế tri thức.

2.3. Các dạng bài tập tương tác tạo ra từ iSpring Suite

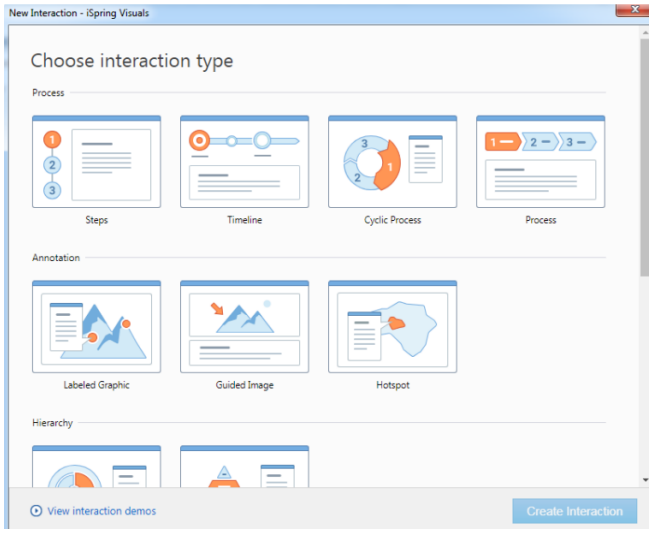

Ở phiên bản hiện tại, iSpring Suite 11 cung cấp 12 dạng bài tập tương tác. Theo mục đích thiết kế, người dùng sẽ lựa chọn các dạng bài tập tương tác sao cho phù hợp.

Chi tiết của 12 bài tập tương tác được liệt kê dưới đây.

- **Steps** (nhịp độ): Tạo các hướng dẫn từng bước từng bước một và người dùng có thể thêm các hình minh họa hoặc đoạn phim nếu muốn.

- **Timeline** (mốc thời gian): Cho phép hiển thị một cách trực quan các sự kiện theo thứ tự thời gian. Một khoảng thời gian lớn có thể được chia thành các giai đoạn nhỏ bao gồm các sự kiện liên quan.

- **Cyclic Process** (Quy trình chu kỳ): Cho phép người dùng tạo ra một sơ đồ tuần hoàn và kèm theo đó là các mô tả chi tiết.

- **Labeled Graphic** (Đánh dấu đồ họa): Cho phép người dùng thêm chú thích vào các đối tượng trong một bức ảnh, bản đồ hoặc sơ đồ và người dùng có thể đặt thêm tên, thêm nhận xét cho từng đối tượng.

- **Guided Image** (Hình ảnh hướng dẫn): Cho phép người dùng làm nổi bậc các đối tượng trong một bức ảnh và thêm mô tả chi tiết cho các đối tượng này.

- **Hotspot** (Điểm nóng): Cho phép người dùng vẽ các điểm lên hình có sẵn và điểm đó sẽ được tô sáng khi người dùng di chuột qua nó. Người dùng có thể thêm mô tả cho mỗi vùng, chọn hình dạng và màu sắc theo ý muốn.

- **Circle Diagram** (Biểu đồ hình tròn): Cho phép xây dựng mối quan hệ giữa các đối tượng và các khái niệm trong một sơ đồ hình tròn. Người dùng có thể chia một sơ đồ thành các lớp, phân đoạn và chọn các màu khác nhau cho từng loại.

- **Glossary** (Bảng chú giải): Cho phép người dùng tạo ra một bảng thuật ngữ hoặc hướng dẫn hoặc mục lục.

- **Media Catalog** (Danh mục phương tiện): Cho phép người dùng tạo các danh mục để người học có thể nhanh chóng tìm thấy các thông tin cần thiết. Mỗi thẻ bao gồm một lời giải thích rõ ràng và các ví dụ minh họa.

- **FAQ** (Câu hỏi thường gặp): Cho phép người dùng tạo ra danh sách các câu hỏi thường gặp và câu trả lời cho một chủ đề cụ thể nào đó.

- **Accordion** (đàn accordion): Cho phép người dùng trình bày thông tin một cách bắt mắt dưới dạng đàn accordion và người dùng có thể dễ dàng chèn thông tin vào biểu mẫu do

- **Tabs** (Nhãn mác): Cho phép người dùng trình bày thông tin dưới dạng Tab.

2.4. Các bước tạo bài tập tương tác

Phần dưới đây sẽ hướng dẫn các bước tạo bài tập tương tác một cách chi tiết. Người dùng đọc có thể tự học các dạng bài tập khác vì bản chất các bước không khác nhau nhiều.

- Bước 1: Người dùng nhập iSpring Suite 11 => Chọn Interaction.

- Bước 2: Hộp thoại iSpring Visuals, chọn New Interaction.

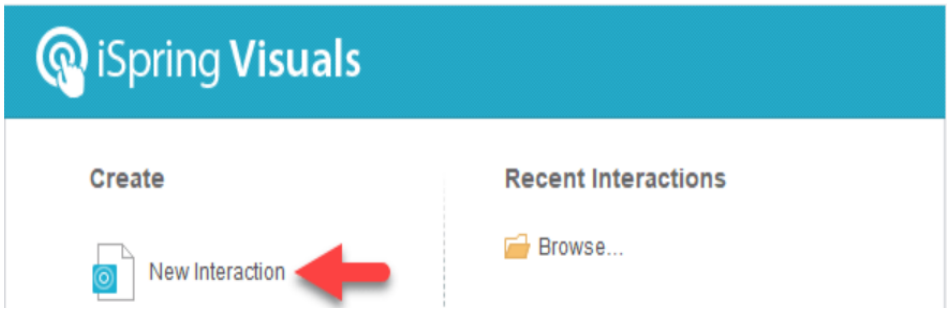

- Bước 3: Chọn loại bài tập tương tác mà người dùng muốn tạo, chẳng hạn chọn Steps => Chọn Create Interaction.

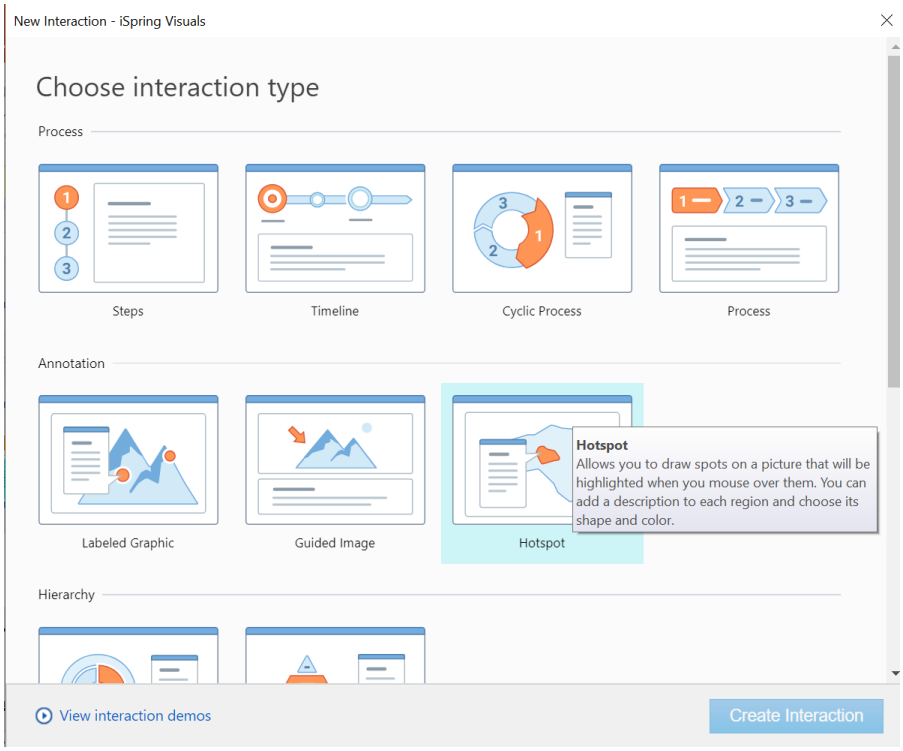

- Bước 4: Trước khi tạo một bài tập tương tác nào đó, cần phải thay đổi kích thước khung hiển thị, tiêu đề hiển thị trên slide bài tập này, màu sắc các nút điều hướng… tiến hành như sau: chọn **Properties** → Nhập nội dung trong mục **Title**

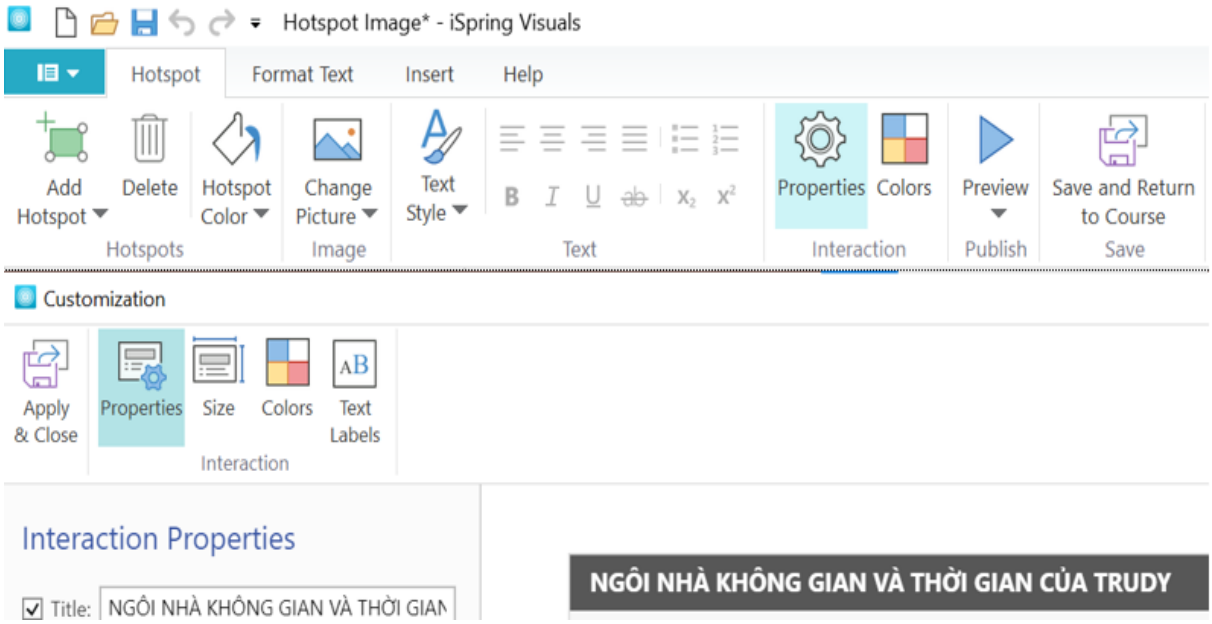

Mục Size chọn cỡ 16:9

Mục Colors: quan tâm tới 3 màu Page background (nên chọn màu trắng giúp người học tập trung hơn vào bài trình chiếu), Player background (thường để màu xám nhẹ), Button background (giống màu chủ đạo trên bài trình chiếu).

Mục Text Labels: việt hóa hai nút PREV, NEXT (theo đúng nội dung việt hóa trong Quizs)

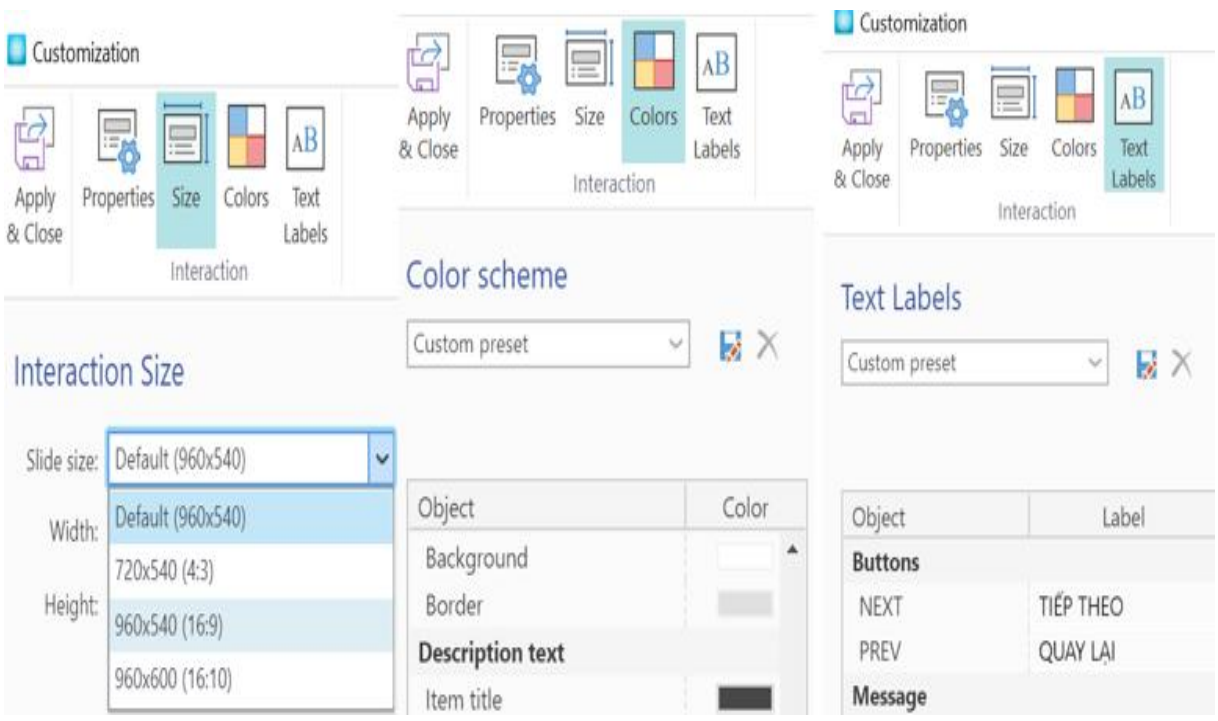

Sau đó **nhấn Apply & Close**

- Bước 5: Nhập nội dụng của bài tập tương tác (nhập các bước và nội dung từng bước). Sau khi nhập xong có thể thêm bước, định dạng lại phông chữ, cỡ chữ, kiểu chữ, màu chữ, nền, canh lề, v.v.

Ngoài ra có thể vào thực đơn **Format Text** để định dạng lại kí tự và đoạn văn bản hoặc vào Insert để chèn hình ảnh, đoạn phim, đoạn âm thanh, liên kết, định dạng, phương trình, kí hiệu đặc biệt, v.v.

Ý nghĩa của các thực đơn và các nút chức năng được trình bày ngay bên dưới.

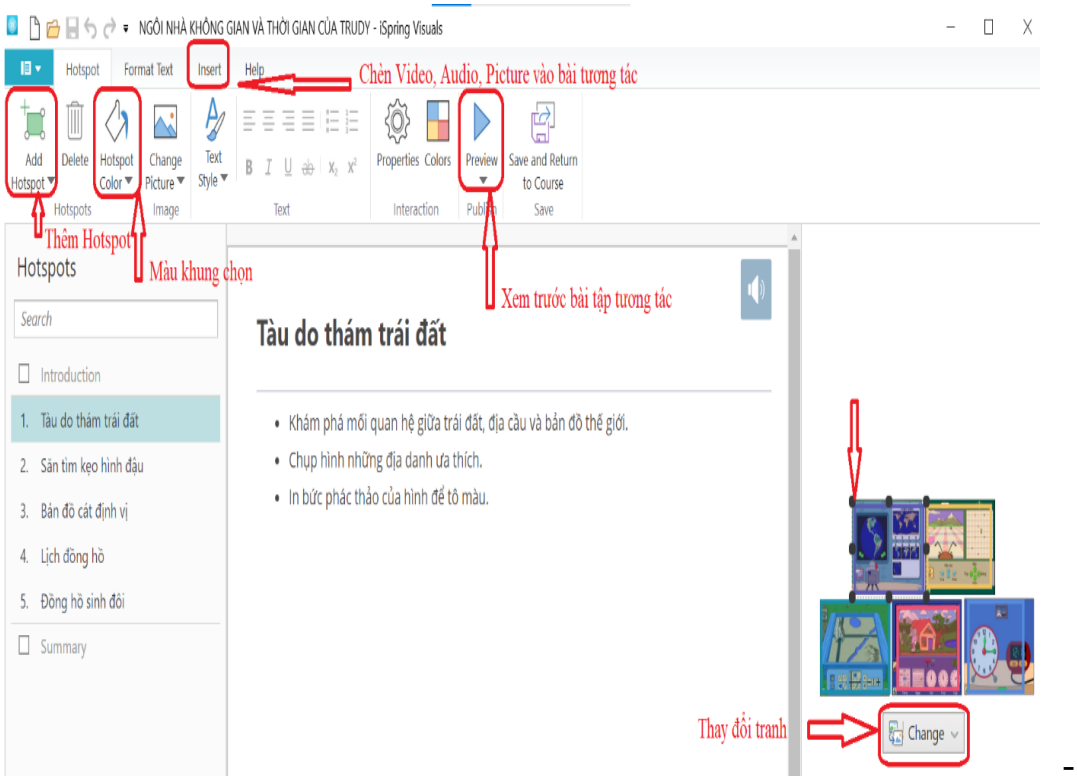

Bước 6: Chọn **Save and Return to Course** để quay lại giao diện bài giảng trên PowerPoint

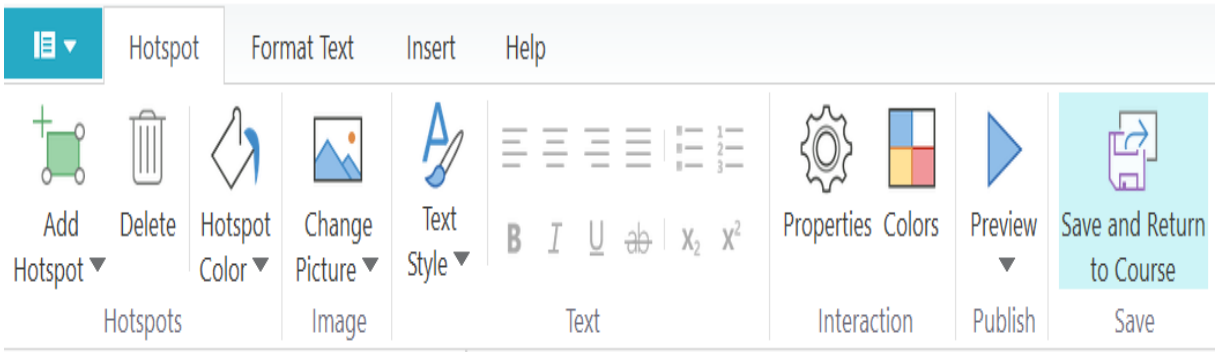

Đến đây xem như đã tạo thành công một bài tập tương tác, giao diện của bài tập như hình bên dưới và có thể định dạng lại để nó sinh động và hập dẫn hơn.

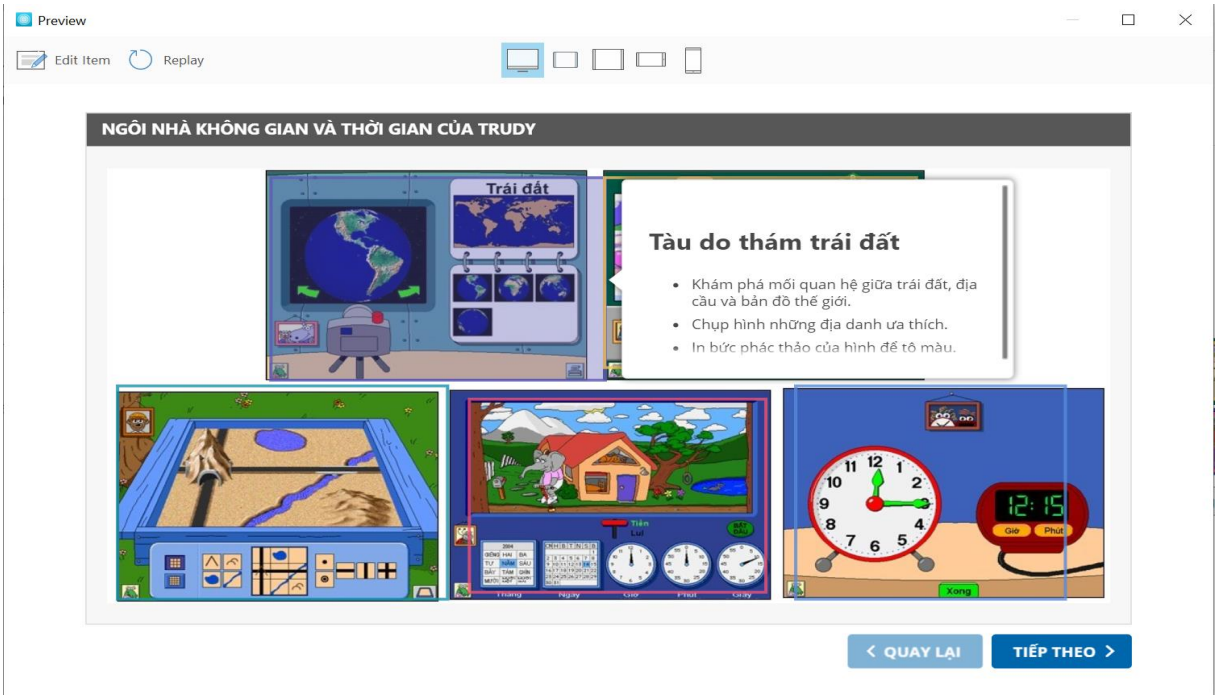

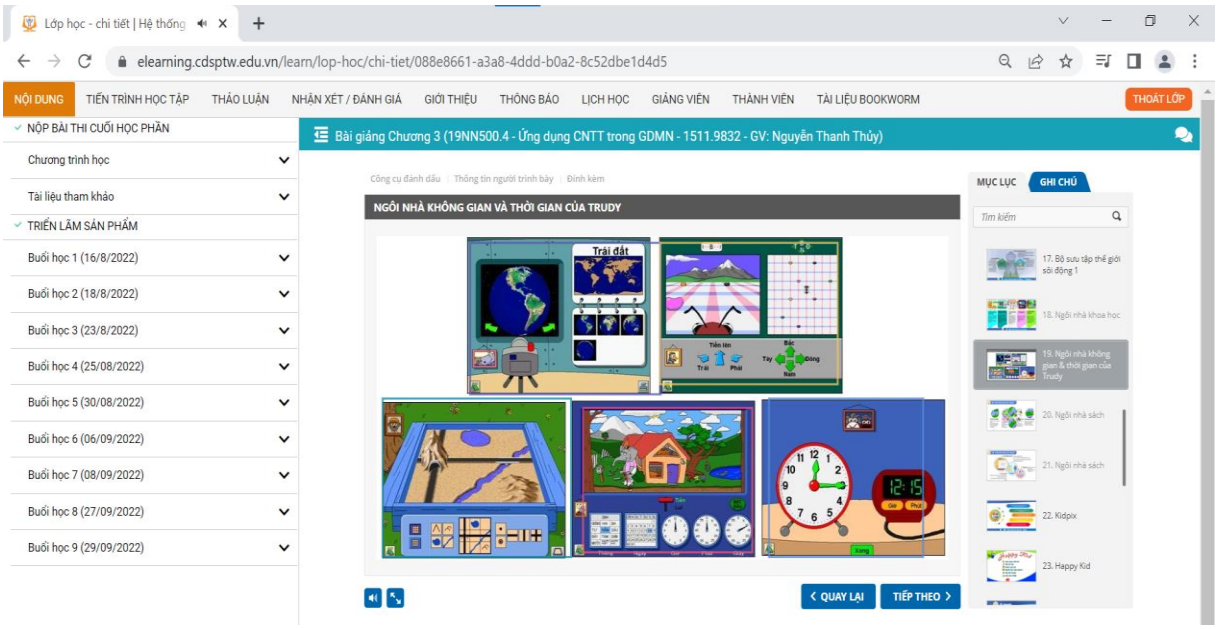

2.5. Áp dụng vào công tác soạn, giảng trong Nhà trường

a)Với giảng viên

Khi thiết kế E-Learning, giáo viên sử dụng công cụ này có thể tạo ra những sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh…mà người học có thể tương tác trực tiếp. Bên cạnh đó, giáo viên cũng có thể tạo ra một kho từ điển tương tác, có thể ứng dụng vào môn tiếng Việt, các môn ngoại ngữ hoặc các môn có nhiều từ ngữ chuyên ngành, lịch sử, sinh học…

b)Với giáo viên mầm non

Đối với trẻ mầm non, các bài tập tương tác sẽ giúp trẻ dễ tiếp thu và hứng thú hơn trong học tập vì vậy, các cô giáo mầm non cần đẩy mạnh hơn việc sử dụng các phần mềm có tính tương tác tạo các tiết học hay cho trẻ.

3. Kết luận

Bài giảng E-Learning có thêm bài tập tương tác sẽ giúp hoạt động dạy và học hiệu quả hơn. Tùy thuộc vào các môn học mà các thầy cô lựa chọn và xây dựng bài tập tương tác để phát huy cao nhất tính tự chủ của người học. ISpring Suite cung cấp đầy đủ các chức năng để thầy cô có thể tạo ra các bài giảng hấp dẫn, phù hợp với mục đích giảng dạy của mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. https://licensesoft.vn/ispring-suite.htm
2. https://phanmemfree.org/cach-tao-bai-tap-tuong-tac-interaction-bang-ispring-suite/
3. https://hocviencanboxd.edu.vn/cach-tao-bai-tap-tuong-tac-interaction-bang-ispring-suite/
4. https://camnanggiaoduc.org/phan-mem/huong-dan-ispring-suite.html

TÍCH HỢP HỆ THỐNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ HỆ THỐNG QUẢN LÝ HỌC TẬP TRỰC TUYẾN HƯỚNG TỚI HÌNH THỨC HỌC TẬP KẾT HỢP TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG

ThS.Trần Nguyên Hương
Khoa Công nghệ thông tin-Giáo dục nghề nghiệp
ThS. Vũ Mạnh Điệp
Khoa Giáo dục Mầm non

Tóm tắt: Hệ thống phần mềm ngày càng có vai trò quan trọng trong việc quản lý, tổ chức các hình thức học tập ở các cơ sở giáo dục nói chung và ở trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương nói riêng. Hiện nay, Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương đã được trang bị hệ thống phần mềm Quản lý đào tạo và hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến (LMS). Hai hệ thống có chức năng riêng, nhưng có nhiều dữ liệu dùng chung và cùng hướng tới tổ chức quản lý hoạt động đào tạo và học tập. Hai hệ thống hiện nay đã được tích hợp thành hệ thống hoàn chỉnh. Bài viết này sẽ trình bày về hệ thống quản lý đào tạo, hệ thống LMS, các nội dung tích hợp; những hiệu quả mang lại sau khi tích hợp và cuối cùng là một số đề xuất, kiến nghị để tổ chức đào tạo theo hình thức kết hợp được hiệu quả.

Từ khóa: *Phần mềm, hệ thống quản lý học tập, LMS, đào tạo kết hợp.*

1. Đặt vấn đề

Trong hoạt động đào tạo tại các trường đại học và cao đẳng đều sử dụng các phần mềm để hỗ trợ, quản lý hoạt động dạy học, quản lý kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên. Sử dụng các phần mềm làm tăng mức độ tin cậy, giảm thời gian, công sức và chi phí cho người dạy, người học. Các hình thức dạy học hiện nay đã đa dạng hơn, đặc biệt là sau đại dịch Covid 19. Đối với đào tạo theo hình thức chính quy và vừa làm vừa học, tối đa 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo được thực hiện bằng lớp học trực tuyến (thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày ngày 18/3/2021 của bộ GD&ĐT ban hành Quy chế Đào tạo trình độ đại học). Do vậy, để có một hệ thống phần mềm đáp ứng được nhu cầu đào tạo, học tập theo mô hình kết hợp là thực sự cần thiết.

2. Nội dung

2.1. Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo

Hệ thống thống phần mềm Quản lý Đào tạo (QLĐT, gọi tắt là hệ thống QLĐT) của Trường CĐSPTƯ được xây dựng với mục đích quản lý hoạt động đào

tạo theo hình thức tín chỉ. Phần mềm do trung tâm Đảm bảo Chất lượng của trường Đại học Công nghiệp phát triển theo đặt hàng của Nhà trường từ năm 2015. Qua nhiều lần nâng cấp, sửa đổi cho phù hợp thực tiễn, đặc biệt là sự thay đổi của quy chế đào tạo, quy chế quản lý tài chính và quy chế xét điểm rèn luyện cho sinh viên, v.v. hệ thống ngày càng trở lên thận thiện và đáp ứng tốt yêu cầu của người dùng. Địa chỉ truy cập vào hệ thống là qldt.cdsptw.edu.vn.

Hệ thống phần mềm liên thông trong toàn trường gồm các mô-đun: quản lý hoạt động đào tạo, quản lý ký túc xá, quản lý sinh viên, quản lý thu học phí trong đào tạo tín chỉ, v.v.

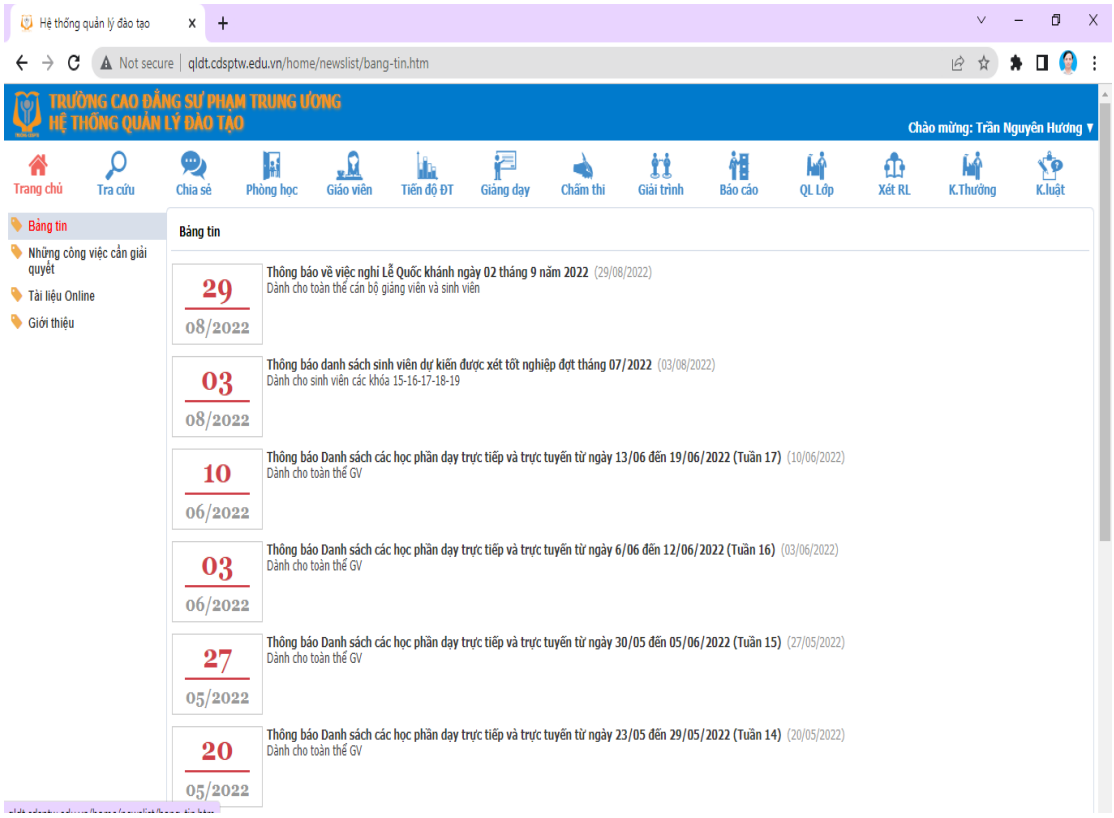

Hình 1: Màn hình giao diện của hệ thống QLĐT

Hệ thống QLĐT hiện nay gồm các chức năng như: Quản lý giảng viên, quản lý tiến độ đào tạo, quản lý giảng dạy, xây dựng kế hoạch thi, tổ chức thi, chấm thi, phúc tra, xét tốt nghiệp, quản lý lớp, xét điểm rèn luyện, khen thưởng, kỷ luật, hồ sơ sinh viên, thủ tục hành chính, diễn đàn trao đổi, tìm kiếm thông tin, quản lý chương trình đào tạo, quản lý tài chính, đăng ký học tập, phân quyền người dùng, quản lý phòng học, quản lý điện nước, v.v. Các chức năng của hệ thống đa dạng, phong phú, đáp ứng hầu hết các hoạt động đào tạo của Nhà trường.

Hệ thống QLĐT được đưa vào sử dụng nhiều năm nay và là công cụ quản lý hiệu quả trong đào tạo tín chỉ của Nhà trường. Mỗi người dùng có một tài khoản đăng nhập sử dụng và đảm bảo tính bảo mật. Hầu hết các giảng viên, chuyên viên,

lãnh đạo các đơn vị liên quan, học sinh sinh viên sử dụng phần mềm và đánh giá cao. Tuy nhiên, đây chỉ là hệ thống QLĐT đơn thuần, không có chức năng quản lý hoạt động đào tạo trực tuyến. Nếu xây dựng thêm chức năng QLĐT trực tuyến, hệ thống sẽ trở lên cồng kềnh và đặc biệt là phải đầu tư lớn về kinh phí.

2.2. Hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)

Hệ thống quản lý học trực tuyến (Learning Management System – LMS) của Trường CĐSPTƯ được xây dựng từ năm 2020 và được bổ sung hoàn thiện vào năm 2022. Địa chỉ truy cập hệ thống elearning.cdsptw.edu.vn.

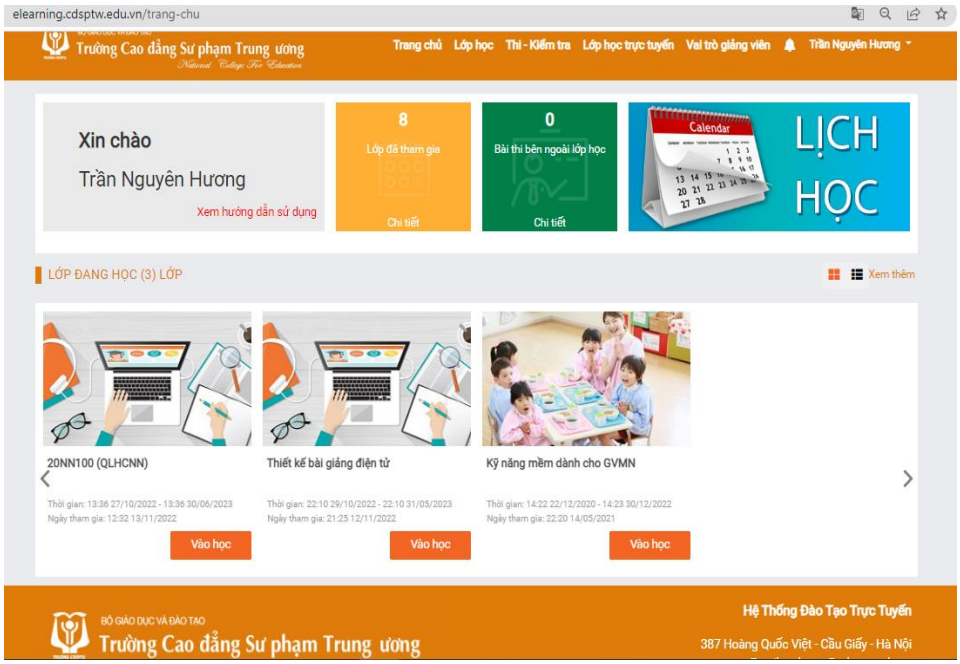

Hình 2: Màn hình giao diện của hệ thống LMS

Hệ thống được trang bị theo dự án thuộc Đề án 33 (Quyết định số 33/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Đề án Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục mầm non giai đoạn 2018 – 2025).

Hệ thống bao gồm các phân hệ/chức năng chính sau:

a) Phân hệ cho người học: Xem danh sách lớp học của cá nhân; Xem danh sách bài thi, kiểm tra bên ngoài lớp học; Tìm kiếm lớp học; Đăng ký/rút đăng ký lớp học; Xem cấu trúc nội dung trong lớp học; Khai thác nội dung bài giảng video; Khai thác nội dung bài giảng Scorm/xapi; Phóng to/nhu nhỏ màn hình xem bài giảng; Chuyển bài trước, bài sau khi xem bài giảng; Lựa chọn xem tiếp bài giảng đang học trong lớp học; Xem tổng quan kết quả học tập; Xem chi tiết lịch sử truy cập lớp học; Xem thông báo, tin tức trong lớp học; Làm bài kiểm tra trong lớp học; Xem danh sách bài tập luận, câu hỏi mở; Nộp bài tập luận, câu hỏi mở; Xem kết quả bài tập luận, câu hỏi mở (sau khi người quản lý chấm điểm); Tìm kiếm bài thi, kiểm tra bên ngoài lớp học; Xem thông tin bài thi, kiểm tra bên ngoài lớp học.

b) Phân hệ cho người QLĐT: Quản lý lớp học và nội dung học tập, quản lý chương trình bồi dưỡng, quản lý môn học, quản lý thông tin và nội dung lớp học, quản lý danh sách học viên trong lớp học, quản lý ngân hàng câu hỏi, quản lý bài kiểm tra; quản lý điểm, tiến trình học tập của học viên, quản lý hoạt động của giảng viên, quản lý khảo sát. Thư viện số: Khai thác thư viện, tài liệu do người quản trị chia sẻ, quản lý thu phí dịch vụ.

c) Phân hệ diễn đàn, trao đổi: Trao đổi qua diễn đàn trong lớp học, trao đổi riêng thông qua chat.

d) Phân hệ quản trị hệ thống: Quản lý danh sách danh mục dữ liệu dùng chung, Quản lý các vai trò trên hệ thống; đặt lại mật khẩu cho người dùng; thiết lập tùy chọn bảo mật khi đăng nhập; thiết lập bảo mật hệ thống; thiết lập sao lưu dữ liệu hệ thống; xem log hệ thống; quản lý người dùng.

Ứng dụng trên thiết bị di động (Android, iOS): Đăng nhập trên thiết bị di động; Xem danh sách lớp học của cá nhân trên thiết bị di động; Khai thác thông tin lớp học trên thiết bị di động; Xem trạng thái hoàn thành của từng nội dung trong lớp học; Xem cấu trúc nội dung trong lớp học trên thiết bị di động; Khai thác nội dung bài giảng video trên thiết bị di động; Khai thác nội dung bài giảng Scorm/ xapi trên thiết bị di động; Xem chi tiết lịch sử truy cập lớp học trên thiết bị di động; Làm bài kiểm tra trong lớp học trên thiết bị di động; Xem lại lại kết quả bài kiểm tra trong lớp học trên thiết bị di động (sau khi đã kết thúc).

- Nhóm chức năng quản lý lớp học ảo: Quản lý lớp học ảo chạy độc lập (không gắn với lớp học elearning); Quản lý lớp học ảo tích hợp trong lớp học elearning.

- Nhóm chức năng cho thành viên lớp học ảo - liveclass trên nền web: Tạo thông tin lớp học; Tạo danh sách học viên; Tạo nội dung liveclass (Google meet, MS Team, Zoom, Liveclass).

- Nhóm chức năng cho giảng viên tiến hành triển khai, quản lý lớp học: Quản lý học viên lớp học; Quản lý thảo luận trong lớp học; Tham gia giảng dạy.

3. Tích hợp hệ thống QLĐT và hệ thống QLĐT trực tuyến

Hệ thống QLĐT và hệ thống LMS là hai hệ thống riêng biệt. Khi tổ chức lớp học trực tuyến, cả hai hệ thống đều có các thông tin giống nhau như danh sách các học phần, các lớp học phần, danh sách người học, danh sách người dạy, v.v. Hai hệ thống riêng biệt nên người dùng phải tạo các danh sách trên ở cả hai hệ thống. Hơn nữa sau khi kiểm tra đánh giá điểm trên LMS thì giảng viên lại phải lấy điểm trên hệ thống LMS để nhập (bằng tay) vào hệ thống QLĐT. Điều này sẽ mất thời gian,

nhập/xuất dữ liệu và nguy cơ dẫn đến sai sót rất cao. Do vậy cần tích hợp hai hệ thống để không phải thực hiện lại các công việc trên là việc làm hết sức cần thiết. Trong hạng mục dự án "Cải tạo hạ tầng CNTT và LMS" thuộc Đề án 33 năm 2022, khoa CNTT-GDNN đã chủ động làm việc với cả Trường đại học Công nghiệp và Tập đoàn Trí Nam để tích hợp hai hệ thống lại với nhau. Trong quá trình làm việc, lãnh đạo khoa CNTT-GDNN đã thường xuyên trao đổi với lập trình viên của Tập đoàn Trí Nam làm rõ yêu cầu tích hợp, kiểm tra giám sát và thử nghiệm hệ thống để kịp thời đề nghị bổ sung chỉnh sửa.

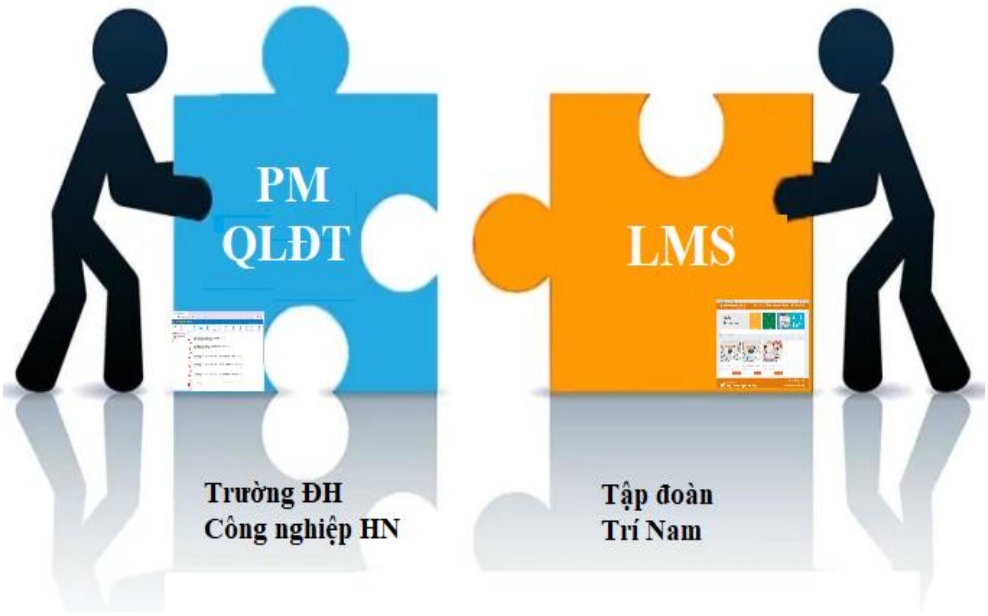

Hình 3: Mô phỏng hoạt động tích lợp Hệ thống QLĐT và Hệ thống LMS

Các hạng mục tích hợp, đồng bộ như sau:

STT	Nội dung tích hợp/đồng bộ	Hệ thống nguồn	Hệ thống đích
1	Danh mục cơ cấu tổ chức	QLĐT	LMS
2	Danh sách Học phần	QLĐT	LMS
3	Đề cương chi tiết học phần	QLĐT	LMS
4	Danh mục Loại điểm đánh giá	QLĐT	LMS
5	Tài khoản và thông tin người dùng	QLĐT	LMS
6	Lớp học phần	QLĐT	LMS
7	Danh sách sinh viên trong Lớp học phần	QLĐT	LMS
8	Thông tin giảng viên của lớp học phần	QLĐT	LMS

9	Thông tin thời khóa biểu, lịch giảng dạy lớp học phần	QLĐT	LMS
10	Cập nhật Thông tin giảng viên lớp học phần	QLĐT	LMS
11	Thay đổi Sinh viên của lớp học phần	QLĐT	LMS
12	Điểm kiểm tra, điểm thi	LMS	QLĐT
13	Tích hợp Đăng nhập một cửa SSO		

Sau khi được tích hợp/đồng bộ thì tất cả thông tin có số thứ tự từ 01 đến 11 sẽ giống nhau ở cả hai hệ thống QLĐT và LMS. Thông tin có số thứ tự 12, điểm thi sẽ được chuyển từ LMS về hệ thống QLĐT, điều này giáo viên sẽ không phải xuất dữ liệu trên LMS và nhập lại vào hệ thống QLĐT. Thông tin có số thứ tự 13 "Tích hợp đăng nhập một cửa SSO" nghĩa là người dùng chỉ cần dùng tài khoản đã được cấp trên hệ thống QLĐT để đăng nhập LMS.

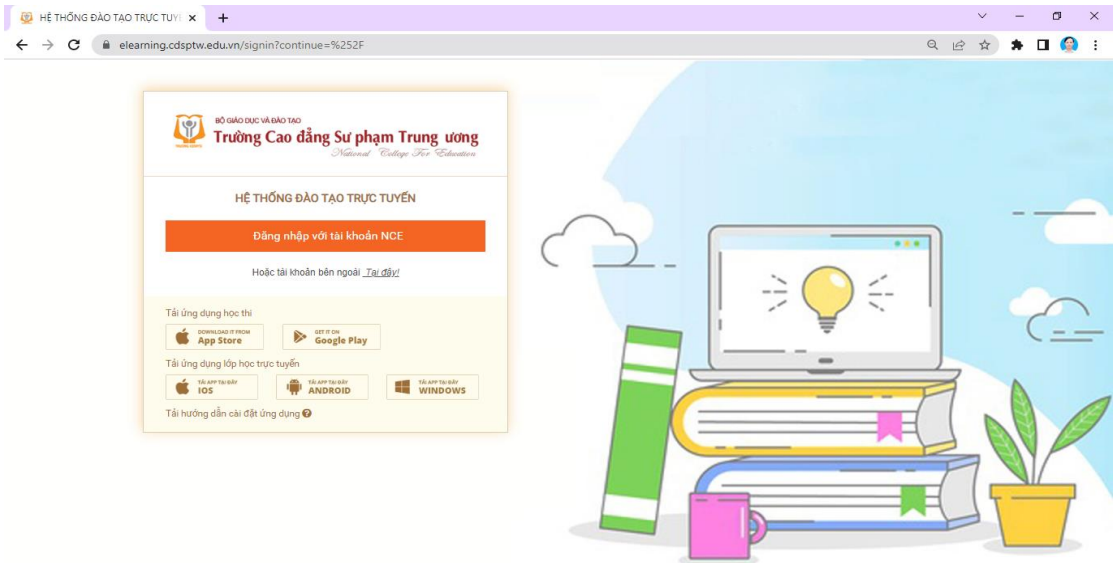

Hình 4: Màn hình đăng nhập vào LMS (một cửa SSO)

2.4. Hiệu quả của hệ thống phần mềm sau khi tích hợp

Sau khi hai hệ thống phần mềm đã được tích hợp, dữ liệu đã được đồng bộ và hệ thống đã đưa vào sử dụng. Hiệu quả mang lại của tích hợp như sau:

- Tạo sự thống nhất thông tin chung như: Tên đơn vị trong trường, tên và tài khoản người dùng; danh mục học phần, đề cương chi tiết; danh sách lớp học phần, danh sách sinh viên trong lớp học phần, thông tin giảng viên của lớp học phần, thông tin thời khóa biểu, lịch giảng dạy lớp học phần; cập nhật thông tin giảng viên lớp học phần; thay đổi sinh viên của lớp học phần.

- Các lớp học phần đã tạo ra trên hệ thống QLĐT, sau khi được phê duyệt trên hệ thống QLĐT đã được tự động chuyển sang LMS, bao gồm: Danh sách sinh viên trong lớp học phần, thông tin giảng viên của lớp học phần, thông tin thời khóa biểu, lịch giảng dạy lớp học phần.

- Kết quả điểm thi trắc nghiệm, điểm chấm bài tập trên LMS có thể chuyển thành điểm kiểm tra thường xuyên 1, điểm kiểm tra thường xuyên 2, điểm kiểm tra định kỳ 1, điểm kiểm tra định kỳ 2… trên hệ thống QLĐT.

- Việc tạo lập, sửa chữa tài khoản và các thông tin trên hệ thống QLĐT sẽ được tự động đồng bộ sang hệ thống LMS

- Khi sử dụng LMS để dạy lớp học phần, giảng viên chỉ cần thực hiện một số thao tác đơn giản để gửi/nhận dữ liệu giữa hai hệ thống mà không gặp phải sai sót với dữ liệu gốc trên phần mềm QLĐT. Giảng viên chỉ cần tạo các nội dung học liệu trên LMS để giảng dạy cho sinh viên.

Sau khi hoàn thiện tích hợp, khoa CNTT-GDNN đã chủ động mời kỹ thuật viên của Trí Nam tập huấn sử dụng LMS cho toàn bộ giảng viên trong trường với hy vọng rằng giảng viên sẽ tích cực sử dụng LMS để mang lại hiệu quả cho quá trình đào tạo của Nhà trường.

2.5. Một số kiến nghị, đề xuất

- *Hội đồng khoa học - Đào tạo của Nhà trường*: Thống nhất chủ trương chung của toàn trường trong việc triển khai đào tạo theo hình thức kết hợp. Xây dựng lộ trình, kế hoạch trong đào tạo trực tuyến. Tư vấn cho các phòng chức năng ban hành các văn bản quy định về đào tạo; chế độ quy đổi giờ dạy trực tiếp, trực tuyến; tỷ lệ đào tạo trực tiếp, trực tuyến trong các chương trình đào tạo.

- *Phòng KHCN-HTQT*: Tiếp tục tổ chức các nhiệm vụ khoa học như xây dựng học liệu số, viết giáo trình, tài liệu tham khảo để cung cấp tư liệu cho dạy học trực tuyến.

- *Phòng Quản lý Đào tạo*: Là đầu mối tổ chức triển khai, quản lý hoạt động đào tạo trong toàn Trường; phân công chuyên viên tham gia quản trị hệ thống LMS; thường xuyên phối với với Trường ĐH Công nghiệp để bổ sung hoàn chỉnh các chức năng của hệ thống QLĐT.

- *Các khoa đào tạo*: Lựa chọn các học phần sẽ ưu tiên trong triển khai theo mô hình học tập kết hợp; xác định nội dung sẽ chuyển sang đào tạo trực tuyến; tổ chức xây dựng học liệu điện tử, đưa lên LMS và triển khai đào tạo theo mô hình kết hợp.

3. Kết luận

Hoạt động đào tạo hiện nay rất cần đến sự hỗ trợ của các hệ thống phần mềm, đặc biết là khi tổ chức đào tạo theo mô hình kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến. Trường CĐSPTƯ đã tích hợp hệ thống QLĐT và hệ thống đào tạo trực tuyến thành một hệ thống làm việc liên thông với nhau. Các dữ liệu dùng chung đã

được đồng bộ giữa hai hệ thống, giúp cho quá trình vận hành và khai thác hệ thống được hiệu quả. Nhà trường cần thống nhất sử dụng mô hình đào tạo kết hợp, khai thác có hiệu quả hệ thống phần mềm đã được trang bị để giảm thời gian, công sức, chi phí cho hoạt động đào tạo; tăng khả năng chủ động trong học tập của người học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo tự đánh giá Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương năm 2017.

2. Chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non năm 2021 – Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương.

3. Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT, ngày 30 tháng 03 năm 2021, *"Quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên"*

4. Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế Đào tạo trình độ Đại học.

5. Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 phê duyệt Đề án *"Tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy-học, NCKH góp phần nâng cao chất lượng GDĐT giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025"*.

ỨNG DỤNG PHẦN MỀM SHUB CLASSROOM TRONG GIẢNG DẠY HỌC PHẦN GIÁO DỤC HỌC MẦM NON TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG

ThS. Đinh Hương Ly
Khoa Giáo dục mầm non

Tóm tắt: Phần mềm Shub Classroom là môt ứng dụng tuyệt vời ra đời dựa trên nhu cầu học tập mọi lúc mọi nơi của sinh viên và nhu cầu giảng dạy, quản lý lớp của giảng viên. Việc vận dụng phần mềm này để xây dựng kho học liệu điện tử cho chương IV - học phần giáo dục học mầm non đã đáp ứng nhu cầu của việc đổi mới phương pháp dạy học - lấy học sinh làm trung tâm, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học.

Từ khoá: *Kho học liệu điện tử, phần mềm Shub classroom, giáo dục học mầm non.*

1.Đặt vấn đề

Để thiết thực việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục thì việc đưa tất cả giáo án, bài giảng, tư liệu cần thiết của một giảng viên tích hợp vào một kho học liệu điện tử có thể gói gọn trong một đĩa CD hay lưu trữ và chia sẻ trên mạng Internet là cần thiết. Hiện nay, sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin giúp cho phần lớn giảng viên có thể tự trang bị cho mình bộ kho học liệu điện tử để phục vụ cho việc giảng dạy và nghiên cứu. Shub classroom là một được coi là công cụ hỗ trợ đắc lực trong việc xây dựng bộ kho học liệu điện tử nhằm phục vụ việc dạy và học học phần Giáo dục học mầm non đặc biệt là nội dung chương IV của học phần, đáp ứng nhu cầu của việc đổi mới phương pháp dạy học - lấy học sinh làm trung tâm, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học.

2.Nội dung

2.1. Khái niệm

2.1.1.Kho học liệu điện tử

Học liệu điện tử là tập hợp các phương tiện điện tử phục vụ dạy và học, bao gồm: sách giáo trình, sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, bài kiểm tra đánh giá, bản trình chiếu, bảng dữ liệu, các tệp âm thanh, hình ảnh, video, bài giảng điện tử, phần mềm dạy học, thí nghiệm ảo...

Kho học liệu điện tử là các tài liệu học tập được số hóa theo một cấu trúc, định dạng và kịch bản nhất định được lưu trữ trên máy tính hoặc website, nhằm phục vụ

việc dạy - học trên máy tính, trang web. Dạng thức số hóa có thể là văn bản, slide, bảng dữ liệu, âm thanh, hình ảnh, video clip, các ứng dụng tương tác và hỗn hợp của các dạng thức nói trên. Học liệu điện tử bao gồm học liệu tĩnh và học liệu đa phương tiện.

2.1.2. Đặc điểm

Học liệu điện tử sử dụng những thành tựu trong công nghệ nhằm tạo ra những tương tác ảo để hỗ trợ người học trong quá trình tự học. Đó là những tương tác: thầy - trò, trò - trò, trò - môi trường học tập.

Học liệu điện tử có khả năng rèn luyện tư duy và kĩ năng cho người học, có thể tạo được những tương tác hai chiều giữa người và máy.

2.2. Tổng quan về phần mềm Shub classroom

2.2.1.Phần mềm Shub classroom

Shub Classroom là một trong nhiều dự án dưới tên chung SHub do các sinh viên, cựu sinh viên Trường ĐH Khoa học tự nhiên, ĐH Quốc gia TP.HCM thực hiện với phương châm: sử dụng công nghệ tạo ra các sản phẩm giúp hỗ trợ những quá trình đổi mới giáo dục ở Việt Nam, đặc biệt hướng đến xây dựng cộng đồng học tập trên môi trường trực tuyến. Khi học tập, các học sinh, sinh viên thường gặp nhiều thắc mắc về bài vở, tốn nhiều công sức để giải đáp, mà không hẳn lúc nào bạn bè cùng lớp, thầy cô, hay cả Google cũng có thể hỗ trợ. Từ nhu cầu thực tiễn này, "lớp học đặc biệt" SHub Classroom đã ra đời.

2.2.2.Tiện ích của Shub Classroom

Shub Classroom là công cụ có nhiều tính năng tiện ích cho cả giáo viên và học sinh. Đối với giáo viên, Shub Classroom mang đến một công cụ tuyệt vời để quản lý lớp học. Đối với học sinh, học sinh được cung cấp chương trình học 1-1 trên nền tảng công nghệ hiện đại, bởi Shub Classroom là một ứng dụng tạo kho học liệu điện tử trực tuyến có thể tạo khóa học và đẩy học liệu điện tử lên giúp học sinh dễ dàng học tập mọi lúc mọi nơi.

2.3. Triển khai học tập chương IV học phần Giáo dục học mầm non dưới sự trợ giúp của phần mềm Shub classroom

2.3.1. Một số tiêu chí kho học liệu điện tử

Thứ nhất, tiêu chí về mặt khoa học: Các nội dung trong kho học liệu điện tử phải chính xác, khoa học. Nội dung phải phù hợp với chương trình môn học, giáo trình, các chương và tiêu đề bài học, đồng thời phải phù hợp với trình độ, kiến thức và kĩ năng của sinh viên.

Thứ hai, tiêu chí về lý luận dạy học: Kho học liệu điện tử phải thể hiện được đầy đủ các nội dung phục vụ cho quá trình dạy - học, như giáo án, tài liệu tham khảo, nội dung ôn tập, bài kiểm tra. Giữa các nội dung ấy phải thống nhất với nhau, phục vụ cho nhau. Các bước của tiến trình dạy - học phải đảm bảo đầy đủ các yếu tố đặt vấn đề, hình thành tri thức mới, luyện tập, tổng kết, hệ thống hóa tri thức, kiểm tra đánh giá kiến thức.

Thứ ba, tiêu chí về mặt sư phạm: Kho học liệu điện tử phải đảm bảo cho sinh viên có thể đào sâu khai thác kiến thức, suy nghĩ và giải quyết vấn đề, từ đó gây động cơ học tập và tích cực hóa hoạt động học tập của sinh viên.

Thứ tư, tiêu chí về mặt kỹ thuật: Kho học liệu điện tử phải đảm bảo tính hợp lý, ổn định, dễ sử dụng, khả năng thích ứng cao với các loại máy tính khác nhau.

2.3.2. Quy trình xây dựng Kho học liệu điện tử chương IV học phần giáo dục học mầm non

a) Xác định mục tiêu của bài học

- Mục tiêu về kiến thức:

Nhận diện và trình bày được khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa và phương pháp tổ chức chế độ sinh hoạt, các hoạt động giáo dục cho trẻ theo độ tuổi

- Mục tiêu về kỹ năng:

+ Trình bày, giải thích được các nguyên tắc dạy học; ý nghĩa dạy học cho trẻ mầm non.

+ Xây dựng chế độ sinh hoạt linh hoạt, phù hợp với đặc điểm thực tiễn

+ Lập kế hoạch, tổ chức thực hiện được hoạt động ngoài trời cho trẻ trong trường mầm non phù hợp lứa tuổi.

+ Phân tích, nhận xét, đánh giá việc tổ chức hoạt động động ngoài trời cho trẻ của giáo viên mầm non trong thực tế. Rút ra các bài học kinh nghiệm cho bản thân.

+ Sáng tạo trong giải quyết các vấn đề, tình huống sư phạm trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục.

+ Sử dụng thành thạo kiến thức - kĩ năng tin học trong quá trình học tập: lập kế hoạch, thiết kế môi trường tổ chức hoạt động ngoài trời cho trẻ.

- Mục tiêu về thái độ:

Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, có ý thức học tập và nghiên cứu nghiêm túc.

b) Xác định trọng tâm và kiến thức cơ bản của bài học

- Nội dung cơ bản:

+ Tổ chức chế độ sinh hoạt của trẻ mầm non

+ Tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ trong trường mầm non

- Trọng tâm kiến thức:

+ Phân biệt nội dung, phương pháp và lập kế hoạch tổ chức chế độ sinh hoạt cho trẻ theo các độ tuổi trẻ mầm non

+ Tổ chức được các hoạt động giáo dục cho trẻ trong trường mầm non

+ Lập kế hoạch tổ chức hoạt động ngoài trời cho trẻ trong trường mầm non

c) Xây dựng kịch bản dạy học (tiến trình dạy học)

Nhằm phát huy tối đa hiệu quả của việc sử dụng kho học liệu điện tử trong quá trình dạy học phần Giáo dục học mầm non với thời lượng chương trình 3 tín chỉ, tôi đã lựa chọn kĩ thuật dạy học KWLH để xây dựng kịch bản dạy học cho nội dung *Chương IV Tổ chức hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ trong trường mầm non trong giáo trình Giáo dục học mầm non với* 6 buổi (30 tiết) với các bước học tập như sau:

TỔ CHỨC HỌC TẬP TRÊN LỚP

CHƯƠNG IV - TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC – GIÁO DỤC TRẺ TRONG TRƯỜNG MẦM NON

Buổi 1(5 tiết) : Tổ chức chế độ sinh hoạt cho trẻ ở trường mầm non

NỘI DUNG	**K (Know - Kiến thức, hiểu biết SV đã có)**	**W (What - Những điều SV phải biết)**	**L (Learn - Những điều SV tự giải đáp/trả lời)**	**H (How - Cách thức để SV tìm tòi, nghiên cứu mở rộng thêm kiến thức)**
Khái quát về chế độ sinh hoạt của và phương pháp		1. Khái niệm CĐSH		

tổ chức chế độ sinh hoạt cho trẻ ở các lứa tuổi trong trường mầm non	Chế độ sinh hoạt của trẻ trrong trường mầm non	2. Ý nghĩa CĐSH		
		3. Nội dung CĐSH		
		4. Phương pháp tổ chức CĐSH cho trẻ trong trường mầm non		

Buổi 2,3 (10 tiết): Tổ chức các hoạt động Giáo dục ở trường mầm non

Tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ ở trường MN	1.Hoạt động giao tiếp, giao lưu xúc cảm 2.Hoạt động với đồ vật 3.Hoạt động vui chơi 4.Hoạt động học	1. Khái niệm		
		2. Ý nghĩa		
		3. Đặc điểm		
		4. Nội dung		
		5. Phương pháp tổ chức hoạt động GD		

Buổi 4 (5 tiết) Tổ chức các hoạt động Giáo dục ở trường mầm non

Tổ chức hoạt động dạo chơi tham quan	**1. Tổ chức hoạt động dạo chơi ngoài trời** a. Khái niệm b.Nội dung c.Phương pháp tổ chức d. Kế hoạch tổ chức dạo chơi ngoài trời cho trẻ MN **2. Tổ chức hoạt động tham quan**	1. Nội dung 2. Phương pháp tổ chức 3. Lập kế hoạch tổ chức dạo chơi ngoài trời cho trẻ MN		

Buổi 5 (5 tiết) Tổ chức các hoạt động Giáo dục ở trường mầm non

Hoạt động ngày hội, ngày lễ, lao động của trẻ ở trường MN	**Thực hành:** Lập kế hoạch tổ chức hoạt động dạo chơi ngoài trời cho trẻ mầm non **Thực hành:** Thực hiện kế hoạch tổ chức hoạt động dạo chơi ngoài trời cho trẻ mầm non	1. Nội dung 2. Phương pháp tổ chức 3. Lập kế hoạch tổ chức ngày hội, lao động cho trẻ MN		

Buổi 6 (5 tiết) Tổ chức các hoạt động Giáo dục ở trường mầm non

Lập và thực hiện kế hoạch, tổ chức hoạt động dạo chơi ngoài trời cho trẻ mầm non	**Thực hành:** Lập kế hoạch tổ chức hoạt động dạo chơi ngoài trời cho trẻ mầm non **Thực hành:** Thực hiện kế hoạch tổ chức hoạt động dạo chơi ngoài trời cho trẻ mầm non	1. Lập kế hoạch tổ chức dạo chơi ngoài trời cho trẻ MN 2. Thực hiện kế hoạch tổ chức hoạt động dạo chơi ngoài trời cho trẻ mầm non		

d) Lựa chọn tư liệu cần thiết cho từng hoạt động

Trong chương IV: Tổ chức hoạt động chăm sóc – giáo dục trẻ trong trường mầm non ngoài việc phải xây dựng giáo án, nội dung ôn tập, bài kiểm tra giảng viên cần tiến hành tìm kiếm, lựa chọn tài liệu tham khảo là tranh ảnh, video phục vụ cho việc giảng dạy và học tập nội dung này.

e) Lựa chọn phần mềm công cụ để xây dựng kho học liệu điện tử

Để xây dựng giáo án, bài giảng điện tử, nội dung ôn tập, giảng viên cần sử dụng phần mềm Microsoft Office Word, Shub classroom.

f) Chạy thử chương trình, xin ý kiến chuyên gia và đồng nghiệp

Sau khi thiết kế xong kho học liệu điện tử, phải tiến hành chạy thử chương trình, qua đó kiểm tra nội dung kiến thức và độ khớp về tài liệu. Đồng thời, giảng viên cần hỏi và xin ý kiến của các chuyên gia, đồng nghiệp để kho học liệu điện tử hoàn thiện hơn.

g) Chỉnh sửa và hoàn thiện

Sau khi chạy thử chương trình và xin ý kiến các chuyên gia, đồng nghiệp, giảng viên cần phải kiểm tra, chỉnh sửa và hoàn thiện kho học liệu điện tử.

2.3.3. Một số hình ảnh về kho học liệu điện tử dùng trong giảng dạy chương IV học phần Giáo dục học mầm non

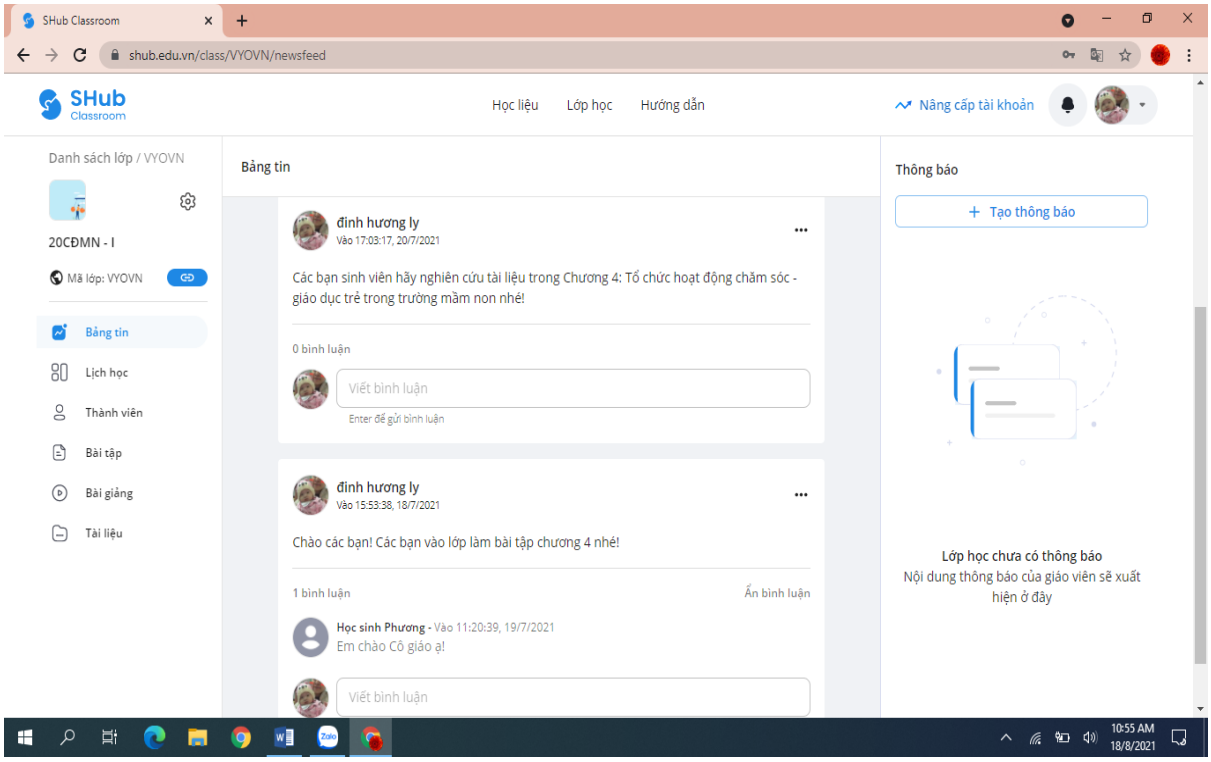

Hình ảnh 1: Lập tài khoản Shub classroom cho lớp 20CĐMN I

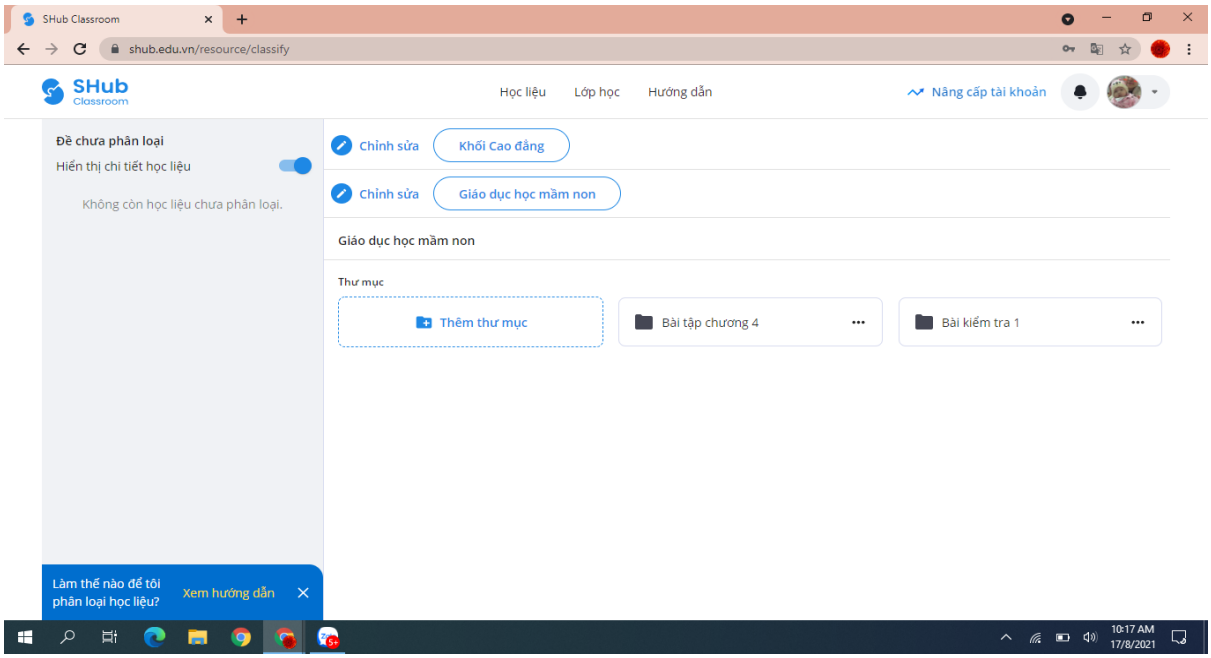

Hình ảnh 2: Kho học liệu bài giảng

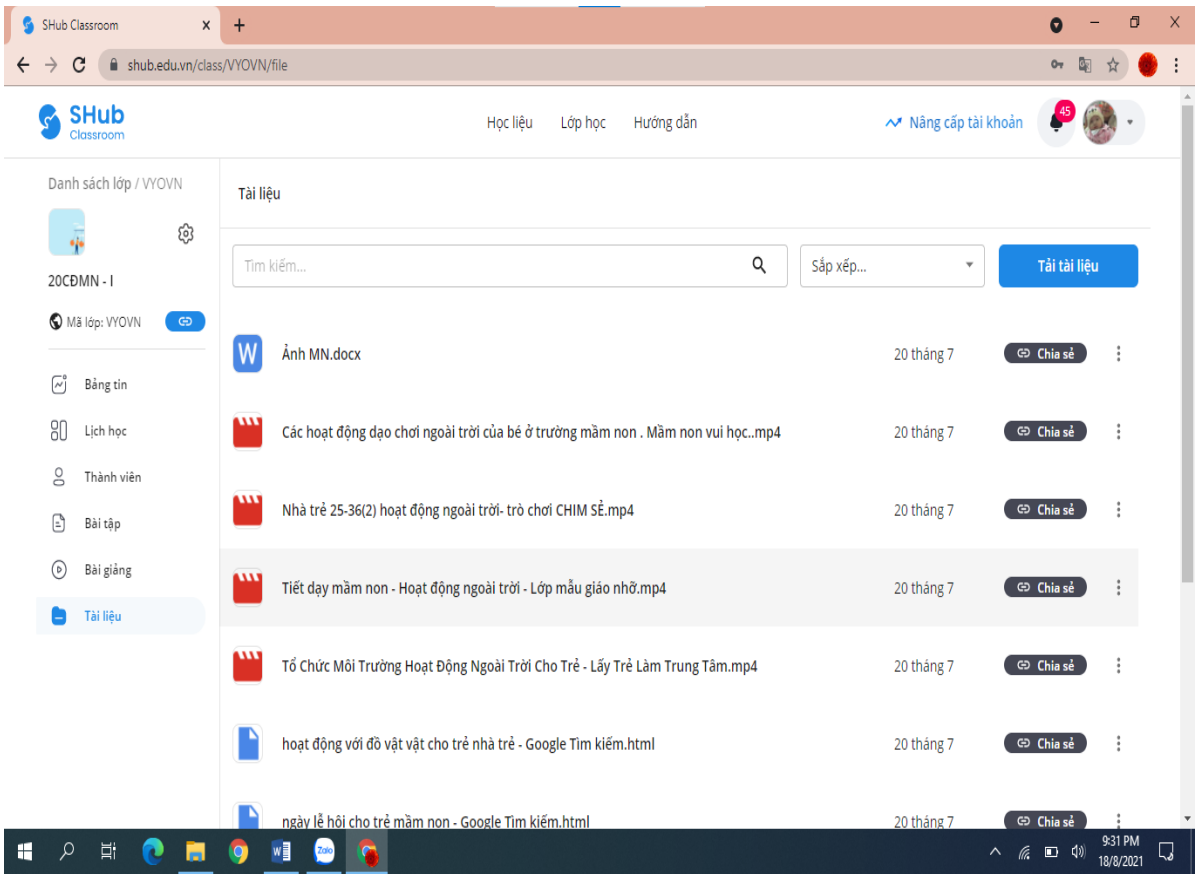

Hình ảnh 3: Kho tài liệu hình ảnh và video hoạt động giáo dục

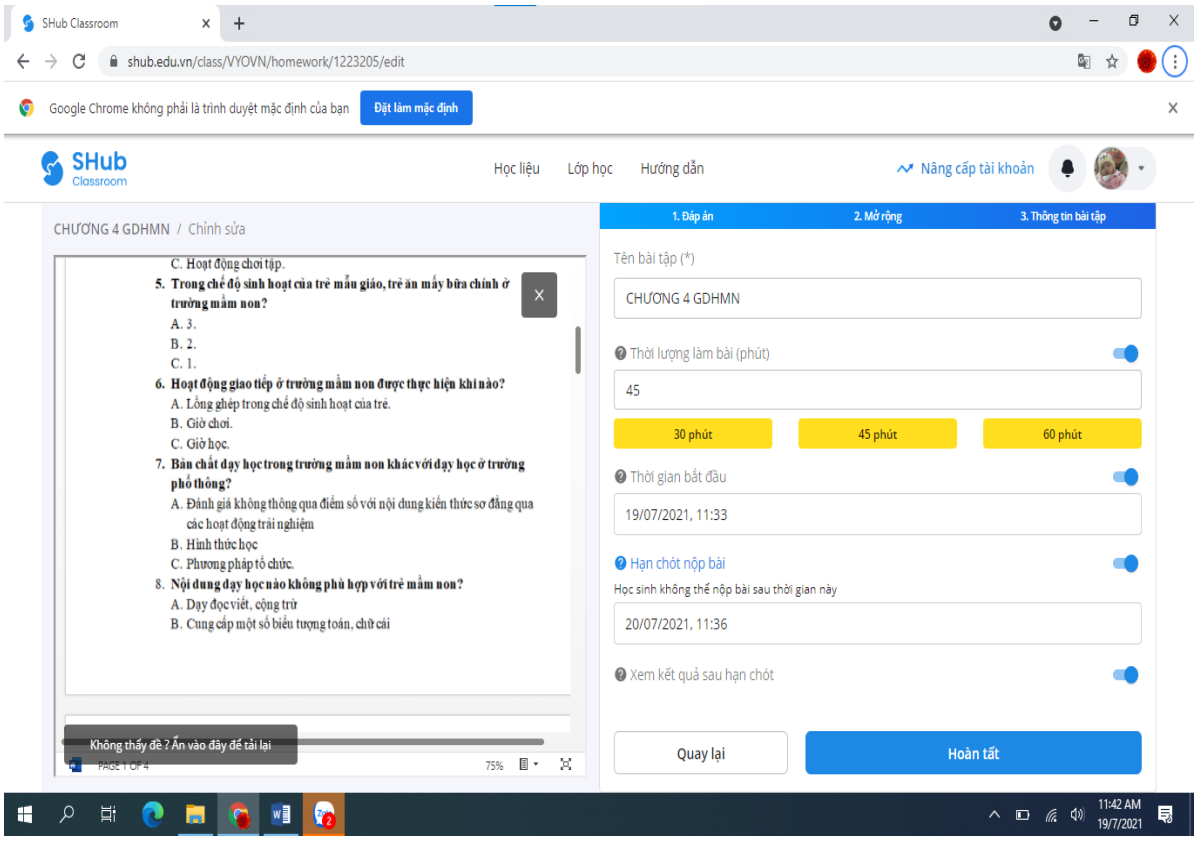

Hình ảnh 4 : Kết quả bài tập sinh viên thực hiện

2.3.4. Ưu điểm ứng dụng phần mềm Shub Classroom để xây dựng kho học liệu cho học phần Giáo dục học mầm non

Thứ nhất: Giúp giảng viên tạo được một kho học liệu, trong đó bao gồm các bài giảng, kế hoạch học tập, video, hình ảnh, tài liệu…

Thứ hai, đối với giảng viên và nhà nghiên cứu, kho học liệu điện tử sẽ là môi trường chia sẻ kiến thức, hoàn thiện bài giảng; còn đối với sinh viên, kho học liệu điện tử sẽ cung cấp thêm nguồn tài liệu quý, khách quan trong quá trình học tập, kích thích sự năng động, sáng tạo của bản thân sinh viên.

Thứ ba, học phần Giáo dục học mầm non là một môn học vừa bao gồm lý thuyết, vừa gắn với thực tiễn hoạt động trong trường mầm non. Việc thiết kế kho học liệu điện tử tạo ra nhiều hình thức dạy - học đa dạng, phong phú, giúp sinh viên có thể học mọi lúc, mọi nơi, học với mọi người.

3. Kết luận

Với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, phần lớn giảng viên có thể tự trang bị cho mình ~~bộ~~ kho học liệu điện tử để phục vụ cho việc giảng dạy và nghiên cứu. Việc ứng dụng phần mềm Shub Classroom đã xây dựng ~~bộ~~ kho học liệu điện tử nhằm phục vụ việc dạy và học học phần Giáo dục học mầm non, đáp ứng nhu cầu của việc đổi mới phương pháp dạy học - lấy học sinh làm trung tâm, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu trong nước

1. Bộ Giáo dục - Đào tạo (2002), *Chiến lược phát triển giáo dục 2001 - 2010*.

2. Bộ Giáo dục - Đào tạo (2007), *Quy chế đào tạo Đại học, Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*, Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15/8/2007.

3. Phạm Thị Châu - Nguyễn Thị Oanh - Trần Thị Sinh (2011), *Giáo dục học mầm non*, Nxb ĐH Quốc Gia Hà Nội.

4. Nguyễn Thị Phương (2017), *Hướng dẫn xây dựng kho học liệu điện tử dùng trong giảng dạy tại trường mầm non*, Trường CĐSPTƯ.

Tài liệu ngoài nước

Miguel Garcia Pineda, Jaime Loret Mauri, Fernando Boronat Segui, *Các hoạt động đa phương tiện tang cường học tập trong các môn học liên quan đến mạng máy tính*, Đại học Polytechnich - Valencia.

Trang web

http://khohoclieu.hanoiedu.vn/

HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÍ VĂN BẢN ĐẾN BẰNG PHẦN MỀM QUẢN LÝ VĂN BẢN TRONG QUÁ TRÌNH GIẢNG DẠY HỌC PHẦN NGHIỆP VỤ VĂN THƯ

ThS. Vũ Thị Bích

Khoa Công nghệ thông tin và Giáo dục nghệ nghiệp

Tóm tắt: Học phần Nghiệp vụ văn thư, việc ứng dụng phần mềm quản lý văn bản vào giảng dạy giúp giảng viên có thể hướng dẫn sinh viên đăng kí văn bản trên hệ thống một cách khoa học và hiện đại. Bài viết này, tác giả hướng dẫn đăng kí văn bản đến bằng phần mềm quản lý văn bản trong môn học Nghiệp vụ văn thư.

Từ khóa: *Quản lý văn bản, nghiệp vụ văn thư, đăng kí văn bản đến*

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ và ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác giảng dạy của giảng viên đang là nhu cầu tất yếu và phát triển một cách đồng bộ. Với học phần Nghiệp vụ văn thư, việc ứng dụng phần mềm quản lý văn bản vào giảng dạy giúp giảng viên có thể hướng dẫn sinh viên không chỉ thực hiện quản lý và xử lý văn bản, giấy tờ của các cơ quan không chỉ bằng phương pháp thủ công, mà còn hướng dẫn sinh viên thực hiện quản lý văn bản, đăng kí văn bản bằng phần mềm quản lý văn bản trên máy tính một cách khoa học và nâng cao hiệu suất công việc trong quá trình hoạt động, qua đó sinh viên có thể tiếp cận phương pháp quản lý văn bản hiện đại, phù hợp với thời bùng nổ công nghệ thông tin như hiện nay. Bài viết này, tác giả hướng dẫn đăng kí văn bản đến bằng phần mềm quản lý văn bản trong môn học Nghiệp vụ văn thư.

2. Nội dung

2.1. Một số khái niệm

- *Quản lý văn bản:* Là áp dụng các biện pháp nghiệp vụ nhằm tiếp nhận, chuyển giao nhanh chóng, kịp thời, đảm bảo an toàn văn bản hình thành trong hoạt động hàng ngày của cơ quan, tổ chức [39;2].

- *Văn bản đến:* Là tất cả các loại văn bản, bao gồm văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính và văn bản chuyên ngành (kể cả bản Fax, văn bản được chuyển qua mạng, văn bản mật) và đơn, thư gửi đến cơ quan, tổ chức [khoản 2, điều 2, 3].

- *Đăng ký văn bản:* Là việc ghi chép hoặc cập nhật những thông tin cần thiết về văn bản như số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành; tên loại và trích yếu nội dung;

nơi nhận và những thông tin khác vào sổ đăng ký văn bản hoặc cơ sở dữ liệu quản lý văn bản trên máy vi tính để quản lý và tra tìm văn bản [khoản 3, điều 2, 3].

2.2. Tổng quan về phần mềm quản lý văn bản

Phần mềm Quản lý văn bản đi đến được xây dựng trên nền tảng công nghệ web (Microsoft Active Server Pages). Các máy trạm cài đặt trình duyệt Web là có thể truy cập và sử dụng tất cả các phân hệ của phần mềm. Ngoài trình duyệt các máy trạm cần được cài đặt phông chữ và bộ gõ tiếng Việt theo chuẩn Unicode.

Các trường thông tin mô tả văn bản đi, văn bản đến theo đúng chuẩn mô tả do Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước ban hành. Đối với văn bản đi có các trường như: Số KHVB, Ngày VB, Trích yếu ND, Đơn vị soạn, Nơi nhận, …Đối với văn bản đến: Số đến, Ngày đến, Số KHVB, Ngày VB, Trích yếu ND, Nơi gửi, Đơn vị nhận, Tác giả,… Phần mềm cho phép gắn nội dung toàn văn của văn bản đi, văn bản đến theo các định dạng file: text, file ảnh, file pdf…vào hệ thống.

Mỗi thành viên trong hệ thống được phân quyền để quản lý văn bản cá nhân của mình và có thể chia sẻ lên hệ thống chung của đơn vị. Người quản lý thư mục chung của đơn vị có thể up các văn bản có liên quan lên thư mục dùng chung của đơn vị. Phần mềm quản lý văn bản cho phép người quản lý phân loại văn bản theo từng chủ đề, lĩnh vực khác nhau. Các tài liệu văn bản được sắp xếp và quản lý theo từng năm cụ thể để người dùng có thể tìm kiếm dễ dàng các tài liệu nào đấy. Phần mềm được chuẩn hóa theo các quy trình quản lý thông tin, văn bản nội bộ.

2.3. Phương pháp đăng kí văn bản đến bằng phần mềm trên máy vi tính

Để tiến hành đăng ký bằng phần mềm trên máy vi tính, các cơ quan phải thiết lập hoặc mua phần mềm ứng dụng quản lý văn bản. Cuối ngày, tuần hoặc tháng, văn thư in và đóng thành sổ đăng ký văn bản đến cơ quan. Đồng thời báo cáo số liệu tổng hợp văn bản bản đến hàng tuần, hàng tháng cho Chánh Văn phòng hoặc Trưởng phòng Hành chính.

Đăng ký văn bản đến bằng phần mềm quản lý văn bản đến trên máy vi tính là việc cập nhật những thông tin cần thiết có trên văn bản đến của cơ quan vào phần mềm quản lý văn bản theo trình tự hướng dẫn dưới đây.

Bước 1: Người sử dụng nhập tên đăng nhập và mật khẩu vào ô đăng nhập để vào hệ thống phần mềm quản lý đơn thư:

Ví dụ : Tên đăng nhập – Mật khẩu: *****

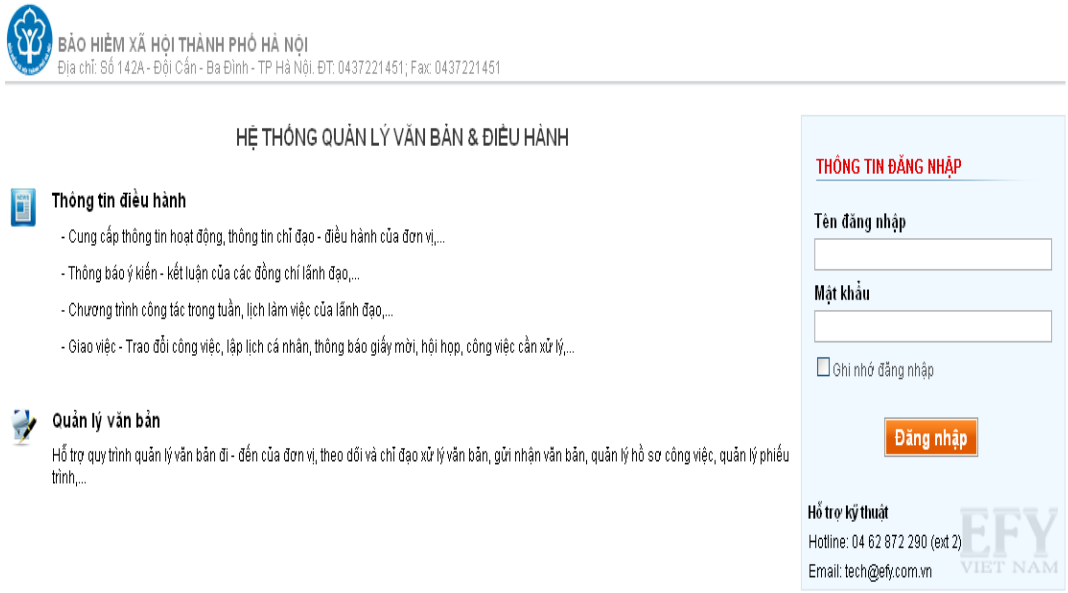

H1

Bước 2: Sau khi đăng nhập thành công, cho phép người sử dụng truy cập vào phần mềm tự động tổng hợp và nhắc những công việc cần xử lý. Sau đó xem danh sách công việc cần xử lý. Khi người click vào lời nhắc nào thệ thống sẽ hiển thị ra toàn bộ những dữ liệu có liên quan tới lời nhắc đó.

H2

Bước 3: Trên menu trái, người sử dụng chọn menu "**Văn bản đến**" -> "**Văn bản chờ nhân**", Phần mềm xử lý và cho hiển thị màn hình danh sách sau:

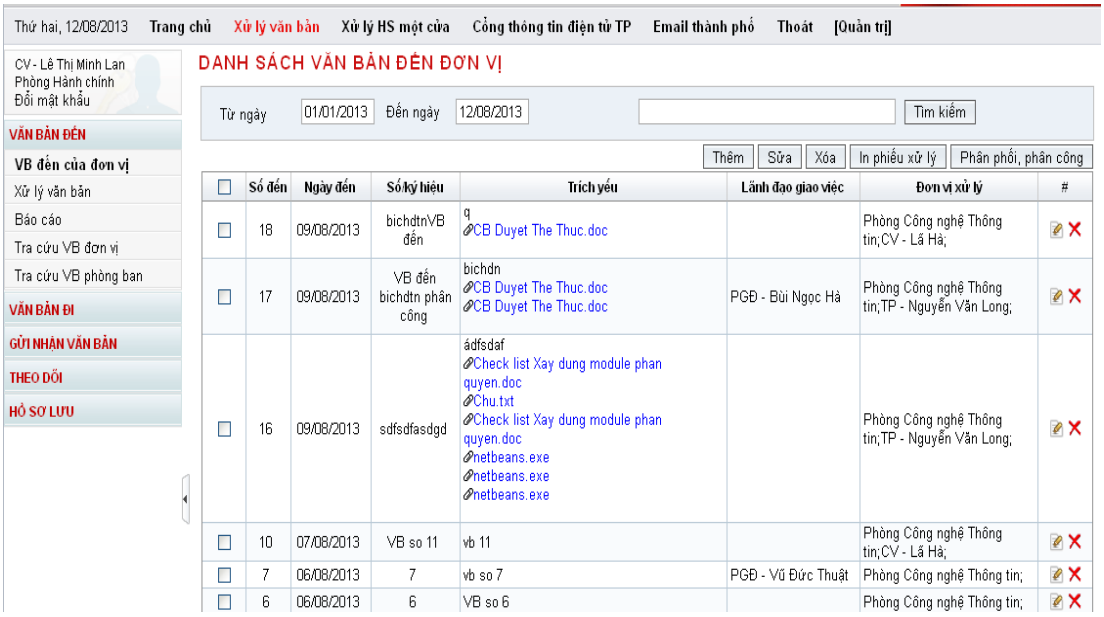

H3

Bước 4: Từ hình H3, người sử dụng click vào nút "**Thêm**", phần mềm xử lý và cho hiển thị màn hình sau:

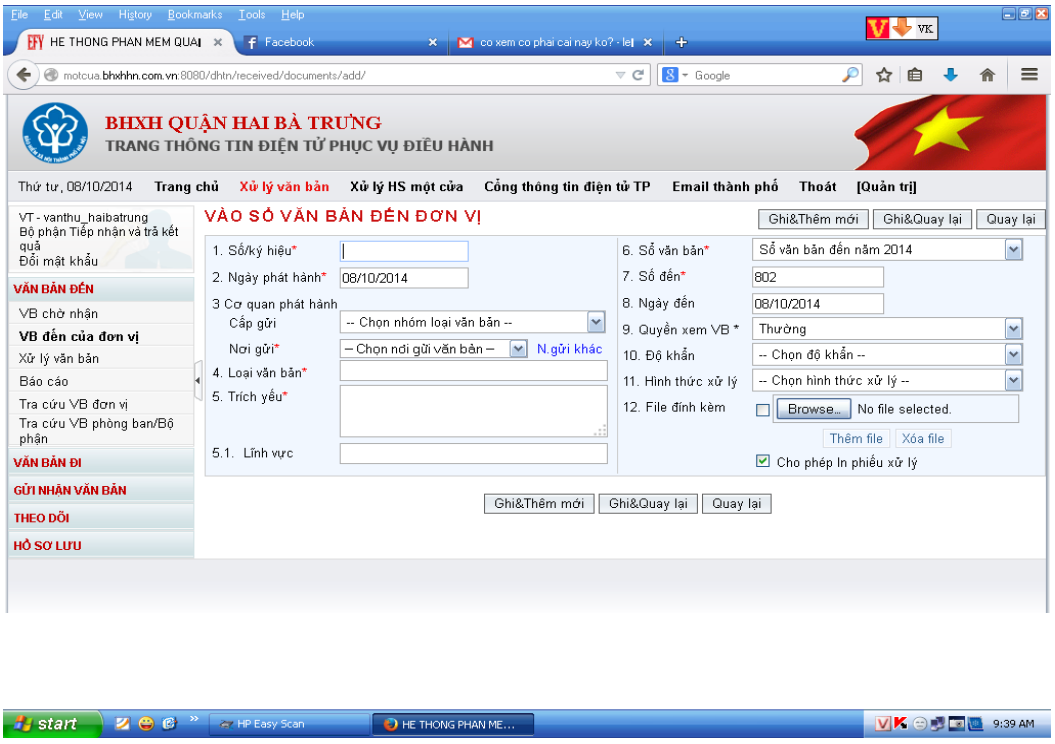

H4

Bước 5: Cập nhật thông tin có sẵn trong văn bản đến, tại giao diện này người sử dụng có thể thực hiện:

- Nhập dữ liệu cho các trường dữ liệu bắt buộc (các trường có dấu *) như: Số/ ký hiệu, Ngày phát hành, Nơi gửi, Loại văn bản… ;

- Chọn Ngày đến, Tính chất, Hình thức xử lý…;

- Chọn file đính kèm: người sử dụng đặt tên file theo chuẩn: **[Đến]-[Số đến]-[Năm]-{[Chỉ số phụ]/Có hoặc không}**

  - Vd: ***den-1629-2010-01.pdf*** *(* Tên file đính kèm thứ nhất)

    den-1629-2010-02.pdf **(** Tên file đính kèm thứ hai)

    den-1629-2010-0n.pdf **(** Tên file đính kèm thứ n)

- Nếu tick chọn Option "*Cho phép in phiếu xử lý*": sau thi nhập đầy đủ thông tin và lick nút "*Ghi&Quay lại"* sẽ tự động hiển thị mẫu Phiếu giải quyết văn bản đến (In Phiếu xử lý văn bản);

Nhấn nút "*Ghi &Thêm mới*" để lưu nội dung và quay lại cửa sổ nhập văn bản mới, Nhấn nút "*Ghi&Thêm tiếp* " lưu nội dung đồng thời quay lại cửa sổ nhập văn bản với thông tin đã nhập, Nhấn nút "*Ghi &Quay lại*" để hủy nội dung và quay lại màn hình danh sách trước đó, Nhấn nút *"Ghi tạm"* để lưu thông tin vào hệ thống rồi thực hiện nhập tiếp thông tin đang thực hiện, Nhấn nút *"Quay lại"* để quay lại màn hình danh sách trước đó.

Sau khi đăng kí văn bản đến xong sẽ có giao diện như sau:

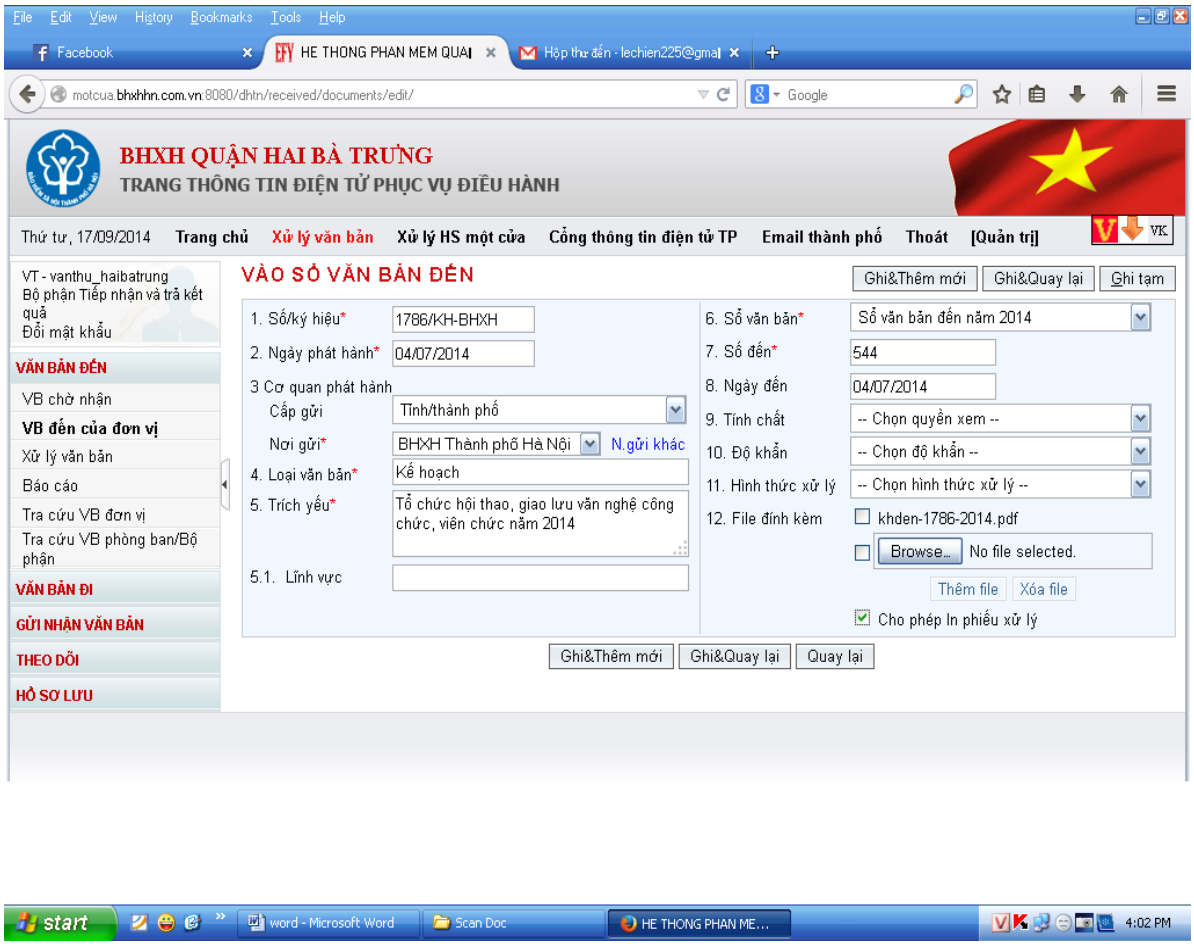

3. Kết luận

Hình thức đăng ký bằng phần mềm trên máy vi tính có nhiều ưu điểm: có thể cung cấp nhiều loại thông tin về văn bản, tra tìm văn bản nhanh chóng, quản lý văn bản trong cơ quan được thống nhất. Tuy nhiên, việc sử dụng đòi hỏi phải kỹ năng nhất định và trường hợp mất điện, hỏng hóc có thể dẫn tới những khó khăn và xáo trộn nhất định trong hoạt động của cơ quan đơn vị.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trường Đại học Nội vụ (2012), *Nghiệp vụ văn thư*, NXB Giao thông vận tải

2. Vương Đình Quyền (2000), *Lý luận và phương pháp công tác văn thư*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia.

3. *Nghị định* số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

TỔNG BIÊN TẬP

PGS.TS. Trần Đình Tuấn

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

1. TS. Trịnh Thị Xim
2. TS. Nguyễn Thị Thanh
3. TS. Hoàng Thị Lan
4. TS. Đỗ Thị Thanh Loan
5. TS. Nguyễn Thị Thanh Nga
6. TS. Nguyễn Thị Hồng Vân
7. ThS. Nguyễn Trung Hiếu
8. ThS. Trần Nguyên Hương
9. TS. Lê Thị Kim Cúc
10. ThS. Phạm Minh Tùng
11. TS. Nguyễn Thị Hạnh